

Nguyệt san



CHÁNH PHÁP

HOẰNG PHÁP ■ GIÁO DỤC ■ VĂN HỌC PHẬT GIÁO ■ TIN TỨC PHẬT SỰ



Photo: Hồ Bích Hợp

108

THÁNG 11.2020



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com
Website: chanhphap.us | chanhphap.org | chanhphap.net

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**

Hình bìa: **Hồ Bích Hợp**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:

(714) 638-0989

(714) 266-4171

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đứng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

baivochanhphap@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP

11502 Daniel Ave.

Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ♦ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 4
- ♦ **KÍNH MỪNG TUỔI HẠ** (thơ ĐNT Tín Nghĩa), trang 8
- ♦ **BIỆN TRUNG BIỆN LUẬN TỤNG THÍCH**, t.t. (HT. Thích Thắng Hoan), trang 9
- ♦ **HẠ TÀN, CHIỀU THU** (thơ Thy An), trang 13
- ♦ **CÙNG NGHIỆP THÌ KẾT DUYÊN VỚI NHAU** (Quảng Tánh), trang 14
- ♦ **THÔNG TƯ V/V CỨU TRỢ NẠN NHÂN LŨ LỤT MIỀN TRUNG** (TV Từ Thiện XH), trang 15
- ♦ **HAI PHONG CÁCH THIÊN CHÁNH NIỆM** (Nguyễn Giác dịch), trang 16
- ♦ **TRANG NGHIỆM TỊNH ĐỘ** (Ns. Thích Nữ Trí Hải), trang 22
- ♦ **5 BÀI WAKA CỦA TÂY HÀNH PHÁP SỰ** (Pháp Hoan dịch), trang 24
- ♦ **"TAM TỰ QUY Y" LÀ GÌ?** (TN Hằng Như), trang 25
- ♦ **MỀ KHÚC THU** (thơ Hiền Nguyễn), trang 29
- ♦ **LỢI ÍCH CỦA TÂM TÙY HỖ...** (Thích Viên Thành), trang 30
- ♦ **CON ONG VÀ HÀNH GIÀ, CON MUỐI** (thơ Hồ Thanh Nhã), trang 32
- ♦ **CHÙA ÁN QUANG VÀ CHÙA XÁ LỢI...** (VNPG Sử Luận, t.t. (Nguyễn Lang), trang 33
- ♦ **TA ƠN, NHỚ ƠN...** (thơ Thích Trừng Sỹ), trang 37
- ♦ **CÔNG ĐỨC – Câu Chuyện Dưới Cờ** (Nhóm Áo Lam), trang 38
- ♦ **ĐỌC BÀI THƠ "MÙA THU QUÉT LÁ SÂN CHÙA"** (Lam Nguyễn), tr. 39
- ♦ **NỮA Ó BÁNH MÌ VÂN LÀ BÁNH MÌ...** (Huệ Trân), trang 40
- ♦ **MẸ TÔI ĐI ĐẠO** (thơ Thanh Yên), trang 41
- ♦ **TRỜI MƯA SẮC THUỐC HẦU HÒA THUỢNG** (thơ Tâm Tấn), trang 41
- ♦ **MÁU** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 48
- ♦ **HÃY ĐẾN VỚI TÔI** (thơ Kiều Mộng Hà), trang 49
- ♦ **ĐỌC THƠ PHẬT CỦA THI SĨ TÂM TÂN** (Huỳnh Kim Quang), trang 50
- ♦ **ĐẠO PHẬT LÀ ĐẠO YÊU ĐỜI** (TM Ngô Tăng Giao), trang 53
- ♦ **ĐƯỜNG LÊN CỎ TỰ** (thơ Minh Đạo), trang 56
- ♦ **NẤU CHAY: CANH KHOAI NẤU NẤM** (Tạp chí Món Ngon) trang 57
- ♦ **GIỮ TRÒN LỜI HỨA** (Nguyễn Văn Sâm), trang 58
- ♦ **HAI BÀI THƠ CỦA NỮ THI SĨ LOUISE GLUCK** (Hoang Phong phóng tác), trang 61
- ♦ **TA ƠN** (thơ Du Tâm Lăng Từ), trang 63
- ♦ **TRUYỆN CỰC NGẮN** (Steven N.), trang 64
- ♦ **NHƯ MỘT VẾT TRÂM** (Tiểu Lục Thần Phong), trang 67
- ♦ **VIẾT CHO NGÀY THÁNG RONG CHƠI** (thơ Lê Bích Sơn), trang 68
- ♦ **TRÊN CON ĐƯỜNG** (Nhuận Hùng), trang 69
- ♦ **CHIẾN CÔNG OANH LIỆT NHẤT** (Truyện cổ Phật giáo), trang 71
- ♦ **LOAY HOAY GIỮA CON ĐƯỜNG** (thơ Tiểu Lục Thần Phong), tr. 72
- ♦ **STORY OF THE OBSTINATE BIK-KHU** (Daw Tin), trang 73
- ♦ **KHÔNG VƯƠNG MẮC** (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 74
- ♦ **NON-ATTACHMENT** (Nyogen Senzaki & Paul Repts), trang 75
- ♦ **TUỆ NHÃN** (TK Vĩnh Hữu), tr. 76
- ♦ **CORONAVIRUS, NGUYỄN CẦU** (thơ Diệu Viên), trang 78
- ♦ **NGỖ THOÁT – chương 1, t.t.** (Vĩnh Hào), trang 80



Báo Chánh Pháp số 108, tháng 11.2020, do Phật Học Viện Quốc Tế (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro (California) ấn tặng. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

NƯỚC LÊN

Nước. Nước từ đâu cứ dâng lên; lên rồi rút, rút rồi lại lên, ngập tràn đồng ruộng, ao hồ, vườn tược, làng quê, và phố thị của nhiều tỉnh thành miền Trung. Cuồng phong bão tố từ đại dương cuộn xoáy vào đất liền, kéo theo những cơn mưa xối xả ngày đêm. Nước lũ ngẫu đực từ non cao đổ về, từ các đập thủy điện xả xuống, đẩy những dòng cuồng lưu ồ ạt đi về nơi trũng thấp, theo những nhánh sông hướng ra biển, chững lại khi gặp mực biển dâng cao với cường triều gầm thét, sông nổi biển biến vùng duyên hải thành một biển nước mênh mông.

Trong dòng nước ngẫu đực, đã có trên trăm người thiệt mạng và mấy chục người còn mất tích; của cải, gia súc bị nhận chìm hoặc cuốn trôi. Dù đã được cảnh báo trước sẽ có lũ lụt lớn, nhiều gia đình vẫn không lường được sức nước khủng khiếp chưa từng có như vậy; hoặc cũng vì không biết phải lánh nạn ở đâu khi toàn vùng ngập tràn nước. Có thai phụ bị cuốn theo dòng lũ khi thuyền lật. Có cụ già mù trên chín mươi chẳng biết chạy đi đâu khi nước đến. Có gia đình không kịp chôn cất mẹ vừa mất khi lũ đến, phải treo quan tài mẹ lên trần nhà nằm ngày mới có thuyền đến cứu hộ, đem chôn. Có bà cụ một mình ngồi trên những bao lúa chất cao, nhin đối, thức trắng nhìn nước dâng từng giờ, không biết kêu cứu ai. Có người mẹ nằm bên cạnh xác hai con thơ chết đuối trong trận lụt, vuốt má ru con, lệ tràn. Có bà cụ vừa lo cho chồng bại liệt, vừa lo cho con bị hội chứng Down khi nước ngập nửa nhà mới kịp có ghe đến cứu. Có gia đình với đàn con nheo nhóc không kịp di tản, đành ôm nhau trên nóc nhà khóc la thảm thiết. Có bé thơ meo máo khóc khi tìm ra sách vở học của mình ướt mem rách nát trong vũng sinh. Có những dòng tin nhắn qua điện thoại, kêu cứu khẩn cấp, tuyệt vọng. Nhà nhà, nước ngập đến tận mái,

đoàn cứu hộ biết đâu mà tìm.

Rồi hoang tàn để lại sau những trận lũ. Lênh bênh trên những vũng nước đọng và sinh lây hôi thối là xác gia súc gia cầm, cây rừng, gỗ mục, những bao lúa thóc, và tất cả vật dụng, bàn ghế, tủ thờ, quần áo, sách vở... của hàng trăm nghìn gia đình, phơi bày lên đó. Xác người được tìm lại và đã đem chôn, nhưng vẫn còn một số mất tích, không biết tìm ở đâu nơi bờ sông, khe suối linh xình nước đục. Vội vàng tìm về nhà xưa, những người già người trẻ mắt trũng sâu, thất thần, vô vọng. Cha mẹ tôi đâu, tuổi già sức yếu chắc không thể chống nổi dòng cuồng lưu vô tình phẳng phẳng đêm qua. Chồng tôi đâu, vợ tôi đâu, con thơ tôi đâu, có ai vớt được không khi nước lũ cuốn qua căn nhà xiêu vẹo này!

Sau một tuần mưa đổ ngày đêm, ngập lụt cùng khắp, rồi nước cũng rút dần. Nước rút về đâu? – Về nơi thấp nhất. Đổ về biển, hoặc thấm vào lòng đất. Nhưng nước mắt của khổ đau mất mát thì lẫn mãi vào tận tim can.

Nước luôn đổ về nơi thấp trong khi lửa thì bốc lên cao. Nước hay lửa đều hữu dụng, không thể thiếu trong cuộc đời. Nhưng khi bạo phát thì trở thành tai họa.

Khóc thương dân tình khổ lụy, ở bờ này hay bờ kia. Buồn với vợ, hận mình bắt tài vô lực trước thiên tai, nhân họa ngút ngàn. Nhìn thế nước dâng, không khỏi nhớ về Nguyễn Trãi (1380 – 1442) với bài thơ ứ tư về vận nước:

Quan hải

Thung mực trùng trùng hải lãng tiên
Trầm giang thiết tỏa diệp đồ nhiên
Phúc chu thủy tín dân do thủy
Thị hiểm nan bằng mệnh tại thiên
Họa phúc hữu môi phi nhất nhật
Anh hùng di hận kỷ thiên niên
Càn khôn kim cổ vô cùng ý
Khước tại thương lang viễn thụ yên.

Đóng cửa biển

Trước sóng biển, đóng cọc gỗ hết lớp này đến lớp khác,

Lại đặt ngàm xích sắt dưới sông, đều uổng công thôi!

Bị lật thuyền mới biết dân như nước,
Đã cậy thế hiểm thì khó tựa mệnh trời.
Họa phúc có duyên đâu phải chợt đến trong ngày,

Anh hùng đành lưu hận mấy nghìn năm.

Ý vô cùng của thiên địa xưa nay,
Hiện ra nơi sương khói trên hàng cây xa bên dòng nước.

(Lê Tư dịch nghĩa)

Đào Duy Anh dịch thơ như sau:

*Lớp lớp rào lim ngăn sóng biển,
Khoá sông xích sắt cũng vầy thôi.
Lật thuyền mới rõ dân như nước,
Cậy hiểm khôn xoay mệnh ở trời.
Họa phúc gây mầm khổng một chốc,
Anh hùng để hận mấy trăm đời.
Vô cùng trời đất gương kim cổ,
Cây khói xa mù bất ngát khơi.*

Lũ lụt trong thực tế là tai họa giáng xuống lương dân. Thế nước dâng trong chính trị là tai họa cho kẻ cầm quyền. Nước dâng thuyền thì nước cũng có thể lật thuyền (1). Ý dân một khi đã tụ lại và thịnh nộ dâng lên như nước lũ thì sẽ không thuyền nào an toàn chèo chống. Đặt mình vào tình huống khó khăn để cảm cái khổ của người. Lòng thương luôn sẵn có nhưng cơ hội để bộc phát không phải là từng ngày. Hiểm họa của đời sống cũng không phải đột nhiên mà đến. Việc thịnh suy ở đời luôn có căn nguyên của nó. Cần học

cách ứng xử thế nào khi tai họa đến với người khác, vì ngày nào đó có thể sẽ đến lượt mình. Khổ đau sẽ không chữa một ai. Giữ tâm lắng đọng như mặt nước hồ thu. Gạn lọc những câu bẩn thường làm nhiễm ô dòng nước. Lắng tâm như lắng nước, đứng để sóng động. Rồi nước sẽ yên tĩnh, và bình an sẽ đến với muôn người.

- (1) Theo Lê Tư, trang Nghiên Cứu Lịch Sử, "Khổng tử gia ngữ: "Phù quân giả, chu dã; thứ nhân giả, thủy dã. Thủy sở dĩ tải chu, diệc sở dĩ phúc chu." *Vua là thuyền, dân là nước. Nước để chở thuyền mà cũng có thể lật thuyền* (dẫn theo Trần Trọng Dương). Thiên "Vương chế," sách Tuần tử có câu tương tự: "Quân giả, chu dã, thứ nhân giả, thủy dã; thủy tải chu, thủy tắc phúc chu." *Vua là thuyền, thứ nhân như nước; nước chở thuyền, cũng làm lật thuyền*. Tuần tử (313 - 238 trước Tây lịch) không nhận lời này của ông mà nói rằng trích xuất từ "Truyện," tác phẩm giải nghĩa kinh cổ trước đó." (trích chú thích số 104, bài 'Nguyễn Trãi, bề tôi của bốn dòng vua': <https://nghiencuulichsu.com/2018/01/18/nguyen-trai-be-toi-cua-bon-dong-vua/>)



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

HOA KỲ: Đại Bảo tháp của Trung tâm Núi Shambhala được bảo vệ trong trận cháy rừng

Trung tâm Núi Shambhala (SMC), một trung tâm tu học Phật giáo nằm trên diện tích 600 mẫu Anh gần Red Feather Lakes, Colorado, đã bị mất các tòa nhà trong trận cháy rừng Cameron Peak vào tuần này, Denver Post đưa tin.

Lính cứu hỏa đã bảo vệ được Đại Bảo tháp của trung tâm, nhưng SMC bị mất các tòa nhà xung quanh các rìa của khu phức hợp này.

Trước khi di tản khỏi khu vực, các nhân viên của trung tâm đã chuyển các đồ vật quý giá vào Đại Bảo tháp vì họ nghĩ rằng công trình kiến trúc bằng bê tông và cốt thép này sẽ chống cháy.

SMC được thành lập vào năm 1971 bởi Chogyam Trungpa Rinpoche, một vị thầy Phật giáo Tây Tạng và là nhân vật quan trọng trong việc truyền bá Phật giáo ở phương Tây.

(tricycle.org – October 3, 2020)

THÁI LAN: Lễ hội Phật giáo Oak Phansa

Lễ hội Oak Phansa đánh dấu sự kết thúc của Mùa Chay Phật giáo và năm nay rơi vào ngày 1-10. Vào dịp lễ này, chùa chiền trên khắp đất nước đều tổ chức lễ hội hóa trang.

Ở phía đông bắc, mọi người ăn mừng bằng những cuộc rước thuyền được chiếu sáng.

Nhiều người ở Nakhon Phanom đã đến tham quan Lễ hội Oak Phansa vào ngày 30-10, mua sắm và ngắm những chiếc thuyền đang cạnh tranh nhau xem chiếc nào đẹp nhất trên sông Mekong. Lễ hội bắt đầu vào ngày 25-9 và kéo dài đến ngày 4-10.

Các con thuyền được trang trí với khoảng 5,000 đến 10,000 ngọn nến, mô tả các hình ảnh liên quan đến tôn giáo, trong đó hình ảnh chính là Đức Phật.

(nationthailand.com – October 1, 2020)



Lễ hội Oak Phansa tại Nakhon Phanom

Photo: nationthailand.com

ẤN ĐỘ: Thành lập trường Đại học Phật giáo tại bang Sikkim

Vào ngày 21-9-2020, Hội đồng Lập pháp bang Sikkim đã thông qua dự luật thành lập một trường đại học Phật

giáo tại bang này. Với tên gọi Đại học Phật giáo Khangchendzonga (KBU), cơ sở này sẽ trở thành trường đại học Phật giáo tư thục đầu tiên ở Ấn Độ và là trường đại học đầu tiên ở Sikkim do người Sikkim sáng lập.

KBU tập trung phát triển các kỹ năng chuyên môn trong các lĩnh vực kinh doanh mới nổi - bằng cách cung cấp các chương trình đổi mới và chất lượng cao và đào tạo về nghiên cứu Phật học, giáo dục, lĩnh vực dạy nghề, nghệ thuật tự do, khoa học xã hội, khoa học và kỹ thuật, khách sạn và du lịch, kiến trúc, y học và các lĩnh vực liên quan - để sinh viên từ tầng lớp trung lưu trở xuống có thể được đào tạo nghề nghiệp bổ ích.

(NewsNow – October 1, 2020)



Hội đồng Lập pháp bang Sikkim—

Photo: northeasttoday.in

NHẬT BẢN: Hình ảnh chư Phật thánh được phát hiện trong ngôi chùa cổ Saimeiji

Các nhà khoa học từ Đại học Hiroshima đã phát hiện ra hình ảnh các vị Phật thánh trong ngôi chùa cổ Saimeiji ở tỉnh Shiga. Các bức vẽ được tìm thấy trên các cột ở chánh điện của chùa này bị che phủ một lớp bồ hóng.



Đại Bảo tháp của Trung tâm Núi Shambhala—Photo: SMC

Trong giới khoa học, trước đây người ta tin rằng chùa Saimeiji được xây dựng từ thời Kamakura, trong khoảng thời gian từ năm 1185 đến năm 1333. Vì chánh điện đã được xây dựng lại nhiều lần, nên những mảnh vỡ của tòa nhà này được cho là có từ lâu đời hơn nhiều. Nhóm khoa học gia quyết định kiểm tra các bức tượng và cột của ngôi chùa bằng máy quay video hồng ngoại. Trong quá trình làm việc, họ đã phát hiện những hình ảnh nói trên. Việc phân tích các tranh vẽ cho thấy rằng chúng có thể có từ những năm 592-710, sau Công nguyên. Có thể xác định chính xác năm tạo tác chúng – là năm 685.

Các nhà khoa học cho biết cách họ thực hiện việc xác lập niên đại của các bức vẽ này: Họ phân tích hình ảnh của các hình vẽ, các hoa văn đặc trưng trên quần áo và các lòng bàn tay gấp lại. Chúng trùng khớp với những yếu tố đã được tìm thấy trong các bức bích họa của thế kỷ thứ 8.

(thetimeshub.in – October 3, 2020)



Hình ảnh chư Phật thánh trên các cột ở chánh điện của chùa Saimeiji - được phát hiện qua kiểm tra bằng máy quay video hồng ngoại
Photos: phys.org



TRUNG QUỐC: Đầu tượng Phật được phục chế bằng công nghệ in 3D

Đầu của một tượng Phật đã được in ba chiều (3D) để phục chế một bức tượng đá tại Động Long Môn, một di sản văn hóa thế giới ở tỉnh Hà Nam, Trung Quốc.

Phần đầu được in cao 40cm và rộng 30cm, hoàn toàn khớp với phần còn lại của bức tượng Phật được tạc trên bức tường phía bắc của chùa Fengxian vào thời nhà Đường (618-907).

Tọa lạc tại thành phố Lạc Dương, Động Long Môn bao gồm hơn 2,300 hang động với 110,000 tượng và hình ảnh Phật giáo, hơn 80 đền thờ và 2,800 bia ký được tạo tác vào giữa triều đại Bắc Ngụy (386-534) và triều nhà Tống (960-1279).

Vào đầu thế kỷ 20, các hang động phần lớn đã bị hư hại và cướp phá, với nhiều tượng Phật được mang ra nước ngoài. Đầu của tượng Phật này bị mất tích sau năm 1923 và đã được Bảo tàng Thượng Hải mua vào năm 1957.

Nghiên cứu trùng tu với sự hợp tác của bảo tàng Thượng Hải bắt đầu vào tháng 5-2019. Trong số 5 di vật của bảo tàng được xác nhận là đến từ Động Long Môn, đầu tượng Phật nói trên là vật đầu tiên được xác định với vị trí nguyên thủy của nó trong hang động Long Môn.

(tipitaka.net – October 3, 2020)



Đầu tượng Phật được phục chế bằng công nghệ in 3D
Photo: SHINE

TUVA (Liên bang Nga): Sư Gelek Natsyk Dorju được bầu làm Kamby Lama thứ chín

Ngày 4-10-2020 tại chùa Tsechenling ở Kyzyl, Gelek Natsyk Dorju (Sergek Olegovich Saryglar) đã được bổ nhiệm làm Kamby Lama (trưởng Lạt ma) thứ chín của nước Cộng hòa Tuva.

Gelek Natsyk Dorju sinh tại Tuva và theo học 5 năm tại Ivolginsky Datsan ở Cộng hòa Buryatia, một trong những tu viện Phật giáo quan trọng nhất ở Liên bang Nga. Từ năm thứ ba đi học, ông đã trở thành người đứng đầu các sa di Tuva ở tu viện Ivolginsky Datsan và là đại diện cho trưởng Lạt ma của Tuva. Ông nhận bằng geshe (tiến sĩ triết học Phật giáo) và năm 2015. Trong những năm gần đây, Gelek Dorju đã phục vụ tại chùa Phật giáo Tsechenling ở thủ đô Kyzyl của Tuva.

(Buddhistdoor Global – October 9, 2020)



Kamby Lama thứ chín Gelek Natsyk Dorju Kamby
Photo: mk-tuva.ru

VATICAN:Hội Phật giáo Từ Tế dự Ngày quốc lễ của Đài Loan nhân danh thông điệp 'Fratelli tutti' (Tất cả anh em)

Vatican, La Mã - Ngày 10 tháng 10 là ngày quốc lễ của Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan). Thông thường, đại sứ quán Đài Loan tại Tòa thánh Vatican mời bạn bè và những người nổi tiếng cùng đến dự một bữa tiệc buffet thịnh soạn.

Năm nay, để đáp lại thông điệp "Fratelli tutti" của Giáo hoàng Francis, cách thức kỷ niệm 109 năm của nước Cộng hòa Đài Loan đã thay đổi hoàn toàn.

Với sự cộng tác của Đức Hồng y Konrad Krajewski, Đại sứ quán Đài Loan đã mời Caritas La Mã và Hội Phật giáo Từ Tế đến dự một bữa ăn trưa kiểu Đài Loan với những người vô gia cư và bị bỏ rơi.

Đại sứ quán đã tặng túi ngủ "làm tại Đài Loan" cho người vô gia cư và cho tổ chức Caritas, còn Hội Phật giáo Từ Tế phân phát lon cá ngừ và chần sinh thái, được làm từ 100% chai nhựa tái chế.

(asianews.it - October 9, 2020)



NHẬT BẢN: Kho báu tại chùa Murouji ở tỉnh Nara đang chờ khách tham quan

Uda, Nara - Sau một thời gian trì hoãn liên quan đến virus, chùa Murouji đã khai trương bảo tàng Homotsuden mới vào tháng 9, trưng bày 25 pho tượng và đồ vật Phật giáo, bao gồm các bảo vật quốc gia được chỉ định và tài sản văn hóa quan trọng.

Trong số những điểm nổi bật là pho tượng Quan Âm Mười Một Mặt đứng và tượng Phật Thích Ca ngồi, cả hai đều là bảo vật quốc gia từ đầu thời Heian (794-1185).

Chùa Murouji được gọi là "Nyonin Koya," hay "Núi Koyasan dành cho phụ nữ", vì đây là ngôi chùa dành cho các tín đồ nữ - không giống như chùa Kongobuji nổi tiếng trên Núi Koyasan ở tỉnh Wakayama.

Ban đầu bảo tàng dự kiến mở cửa vào tháng 3, nhưng do đại dịch coronavirus mới nên đã buộc phải hoãn lại.

(asahi.com - October 8, 2020)



Bảo tàng Homotsuden mới của chùa Murouji và các tượng Phật được trưng bày
Photos: asahi.com

Ngày quốc lễ của Đài Loan - nhân danh 'Fratelli tutti' (Tất cả anh em) - được tổ chức tại Vatican—Photos: AsiaNews



PHÁP: Các đệ tử kỷ niệm 94 năm Ngày sinh của Thầy Thích Nhất Hạnh đáng kính

Các đệ tử và những người ngưỡng mộ thiền sư Việt Nam Thích Nhất Hạnh trên khắp thế giới đã đánh dấu sinh nhật lần thứ 94 - hay Ngày Tiếp nối - của vị thầy Phật giáo đáng kính vào Chủ nhật, 11-10-2020. Thích Nhất Hạnh, được các học trò gọi một cách trìu mến là "Thầy" (thầy), hiện cư ngụ tại tu viện gốc Từ Hiếu ở tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam, nơi ông được các đệ tử thân cận chăm sóc.

Tuần trước, vào ngày 6-10, tu viện Làng Mai (Pháp)

đã công bố một tuyên bố để trấn an cộng đồng Phật giáo toàn cầu, sau khi các báo cáo lan truyền trên mạng xã hội rằng sức khỏe của nhà sư đáng kính này đã xấu đi. Lưu ý về việc chuẩn bị cho ngày sinh của Thầy đang đến gần, Làng Mai cho biết thêm: "Chúng tôi khuyến khích bạn áp dụng những lời dạy của Thầy vào thực tế và dành thời điểm này để giúp bạn tìm thấy lòng can đảm và lòng từ bi để hòa giải với người khiến bạn gặp khó khăn. Đây là món quà tốt nhất mà chúng tôi có thể dâng lên Sư phụ của mình".
(Buddhistdoor Global - October 12, 2020)

Lào: Phật tử tham gia các lễ hội đầy màu sắc để đánh dấu sự kết thúc Mùa Chay

Đánh dấu sự kết thúc Mùa Chay Phật giáo (Ork Phan Sa) kéo dài 3 tháng của chư tăng, Phật tử trên khắp nước Lào đã dành 2 ngày để tham gia vào các lễ hội đầy màu sắc.

Mùa Chay bắt đầu vào cuối tháng 7 và kết thúc vào ngày 2-10, và bây giờ các nhà sư và sa di được phép đi ra khỏi chùa của họ.

Vào dịp đặc biệt này, các tín đồ đã mang những chiếc bát bằng bạc với vật phẩm để cúng dường chư tăng tại

các ngôi chùa địa phương vào sáng ngày 2-10.

Nhiều ngôi chùa địa phương trưng bày những chiếc thuyền truyền thống được trang trí bằng nến, do các nhà sư làm trong khuôn viên chùa.

Vào ngày 3-10, lễ hội đua thuyền được tổ chức dọc sông Mekong ở thủ đô Viêng Chăn để kỷ niệm ngày kết thúc mùa chay Phật giáo, thu hút rất đông người xếp hàng trên bờ sông để cổ vũ cho các đội yêu thích của họ và tận hưởng không khí sôi động và vui vẻ.

(Tipitaka Network - October 14, 2020)



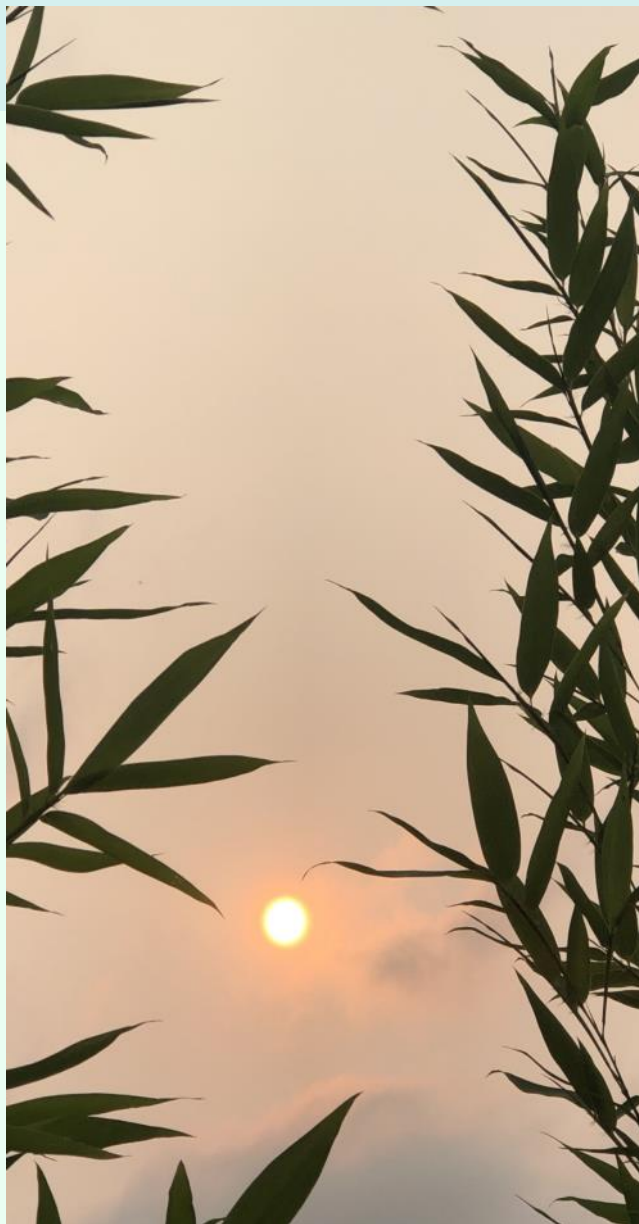
Lễ hội đua thuyền trên sông Mekong để kỷ niệm ngày kết thúc mùa chay Phật giáo—Photo: The Vientiane Times



Thầy Thích Nhất Hạnh tại Việt Nam
Photo: facebook.com

KÍNH MỪNG TUỔI HẠ

Mãn hạ rồi, tôi gọi phon chúc thọ:
Đến hai thầy Minh Đạt và Tịnh Từ,
Xin nguyện cầu nhĩ vị rỗi tâm từ,
Cho bá tánh bình yên và vô sự.
Thầy Minh Đạt nhận phon cười thích thú,
Tôi hỏi: Hạ xong rồi thầy có khỏe không?
Thầy vừa cười, vừa nói bảo thêm rằng:
Cô-Vít, không đi đâu nên cũng khỏe...
Có chút thì giờ lo cho tuổi trẻ,
Mình già rồi, cây cảnh lấy làm vui...
Ngày nào cũng ra dạo chơi vườn cảnh.
Sáng kính, chiều mờ, tối ngồi thiền.
Giờ này đây, tôi dùng tuổi vong niên.
Sống an lạc, xin về miền Cực lạc.
Tôi đổi đề tài, hỏi thêm một lát,...
Ở Kim Sơn Tu viện, nó ra sao?
Thầy Tịnh Từ và Tịnh Diệu thế nào?
Và Đại chúng an cư bao nhiêu vị?
Minh Đạt cười và từ từ thỏ thẻ:
Cũng lâu rồi, tôi cũng ít ghé thăm
Nghe đâu rằng: Phật sự quá đa đoan,
Muốn chánh điện, trong năm này hoàn tất.
Ngặt một nỗi: Cô-Vít nên thầy tắt bật,
Vừa việc chùa, việc Phật, việc chúng Tăng,
Vu lan báo hiếu hằng năm,
Chư Tăng, Phật tử nhất tâm nguyện cầu,
Chúng mình chỉ biết nguyện sâu:
Cho thầy an lạc, đạo mẫu nở hoa.
Chúc mừng Hạ Lạp hoan ca,
Nhĩ vị pháp lữ thăng tòa yên vui.
Tín Nghĩa tui cũng vui lây với,
Gặp nhau rồi mừng tủi cười cười,
Chúng mình ba đứa đều vui,
Đón mừng Hạ Lạp cho đời thăng hoa,
Mai này đạo pháp sáng lòe,
Chúng mình ba đứa hoan ca Đạo vàng...



thơ

ĐIỀU NGŨ TỬ TÍN NGHĨA

Canh tý Quý thu, Nov. 20th 2020

BIỆN TRUNG BIÊN LUẬN TỤNG THÍCH

(Giải thích những bài Tụng của bộ luận Biện Minh Trung Đạo
và Nhị Biên, trích từ trong **Thái Hư Toàn Thư**)

Dịch Giả: **THÍCH THẮNG HOAN**

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(tiếp theo kỳ trước)

PHẨM BIỆN MINH CHÂN THẬT THỨ BA

3/- Biện Minh Chân Thật:

a)- Tiêu Biểu Chung:

Bài Tụng:

"Chân thật chỉ có mười: nghĩa là căn bản cùng tướng, không điên đảo, nhân quả, và chân thật thô trọng. Cực thành, tịnh sở hành, nhiếp thọ gồm sai biệt, mười thiện khéo chân thật, đều là trừ ngã kiến."

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây là tiêu biểu chung mười thứ chân thật. Chữ *Chân* chính là pháp tương đối so cùng với *Vọng*, là biểu thị không phải hư vọng, là pháp thanh tịnh đã lìa ô nhiễm. Lại nữa sử dụng tất cả pháp tịnh chính là bao gồm cả mười thứ chân thật ở trong, ngoài đây thì không có nào khác, cho nên nói chỉ có mười. Mười đây:

- *1. Căn bản chân thật,
- *2. Tướng chân thật,
- *3. Không điên đảo chân thật,
- *4. Nhân quả chân thật,
- *5. Thô trọng chân thật,
- *6. Cực thành chân thật,
- *7. Tịnh sở hạnh chân thật,
- *8. Nhiếp thọ chân thật,
- *9. Sai biệt chân thật,
- *10. Thiện xảo chân thật.

Dưới đây có một câu Tụng nhằm mục đích loại trừ ngã kiến, chính là giải thích mười thiện xảo chân thật ở trên nhằm để loại trừ sự chấp trước có một Ngã Thể, v.v... Nguyên do Ngã đây thực tại được giả lập trên năm Uẩn, tinh

tế nhìn thấy chỉ toàn là Uẩn, không có một thể cố định. Cho nên nơi Thiện Xảo Chân Thật thứ mười cũng có mười thứ:

- 1- Huân thiện xảo,
 - 2- Giới thiện xảo,
 - 3- Xứ thiện xảo,
 - 4- Duyên khởi thiện xảo,
 - 5- Xứ phi xứ thiện xảo,
 - 6- Căn thiện xảo,
 - 7- Thể thiện xảo,
 - 8- Đế thiện xảo,
 - 9- Thừa thiện xảo,
 - 10- Hữu vi vô vi pháp thiện xảo.
- Mười thứ đây sẽ giải thích riêng ở sau.

b)- Giải Thích Riêng Biệt:

b/1- Căn Bản Chân Thật:

Bài Tụng:

"Ở nơi ba tự tánh, chỉ một thường không phải có, chỉ một có mà không chân, chỉ một có không chân thật."

Giải Nghĩa:

Đây tức là căn cứ nơi ba tự tánh mà làm sáng tỏ căn bản chân thật. Ba Tự Tánh gồm có: 1- Biển Kế Sở Chấp Tự Tánh, 2- Y Tha Khởi Tự Tánh, 3- Viên Thành Thật Tự Tánh. Chỉ một thường không phải có là nói thật thể Bồ Đề Giả La cùng các pháp của Biển Kế Sở Chấp luôn luôn không có tự tánh, quá khứ thì không, hiện tại thì không, vị lai cũng không, tức là khẳng định rằng luôn luôn lúc nào cũng không có tánh chân thật. Chỉ một Có mà không chân chính là chỉ cho Y Tha Khởi Tánh. Y Tha Khởi Tánh sở dĩ có là do y tha khởi (do nương nơi Tâm Thức kia để sanh khởi), là giả có, không phải có chân thật, nhưng cũng không thể nói Y Tha đây là



HT Thắng Hoan

không; do vì ở nơi pháp Y Tha, chúng sanh nếu như tạo nghiệp thì cũng bị cảm thọ quả báo như thường và nghiệp quả đây gặt nhiên không mất; nhưng nếu tu hành thì có thể đổi tri, có thể chứng được công đức đạo lý nhất định. Sở dĩ Y Tha Khởi là giả có mà không phải chân thật, cho nên nói có mà không chân. Câu chỉ một Có không chân thật chính là chỉ cho Viên Thành Thật. Chữ Không nghĩa là không có thể tánh của hai Thủ, tức là không có thật Ngã và thật Pháp nên gọi là không chân thật; chữ Có đây chính là có hai Tánh Không cho nên gọi là có chân thật. Như trên ba Tự Tánh đã trình bày qua, mỗi Tự Tánh có một thứ chân thật, tức là đã làm sáng tỏ Ngã Pháp thường không có thể tánh chân thật và mỗi Tự Tánh đã lìa khỏi hai Thủ cho nên có hai Tánh Không, đây là nghĩa căn bản chân thật thứ nhất của mười thứ nghĩa chân thật.

b/2- Tướng Chân Thật:

Bài Tụng:

“Nơi Pháp Sắc Thủ Thú, và Sở Thủ Năng Thủ, trong tánh có không phải có, kiến tăng ích tổn giảm, Biết đây nên không chuyển, là gọi Tướng Chân Thật.”

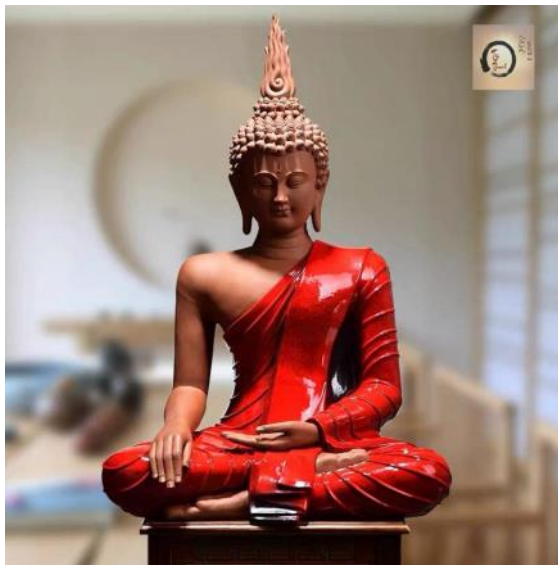
Giải Nghĩa:

Đã trình bày ba tánh căn bản của tướng chân thật, Tướng Chân Thật đây tức là căn cứ nơi ba Tánh mà giải thích. Chữ Biết của câu thứ năm tức là chỉ cho ba tánh. Tụng nói Nơi Pháp nghĩa là chỉ cho các pháp đã giải thích ở trước. Sắc Thủ Thú nghĩa là chỉ cho Bồ Đặc Già La (*Pudgala*). Nếu biết rõ Biện Kế Sở Chấp trong ba tánh, lúc đó nơi pháp, nơi người khi chuyển khởi kiến chấp tăng giảm thì không còn chấp trước nữa, cho nên gọi là danh xưng tướng chân thật. Nói rõ hơn Tướng chân thật nghĩa là tướng đã lìa khỏi sự chấp trước tăng giảm nơi Pháp, nơi Sắc Thủ Thú đồng thời cũng đã thông suốt được tướng chân thật của Biện Kế Sở Chấp Tự Tánh. Nhưng trong đây chỗ gọi tăng giảm, chữ Tăng nghĩa là pháp và nguồn gốc không bao giờ có, nay đem nó chuyển khởi thêm lên cho có và nói cho rõ hơn chính là không có trên sự thật, mà chỉ có trên tri thức tăng thêm, nghĩa là Có ở đây do tri thức gia công tưởng tượng sáng tạo thêm lên. Hiện tại đề cập đến Pháp và Sắc Thủ Thú, nguyên là

không có thật tánh, do vì tri thức căn cứ nơi Pháp và Sắc Thủ Thú gia công tưởng tượng sáng tạo thêm lên cho là có thật Ngã thật Pháp, đó gọi là kiến chấp tăng ích. Nếu không thừa nhận Sắc Thủ Thú sở dĩ có là do nghiệp của ba đời sanh tử tương tục thành lập và cũng như không chấp nhận các Pháp sở dĩ có là do nhân duyên hợp thành, đây chính là thuộc về kiến chấp tổn giảm. Nói cách khác nơi Pháp và nơi Sắc Thủ Thú đã hiểu rõ là không thật thể, cũng đã biết rõ tất cả pháp là do nhân quả sanh tử trong sáu cõi tạo thành, mặc dù có mà không phải thật, tức là đã lìa khỏi kiến chấp tăng giảm và cũng chứng được thật tướng

Trung Đạo, đồng thời cũng thông suốt được tướng chân thật của Biện Kế Sở Chấp Tự Tánh. Còn Sở thủ và Năng thủ, nghĩa là tâm phân biệt của năng thủ và cảnh phân biệt của sở thủ đều thuộc Y Tha Khởi Tánh, ở nơi đó nếu biết rõ là giả có, như thế kiến chấp tăng giảm cũng không còn chuyển khởi nữa. Nhân vì đã thông suốt được các thứ pháp đều do nhân duyên kết hợp thành hình, cho nên được lìa khỏi kiến chấp tổn giảm; đây là tướng chân thật của Y Tha Khởi Tánh thứ nhất.

Lại nữa còn phương diện tăng ích, đã biết rõ các thứ pháp đều là giả có mà không phải thật có, đó cũng chính là đã lìa khỏi kiến chấp tăng ích: đây là tướng chân thật của Y Tha Khởi Tánh thứ hai. Riêng trong Tánh Có Không Phải Có đây, tức là căn cứ nơi Viên Thành Thật mà trình bày. Tánh Có nghĩa là có nhưn không pháp không và có hai tánh không của năng thủ và sở thủ. Không Phải Có nghĩa là không có thật tánh của nhưn và pháp, nên gọi là tánh có không phải có. Biết được Viên Thành Thật tức là biết được tánh có không phải có và cũng tức là đã lìa khỏi kiến chấp tăng giảm. Chỗ gọi có hai Tánh Không chính là chỉ cho không phải không, vì đã lìa khỏi kiến chấp tổn giảm; chỗ gọi thật tánh hai thủ không ngã pháp, chính là chỗ đã lìa khỏi kiến chấp tăng ích, đó cũng chính là tướng chân thật của Viên Thành Thật Tánh thứ ba. Ba thứ chân thật như thế nếu đã biết rõ thì không chuyển khởi hai kiến chấp tăng giảm và chứng được thật tướng Trung Đạo trong ba tánh. Chỗ gọi thật tướng các pháp nghĩa là phải sử dụng ba tánh trên để thông suốt các



Pháp, thông suốt Sắc Thủ Thú và thông suốt Nhị Thủ cùng Tướng chân thật của Tánh Có Không Phải Có.

b/3- Không Đào Chân Thật:

Bài Tụng:

“Vô tánh cùng sanh diệt, cấu tịnh ba vô thường. Sở thủ và sự tướng, hoà hợp ba loại khổ. Không cũng có ba loại: gọi là Vô, là Dị, là Tự Tánh. Vô Tướng và Dị Thực, Tự Tướng ba Vô Ngã. Như thứ lớp bốn ba loại, nương nơi Chân Thật căn bản.”

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây là thuyết minh chân thật không đào. Không Đào nghĩa là bốn thứ không điên đảo, nơi lý thì quan hệ ba Thừa. Không Điên Đảo gồm có bốn: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Mặt trái của Thường, Lạc, Ngã, Tịnh chính là bốn thứ điên đảo, như vô thường cho là thường, bị khổ cho là vui, vô ngã cho là ngã, không thanh tịnh cho là thanh tịnh. Nếu như lìa khỏi bốn thứ điên đảo này chính là không điên đảo. Nếu hiểu rõ các pháp là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã, là một thứ giải thoát rất chính xác, nên gọi là chân thật không điên đảo. Bài Tụng đây chỉ căn cứ nơi căn bản chân thật của ba Tánh mà phân ra bốn loại và mỗi loại đều có ba nghĩa:

a, Một là Vô Thường, trong vô thường có ba nghĩa: Thứ nhất là Vô Tánh, nghĩa là Pháp Biến Kế Sở Chấp hoàn toàn không có thể tánh, nên gọi là Vô Thường. Thứ hai là Sanh Diệt, nghĩa là nương vào duyên mà sanh ra pháp Y Tha Khởi; pháp Y Tha Khởi sát na sanh diệt, chỗ gọi duyên tụ lại thì sanh, duyên ly tán thì diệt, cho nên gọi sanh diệt là vô thường. Thứ ba là Cấu Tịnh, nghĩa là Viên Thành Thật Tánh, mặc dù vẫn là như thế, tuy nhiên ở nơi tất cả chúng sanh thì Chân Như có nhớ bần, nhưng khi chứng quả Thánh thì Chân Như trở thành thanh tịnh. Nhân vì phần vị Phàm và Thánh không giống nhau, cho nên cấu và tịnh đều là vô thường.

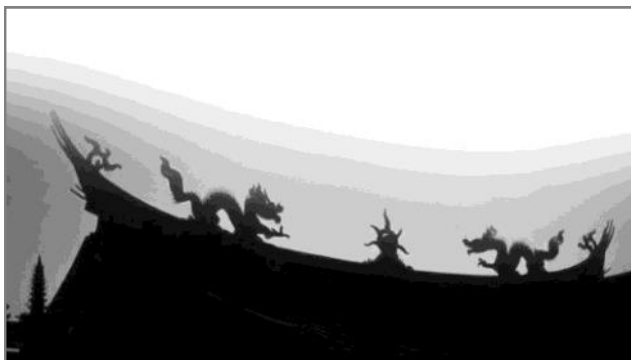
b, Hai là Khổ, trong Khổ có ba nghĩa: Thứ nhất là Sở Thủ, nghĩa là Biến Kế Sở Chấp thuộc loại mê vọng cho nên chọn lấy ngã pháp và do chấp trước sở thủ cho nên là khổ. Thứ hai là Sự Tướng, nghĩa là hiện tượng Pháp Y Tha Khởi bị sanh diệt trôi buộc không thể tự tại, cho nên là khổ. Thứ ba là Hoà Hợp, nghĩa là Viên Thành Thật Tánh ở trong pháp hữu tình sanh diệt, mặc dù mãi mãi lúc nào cũng vẫn là Tánh Không, nhưng hoà hợp cùng với các pháp sanh tử, nên gọi là hoà hợp khổ.

c, Ba là Không, trong Không có ba nghĩa: Thứ nhất là Vô Tánh, nghĩa là Pháp Biến Kế Sở Chấp vọng có giả danh, không có thật thể, giống như lông rùa sừng thỏ, do vì

không biết nên vọng chấp giả danh cho là thật có. Đứng ra nó không có thật tánh cho nên gọi là Vô Tánh. Thứ hai là Dị Tánh, nghĩa là Pháp Y Tha Khởi mặc dù không phải không nhân duyên sanh thành và do Duy thức hiện khởi, mặc dù đã lìa ngôn ngữ văn tự, nhưng ở nơi thông thường do tri thức phân biệt, cho nên mới có tên pháp này pháp kia, pháp A pháp B, v.v... và từ đó giả danh được thiết lập trên ngôn ngữ phân biệt và cũng từ đó chúng khác xa với thể tánh chân thật ban đầu, cho nên gọi là Dị Tánh Không (*Khác với Tánh Không*). Thứ ba là Tự Tánh, nghĩa là thuyết minh Viên Thành Thật Tánh chính là Tánh Không của tất cả pháp, tự tánh đã là không, cho nên gọi là Tự Tánh Không.

d, Bốn là Vô Ngã, Vô Ngã có ba nghĩa: Thứ nhất là Vô Tướng, Vô Tướng nghĩa là Ngã tướng Pháp tướng của Biến Kế Sở Chấp đều là không, như chúng ta không tin có vị Thần Tao Vật, Vị Thần Tạo Vật theo Phật Pháp tức là không có, do vọng chấp cho là có hình tướng vị Thần, hình tướng vị Thần Biến Kế Sở Chấp đây xét cho cùng thì không có, vì không có tướng tức gọi là Vô Ngã. Thứ hai là Dị Tướng, Dị Tướng đây nghĩa là như Thức thứ bảy chấp Kiến Phần Thức thứ tám làm Ngã, thật tại Kiến Phần Thức thứ tám chính là pháp giả do nhân duyên sanh ra, vốn không phải là Ngã; Thức thứ bảy vọng chấp cho là Ngã thì khác (*Dị*) nơi chân tướng của Thức thứ tám, cho nên gọi là Dị Tướng Vô Ngã (*khác với tướng vô ngã*). Thứ ba là Tự Tướng, Tự Tướng đây là chỉ cho Viên Thành Thật Tánh. Tự Tướng chính là vô ngã cho nên gọi là Tự Tướng Vô Ngã. Dưới đây tiếp theo ba bài Tụng nương nơi Tánh để thiết lập ba nghĩa chân thật, cho nên nói rằng: “Như từng tự bốn thứ có ba loại nương nơi chân thật căn





bản”, nghĩa là bốn thứ không điên đảo ở trước đều nương nơi ba tánh làm căn bản và chúng từng tự đều có ba loại chân thật.

b/4- Nhân Quả Chân Thật:

Bài Tụng:

“Khổ ba Tướng (khổ, lạc, không khổ không lạc) đã trình bày, Tập cùng có ba loại: gọi là Tập Khí, Đăng Khởi, và Tướng chưa lìa khỏi sự trói buộc. Tự Tướng, nhị bất sanh (hai năng thủ sở thu không sanh), nhị cấu tịch (hai thứ nhớ bấn và vắng lặng), ba Diệt. Biến Tri và Vĩnh Đoạn, chứng đặng ba Đạo Đế.”

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây là thuyết minh Tứ Đế cũng đều có ba loại chân thật. Tứ Đế chính là phần vị của nhân quả, Khổ Tập là nhân quả thể gian, Diệt Đạo là nhân quả xuất thế gian, có chỗ gọi là biết Khổ đoạn Tập, mền Diệt tu Đạo. Tứ Đế đây cũng dùng ba tự tánh làm căn bản và mỗi Đế đều có ba loại chân thật:

1, Trong Tướng Khổ có ba chân thật: nơi trước đã trình bày trong khổ điên đảo của bốn điên đảo, gồm có ba loại như là, Sở Thủ Khổ, Sự Tướng Khổ và Hoà Hợp Khổ, cho nên gọi là ba Tướng Khổ đã được trình bày qua.

2, Trong Tập Đế có ba chân thật: Thứ nhất là Tập Khí, Tập Khí nghĩa là do Biến kế Sở Chấp nương nơi chúng sanh hữu tình phát khởi chấp trước như ngã; nương nơi các pháp phát khởi chấp trước ngã pháp, chỗ chấp trước đây mặc dù đều là không, nhưng Tập Khí được chấp liền huân sanh và tăng trưởng phiền não thanh hành cảm nhận các khổ sanh tử, như Kinh Giải Thâm Mật giải thích: “Thức A Đà Na rất thâm tế, tất cả chúng tử như dòng thác nước chảy xiết, Ngã nơi phàm ngu không mở bày, sợ kia phân biệt chấp làm ngã.”, đây chính là ý nghĩa của Thức A Đà Na, là trình bày không hoà hợp với chúng phàm phu, nhân vì chúng phàm phu mặc dù có Câu Sanh Ngã Chấp, nhưng không chứng ngại cho việc tu thiện để sanh thiên; nếu như đem Thức A Đà Na đối với chúng phàm phu mà giải bày thì ngược lại dẫn đến phát khởi sự phân biệt chấp ngã và sự chấp ngã này huân tập thành Tập Khí, đồng thời

gia tăng tạo nghiệp khổ não của ác thú (các cõi), cho nên gọi là Tập Khí Huân Tập. Thứ hai là Đăng Khởi (Các pháp đồng thời sanh khởi), Đăng Khởi nghĩa là cảm thọ quả báo cụ thể rõ ràng tất cả nghiệp phiền não của loại Đăng Lưu (cùng một dòng họ) huân tập, cho nên gọi là Đăng Khởi Tập. Thứ ba là Tướng Vị Ly Phược (Tướng chưa lìa khỏi sự trói buộc), Tướng Vị Ly Phược đây, nghĩa là ở nơi trong Hoặc và Nghiệp, Viên Thành Thật Tướng chân thật lúc đó thì chưa lìa khỏi sự trói buộc của Tập.

3, Trong Diệt Đế có ba chân thật: Thứ nhất là Tự Tánh Diệt, Tự Tánh Diệt nghĩa là Biến Kế Sở Chấp Tự Tánh xưa nay không có, như lông rùa sừng thỏ. Tự tánh của Biến Kế vốn không sanh không diệt, không mong đợi để Diệt trở lại. Cũng chỉ vì do sai lầm mà cho Biến Kế Sở Chấp có tự tánh, như ban đêm thấy giầy thừng lầm cho là con rắn, nếu biết rõ là giầy thừng thì con rắn vốn không sanh và cũng không cần đến diệt. Thứ hai là Nhị Bất Sanh, Nhị Bất Sanh nghĩa là hai pháp Năng Thủ Sở Thủ không sanh, do hai Thủ đây mới có vọng phân biệt, nếu tu vô tướng thì hai Thủ đây không có sanh. Thứ ba là Nhị Cấu Tịch, Nhị Cấu Tịch nghĩa là hai thứ nhớ bấn và vắng lặng. Nhớ bấn vắng lặng nghĩa là nhớ bấn đã diệt; do có nhớ bấn cho nên chân như thường ở trong pháp ô nhiễm nhớ bấn, như hạt minh châu ở trong bùn nhớ. Hạt minh châu từ trong bùn nhớ được lấy ra gọi là Cấu Tịch. Cấu Tịch đây có hai thứ: Thứ nhất là Trạch Diệt Vô Vi, nghĩa là dùng chánh trí đem phiền não ra chọn lựa cho chấm dứt mà chứng được thanh tịnh. Thứ hai là Chân Như Vô Vi, nghĩa là bản thân của chân như là vô vi, xưa nay vẫn là vắng lặng.

4, Trong Đạo Đế có ba chân thật: Thứ nhất là Biến Tri Đạo, Biến Tri Đạo là biết khắp tất cả, nghĩa là biết rõ hoàn toàn thật thể của Chủ Tạo Vật, v.v... của Biến Kế Sở Chấp không phải có thật cũng giống như lông rùa sừng thỏ; vấn đề đây nếu như biết rõ chính là hiểu biết chân thật. Thứ hai là Biến Tri Vĩnh Đoạn Đạo, Biến Tri Vĩnh Đoạn Đạo nghĩa là nương nơi pháp Y Tha Khởi để cần phải biến tri (biết khắp tất cả) và để cần phải vĩnh đoạn (đoạn trừ vĩnh viễn); Biến Tri tức là biết các pháp Y Tha Khởi là vọng, Vĩnh Đoạn tức là nếu tu vô tướng thì đoạn trừ vĩnh viễn hai Thủ phân biệt. Thứ ba là Biến Tri Chứng Đắc Đạo, Biến Tri Chứng Đắc Đạo nghĩa là Viên Thành Thật Tánh trước hết phải biết rõ hoàn toàn và sau đó mới chứng đắc, đây là ba chân thật nghĩa của Đạo Đế. Biến Kế thì có một biến tri, còn Y Tha và Viên Thành nơi trong biến tri lại thêm một thứ nữa chính là nghĩa nhân quả chân thật thứ tư.

(còn tiếp)

HẠ TÀN

hạ tàn nhạt giấc đam mê
lặng nghe bí ngữ vọng về tiếng trưa
lần theo mở chữ dư thừa
mấy sông nước đục cho vừa lá trôi
lao xao vùng đất lở bồi
thốt ra mấy tiếng miêng môi ngõ ngang
ảo mờ thành quách tan hoang
khói sương giăng phủ lở làng trần ai
hạ tàn bụi bám chân hài
bước đi lối nhỏ miệt mài cỏ xanh
quanh đi quẩn lại độc hành
âm vang chuông vọng rót lành vào tim
miền xưa đôi núi im lìm
men theo suối nhỏ chạy tìm tâm linh
nghe câu kinh kệ giật mình
lắc đầu tỉnh dậy thình lình mưa sa
hạ tàn gõ tiếng âm ba
nghe đâu một góc ta bà thốt lên
thôi thì vọng ngữ một bên
bên kia là tiếng lênh đênh mây trời
thơ bay theo gió gọi mời
cuộc đi cuộc đến mấy lời dành riêng
ngôi yên dưới góc muôn phiên
lặng nghe tâm định một miền chân như

(09.2020)



CHIỀU THU

bắt theo mũi tên thời gian
là trăm ngàn uẩn dụ của mùa thu thức dậy
em đi lên đồi cỏ cháy
in vào mắt ta những buổi chiều đỏ thắm
không bạn bè
ngôi yên
nhìn hoàng hôn nổi lên bảy màu
thành phố khoác vẻ buồn lây lất

con két xanh bay về bờ hồ
hót lên tiếng thật ngắn
gió mưa đe dọa
bài thơ trong tim than thở
viên bi em bé bắn nhanh
ngón tay nào im lặng
se chút buồn
ngày thu nắng vội băng quor

chuông nào ngân vang trên đồi xanh
ta sẽ cầm những lông đèn
soi vào khe tối của những trái tim màu sắc
biết đâu ngày mai nổi buồn sẽ ngăn lại
lời nói ca tụng những ngẫu nhiên
làm đẹp cuộc đời đầy trắc ẩn
thúc giục cỏ hoa mau sớm ngoan hiền

thắp nén nhang trầm trên bàn thờ khổ hạnh
những tiếng nói thật nhỏ
đọc lên cho kẻ vắng mặt
mười năm nghe kinh
tâm hồn ướt đầm những vô thanh
nét gãy hằn lên da thịt
khuôn mặt bạn bè, kẻ ở, người đi
mùa thu
kỷ ức vỡ tan
rừng mình ngơ ngẩn
nghe buổi chiều xuống lạnh

(đầu thu 2020)

thơ THY AN

CÙNG NGHIỆP THÌ KẾT DUYÊN VỚI NHAU

Quảng Tánh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Trong đời sống thường nhật, những người cùng ý tưởng, chung sở thích thì hay kết duyên tụ lại với nhau. Vì “đồng hội, đồng thuyền” nên có vô số hội nhóm được kết tụ để cùng nhau thừa hưởng cộng nghiệp của chính mình. Khi được sống chung và sẻ chia với những người cùng sở thích, chung chí hướng là niềm vui, mong mỏi của nhiều người.

Tuy cùng nghiệp, cùng sở thích nhưng hội tụ với nhau theo hai hướng chính, đó là thiện và bất thiện. Những người có lòng tin thì đi với nhau, người giữ giới thì đi với những người có giới, người biết tâm quý cũng tìm cách hội tụ cùng nhau. Ngược lại những người không có lòng tin, không có giữ giới, không biết tâm quý cũng tìm cách hội lại với nhau.

“Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

Chúng sanh thường tụ hội theo giới, hòa hợp với giới. Khi bất tín thì đi cùng giới bất tín. Khi phạm giới thì đi cùng giới phạm giới. Khi không tâm không quý thì đi cùng giới không tâm không quý. Khi có lòng tin thì đi cùng giới có tín. Khi trì giới thì đi cùng giới trì giới. Khi tâm có tâm có quý thì đi cùng giới có tâm có quý. Cho nên, Tỳ-kheo, phải khéo phân biệt các giới loại sai biệt.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.”

(Kinh Tạp A-hàm, kinh số 450)

Chữ giới trong “tụ hội theo giới, hòa

hợp với giới” chính là giới loại, hội nhóm. Pháp thoại này Thế Tôn nhấn mạnh đến những hội nhóm có hoặc không về ba phương diện tín, giới và tâm quý. Tín đây chính là lòng tin Tam bảo Phật-Pháp-Tăng. Giới chính là năm giới của người tại gia và giới bốn cùng luật nghi của người xuất gia. Tâm là biết hổ thẹn với những điều xấu đã làm, quý là sợ hãi quả báo ác đã tạo (có nơi định nghĩa tâm là hổ với mình, quý là thẹn với người).

Theo quy luật “đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu” (cùng thanh âm thì ứng đáp, cùng tính khí thì tìm nhau, *Thành ngữ Hán - Việt*) thì các nhóm này tự hấp dẫn lẫn nhau. Trong pháp thoại Thế Tôn đã nhắc chúng ta rằng “phải khéo phân biệt các giới loại sai biệt”. Nghĩa là có nhiều hội, nhóm với phát ngôn, hành động, ứng xử theo quan điểm đặc thù của nhóm hội mình. Thành ra phải sáng suốt và tỉnh táo để chọn bạn mà chơi, vì gần mực thì đen mà gần đèn thì sáng.

Có thể xem tín, giới, tâm quý là những thiện pháp cao quý, là pháp hành cần bản để có hiện tại và tương lai tốt lành. Trong quá trình nỗ lực hướng thiện của tự thân, kết duyên với những hội nhóm có tín, giới, tâm quý là điều hết sức cần thiết. Đây là những hội nhóm thiện tri thức chuyên hướng thiện, hành thiện cố thể soi sáng, hỗ trợ cho chúng ta kiến toàn nhân cách, thăng hoa đạo đức và tâm linh. Ngược lại, cần tránh duyên với những hội nhóm không có tín, phạm giới, không có tâm quý vì ta sẽ bị các pháp bất thiện ô nhiễm, theo họ gây tạo thêm nhiều ác nghiệp.





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
TỔNG VỤ TỪ THIỀN XÃ HỘI

Chùa An Lạc – 5249 E. 30th Street, Indianapolis, IN 46218 – U.S.A.
Tel.: (317) 545-1234 * (408) 329-3199

THÔNG TƯ

V/V CỨU TRỢ NẠN NHÂN LŨ LỤT MIỀN TRUNG 2020

Nam Mô Bồ Đê Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch Chư Tôn Thiền Đức Tăng - Ni,
Kính thưa Quý Đồng Hương Phật Tử,

Tin tức từ báo chí và các nguồn tin từ các trang mạng Việt Nam toàn cầu cho biết mưa lớn và lũ lụt tàn khốc đã tràn ngập khắp các tỉnh miền Trung và Nam Trung Bộ Việt Nam (Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên) từ ngày 07.10.2020 cho đến cao độ với mực nước dâng cao 8 mét, là ngày 12.10.2020, khiến cho 17 người thiệt mạng và trên 20 người bị mất tích, cùng với hơn 100 nghìn ngôi nhà và trường học, công sở bị hư hại.

Lũ lụt cũng làm cho hàng nghìn trụ điện bị gãy đổ khiến nhiều thành phố mất điện, ngưng trệ các sinh hoạt và người dân phải sống trong bóng tối mấy ngày đêm liên tục, cũng không thể liên lạc với bên ngoài bằng điện thoại. Ngoài ra, hàng chục ngàn mẫu lúa và hoa màu bị ngập úng trong nước, nhiều đoạn đường của quốc lộ và thành phố bị ngập, không thể thông thương khiến cho việc ủy lạo, cứu đói cũng khó thực hiện. Ở ven biển thì nhiều tàu cá bị chìm, hư hỏng; các lồng bè nuôi trồng thủy sản, hải sản đều bị tổn thất.

Trước thảm cảnh nhiều gia đình trắng tay, đói khát, không nơi trú thân khi nước lũ ngập lên lán những xóm làng, Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội thiết tha kêu gọi chư tôn đức Tăng Ni và đồng bào phật-tử hãy cùng lắng lòng, quán niệm Từ Bi, thương nghĩ đến các nạn nhân khổ đau hoạn nạn tại quê nhà, tùy hỷ lạc quyên tại địa phương của mình, khẩn cấp cứu trợ quê nhà, hoặc đóng góp tịnh tài, chi phiếu, xin đề AN LAC TEMPLE hoặc HUYEN KHONG MONASTERY, gửi về một trong hai địa chỉ sau đây: 1) **Chùa An Lạc – 5249 E. 30th Street, Indianapolis, IN 46218;** hoặc 2) **Tu Viện Huyền Không - 14335 Story Road, San Jose, CA 95127.** Phần Memo xin vui lòng ghi: “Lũ Lụt Miền Trung 2020”. Mọi đóng góp của quý vị sẽ có biên nhận (receipt) với ID Tax của Chùa để quý vị có thể khai miễn thuế nếu cần.

Hiện nay, các cán sự xã hội của Tổng vụ Từ Thiện Xã Hội đang từng giờ theo dõi, tìm cách cứu đói khẩn cấp cho những nạn nhân đang lâm cảnh không nhà, không bếp. Sau khi nước rút, Tổng vụ sẽ tiến hành cứu trợ rộng rãi tại các địa phương nghèo khó bị thiệt hại nặng nhất, hầu góp phần dựng lại đời sống ổn định sau thiên tai.

Thành kính tri ân và cầu nguyện cho quý ngài và quý đồng hương phật-tử vô lượng an lạc, vô lượng cát tường.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát
San Jose, ngày 13 tháng 10 năm 2020
Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội
Tổng Vụ Trưởng,

Tỳ Kheo Ni THÍCH NỮ NGUYỄN THIÊN

HAI PHONG CÁCH THIỀN CHÁNH NIỆM

Tác giả: **BHIKKHU BODHI**

Dịch giả: **Nguyễn Giác**

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

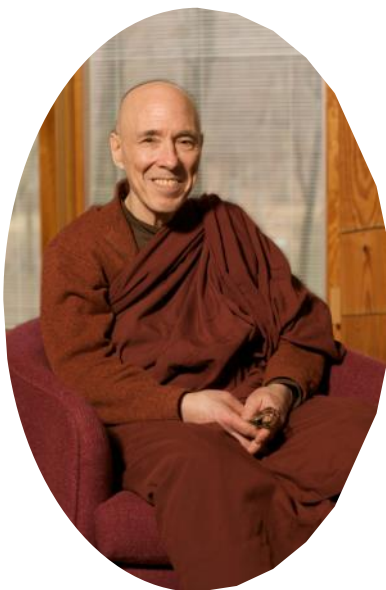
(Ghi chú của người dịch: Bài này dịch từ bài viết năm 2005 nhan đề “*Two Styles of Insight Meditation*” của Đại sư Bodhi, người đã dịch hầu hết Kinh Tạng Pali sang tiếng Anh.

Bài này nêu ra hai phong cách: nhóm thứ nhất, những người dùng thiền chánh niệm cho các mục tiêu thế gian, và nhóm thứ nhì, những người có niềm tin Phật Giáo và dùng thiền chánh niệm cho lộ trình tu học giải thoát. Thiền chánh niệm hiện đang dùng cho nhiều mục tiêu trần gian, ở bệnh viện, trường học, quân đội... Thiền đưa tới nhiều lợi ích tới nỗi nhiều tu sĩ các tôn giáo khác cũng Thiền tập và ứng dụng theo kiểu riêng của họ. Trong hàng ngàn sách viết về Thiền tại Hoa Kỳ, có nhiều sách đồng hóa Phật Giáo với các tôn giáo khác, xem như kinh nghiệm Thiền chánh niệm chủ yếu là để “hạnh phúc với cái bây giờ và ở đây” và nơi tâm an lạc đó thì “đạo nào cũng như nhau, và các giáo chủ đều ngang hàng nhau.” Và cũng có sách nói rằng nhờ Thiền cho nên các tác giả trải qua các kinh nghiệm sâu sắc hơn về Thiên Chúa Giáo, Hồi Giáo, Do Thái Giáo... Điều ghi nhận rằng ngài Bodhi hai lần nói về khuynh hướng Phật tử chủ trương hiện đại hóa [Buddhist modernists], những vị khi truyền dạy thiền chánh niệm thường không nói gì về khổ, về nghiệp quả và về tái sinh. Trong khi qua bài viết này, ngài Bhikkhu Bodhi hai lần nói tới chữ

“suffering” (khổ), hai lần nói tới chữ “kamma” (nghiệp), và ba lần nói tới chữ “rebirth” (tái sinh).

Ngài Bodhi sinh năm 1944 tại Brooklyn, New York, trong một gia đình Do Thái Giáo; năm 1972, ngài hoàn tất Tiến sĩ Triết học tại Claremont Graduate University. Năm 1967, trong khi còn là sinh viên, ngài Bodhi thọ giới sa di trong truyền thống Đại Thừa Việt Nam. Năm 1972, sau khi tốt nghiệp Tiến sĩ, Bodhi sang Sri Lanka thọ giới sa di trong truyền thống Theravada, và năm 1973, thọ đại giới để trở thành một Tỷ kheo Theravada. Năm 1984, nối nhiệm ngài Nyanaponika Thera, ngài Bodhi được bổ nhiệm làm Chủ Bút ấn bản tiếng Anh của hội Buddhist Publication Society (BPS, Sri Lanka) và năm 1988, trở thành Chủ tịch hội này. Năm 2002, ngài Bodhi

từ nhiệm chức Chủ Bút BPS và về cư ngụ ở Hoa Kỳ. Năm 2000, trong Đại Lễ Vesak đầu tiên tại Liên Hợp Quốc, ngài Bodhi đọc bài diễn văn chính. Sau một thời gian sống tại tu viện Bodhi Monastery (thị trấn Lafayette Township, tiểu bang New Jersey), ngài Bodhi hiện sống và giảng dạy ở tu viện Chuang Yen Monastery (thị trấn Carmel, tiểu bang New York), và là Chủ Tịch hội Buddhist Association of the United States. Ngài Bodhi là sáng lập viên của hội từ thiện Buddhist Global Relief, nơi tài trợ các dự án chống đói nghèo và giúp



BHIKKHU BODHI

tăng trưởng nữ quyền trên toàn cầu. Hiện nay, ngài Bodhi cũng là Chủ Tịch hội Yin Shun Foundation.

Người dịch do dự khi dịch bài này, vì không muốn bị ngộ nhận là ám chỉ tới bất kỳ ai hay bất kỳ tổ chức nào. Người dịch suy đoán rằng ngài Bhikkhu Bodhi khi viết bài này [năm 2005] chỉ có ý làm sáng tỏ một số thắc mắc của nhiều Phật Tử, trong cương vị ngài là một nhà sư, một học giả, một hành giả, và là Chủ Tịch nhiều hội đoàn Phật Giáo. Bản Anh văn sẽ được kèm dưới bản Việt dịch này để các bạn trẻ không rảnh tiếng Việt đọc.)

—()—

Hiện nay, việc thực tập thiền chánh niệm đã được ưa chuộng khắp toàn cầu, nhưng để đạt thành công đó, nó đã phải trải qua một sự chuyển hóa vi tế. Thay vì được dạy như một phần tích hợp của con đường Phật Giáo, nó thường được trình bày như một lĩnh vực đời thường mà thành quả đạt được nhiều hơn cho đời sống trong thế gian này hơn là sự giải thoát xuất thế gian. Nhiều người thiền tập đã xác chứng về lợi ích cụ thể họ đạt được từ việc thực tập thiền chánh niệm, lợi ích đó trải rộng từ sự tăng hiệu quả trong công việc và giao tiếp tốt hơn cho tới sự bình an thâm sâu hơn, từ bi hơn, và tỉnh thức hơn. Tuy nhiên, trong khi các lợi ích đó có thể chắc chắn là có giá trị riêng, nhưng chúng không phải là mục tiêu tối hậu mà Đức Phật đưa ra như điểm cuối trong việc tu luyện của ngài. Mục tiêu đó, trong ngôn ngữ các bản văn, là thành tựu Niết Bàn, phá hủy tất cả các lậu hoặc nơi đây và bây giờ, và giải thoát ra khỏi vòng tái sinh có tử vô tận.

Có lẽ áp lực mạnh mẽ nhất đã dẫn tới cách bày tỏ đương đại của thiền chánh niệm là nhu cầu phải cấy ghép việc thực tập này vào trong một môi trường hầu hết là thế tục, xa lạ với khuôn truyền thống của niềm tin và triết thuyết Phật Giáo. Với bầu không khí ngờ vực của thời đại chúng ta, sẽ hoàn toàn thích nghi để những người mới tới với Pháp được mời khám phá chính họ về khả năng nội tại trong việc tập thiền này. Có lẽ, điều cuối cùng người ta cần là có một nghi trình đầy đủ về triết thuyết Phật Giáo áp đặt vào họ ngay từ khởi đầu.

Tuy nhiên, mặc dù chúng ta có thể ban đầu thiền tập với một tâm cởi mở và khám phá, vào một điểm nào đó trong việc thực tập, chúng ta tất yếu tới một ngã rẽ nơi chúng ta đối diện với một lựa chọn. Hoặc là chúng ta có thể tiếp tục thiền tập như một



lĩnh vực phi tôn giáo, thuần túy tự nhiên, hoặc chúng ta có thể chuyển việc thiền tập trở về bối cảnh cội nguồn của niềm tin và triết thuyết Phật Giáo. Nếu chúng ta lựa chọn lối đi đầu, chúng ta có thể vấp vào sâu hơn trong thiền định và đạt thêm nhiều lợi ích chúng ta đã đạt được trước giờ --- bình an sâu thẳm hơn, sức định tăng thêm, cởi mở nhiều hơn, ngay cả một hình thức của nếp sống sâu thẳm hơn với cái bây giờ và ở đây. Tuy nhiên, dù những thành quả này như có thể được mong đợi trong chính nó, lại trái ngược với lời Đức Phật dạy vì vẫn là bất toàn. Để cho việc thực tập thiền chánh niệm đạt được thành quả trọn vẹn như Đức Phật dạy, nó phải được bao trùm bởi nhiều phẩm tính khác mà các phẩm tính này nối kết nó vào khung của Phật pháp.

Dẫn đầu trong các phẩm tính đó là một cặp hòa hợp của niềm tin và chánh kiến. Là một yếu tố trong con đường học Phật, niềm tin (saddha) không có nghĩa là tin mù quáng, nhưng là một sẵn lòng chấp nhận tin vào các lý thuyết nào đó mà chúng ta không có thể, nơi trình độ hiện nay của bản thân chúng ta, chưa thực nghiệm được cho chính mình. Các lý thuyết này là về cả hai khía cạnh: bản chất



thực tại, và mức độ thành đạt cao hơn của đường tu học. Trong bản đồ truyền thống của tu học Phật Giáo, niềm tin được đặt nơi bước đầu, như điều kiện ban đầu cho các giai đoạn sau của tam học: giới, định và huệ. Các kinh văn như dường không hình dung trước về khả thể rằng có ai thiếu niềm tin vào Pháp mà có thể thực tập thiền chánh niệm và đạt được thành quả tích cực. Nhưng bây giờ, hiện tượng đó đã trở thành phổ biến rộng. Điều hoàn toàn bình thường bây giờ cho người tập thiền là bước tiếp cận đầu tiên với Pháp xuyên qua thiền chánh niệm chuyên sâu, và rồi sử dụng kinh nghiệm này như một tiêu chuẩn để lượng định quan hệ của họ với Phật pháp.

Ngay nơi giao lộ này, lựa chọn họ quyết định sẽ chia người tu thiền ra hai nhóm lớn. Một nhóm gồm những người tập trung riêng vào các lợi ích xác thực mà thiền tập cho thành quả nơi đây và bây giờ, ngưng tất cả các quan tâm về những gì nằm vượt xa hơn chân trời kinh nghiệm riêng của họ. Nhóm thứ nhì gồm những người công nhận rằng thiền tập là để lưu chày từ một nguôi suốt tri thức sâu thẳm hơn và rộng hơn chính [tri thức của] họ. Để tìm theo trí tuệ này tới tận nguồn, các thiền gia này sẵn sàng khiêm hạ để tìm học Phật pháp và như thế ôm lấy Pháp như một toàn thể hợp nhất.

Sự kiện rằng thiền chánh niệm có thể được thực tập nghiêm túc ngay cả bên ngoài vòng niềm tin Phật Giáo dẫn tới một câu hỏi lý thú chưa bao giờ được minh bạch nêu lên trong Kinh Điển và các Luận thư. Nếu thiền chánh niệm có thể được tu tập thuần túy cho lợi ích thấy được tức khắc, rồi thì niềm tin giữ vai trò nào trong việc phát triển con đường tu? Một cách chắc chắn, niềm tin như là một chấp nhận toàn bộ triết thuyết Phật Giáo thì không phải là một điều kiện cần thiết cho việc thực tập Phật pháp. Như chúng ta đã thấy, những người không đi theo Pháp như một con đường tới giải thoát tâm linh có

thể vẫn còn chấp nhận các giới luật đạo đức Phật Giáo và thực tập thiền như một cách để an tỉnh nội tâm.

Do vậy, niềm tin phải giữ một vai trò khác hơn là vai trò của một "đỉnh thúc ngựa đơn giản" để [thúc phóng tới] hành động, nhưng bản chất chính xác của vai trò này vẫn là có vấn đề. Có lẽ giải pháp sẽ hiện ra nếu chúng ta hỏi rằng niềm tin nào thực sự có ý nghĩa trong khuôn khổ tu học Phật Pháp. Thấy rõ tức khắc rằng niềm tin không có thể được giải nghĩa thích nghi đơn giản như là kính ngưỡng Đức Phật, hay như một tập hợp các hành động tận hiến, ngưỡng mộ và biết ơn. Vì trong khi các phẩm chất này thường hiện hữu cùng với niềm tin, chúng có thể xuất hiện toàn bộ ngay cả khi không có niềm tin.

Nếu chúng ta khảo sát niềm tin chi tiết hơn, chúng ta sẽ thấy rằng bên cạnh yếu tố cảm xúc, nó cũng liên hệ tới một phân tri thức nhận biết. Điều này bao gồm trong một [tâm thức] sẵn sàng chấp nhận Đức Phật như một người khám phá độc đáo và như người tuyên bố về sự thật giải thoát. Được nhìn từ góc độ này, niềm tin, một cách cần thiết, dẫn tới một quyết định. Như chữ quyết định ám chỉ ("để quyết định" = để cắt đứt; "to decide" = to cut off), để đặt niềm tin trong một điều gì đó có nghĩa là để hành xử một hành vi phân biệt. Như thế niềm tin Phật Giáo kéo theo, ít nhất là ám chỉ, một bác bỏ các tuyên thuyết của các vị thầy tâm linh khác như là người mang thông điệp giải phóng tương đương với Đức Phật. Như một quyết định, niềm tin cũng dẫn tới sự chấp nhận. Nó liên hệ tới một sự sẵn lòng tự cởi mở đối với các nguyên tắc đã được Đức Phật tuyên thuyết và gắn bó vào chúng [các tuyên thuyết này] như các hướng dẫn đáng tin tới tri thức và giới luật.

Chính quyết định này tách rời những người tập thiền chánh niệm như một lĩnh vực thuần tự nhiên xa ra khỏi những người tu học trong khuôn khổ của niềm tin Phật Giáo. Nhóm người trước (tập thiền nhưng không niềm tin PG) khi ngưng bất kỳ phán đoán nào về lời Đức Phật dạy về hoàn cảnh nhân sinh đã hạn chế thành quả của việc tu tập chỉ ở mức tương ứng với một thể giới quan trần tục và tự nhiên. Nhóm người sau (có niềm tin PG) bằng cách chấp nhận lời Đức Phật dạy về hoàn cảnh nhân sinh đạt được tiếp cận với mục tiêu mà chính Đức Phật đã chỉ ra như mục tiêu tối hậu của tu tập.

Trụ cột thứ nhì hỗ trợ việc tu tập thiền chánh niệm là phần nhận thức của niềm tin, tức là, chánh kiến (right view, samma ditthi). Mặc dù chữ kiến (view) có thể gợi ý rằng hành giả thực sự thấy các nguyên tắc được xem là chân chính, nhưng bước đầu tu học

hiếm khi là [thấy] như thế. Đối với tất cả, chỉ trừ vài hành giả tài năng bẩm sinh rất phi thường, chánh kiến ban đầu có nghĩa là niềm tin chân chánh, sự chấp nhận các nguyên tắc và các triết thuyết lưu xuất từ niềm tin vào sự giác ngộ của Đức Phật. Mặc dù các Phật tử thời hiện đại đôi khi tuyên xưng rằng Đức Phật nói rằng người ta chỉ nên tin vào những gì người ta có thể tự chứng thực được, nhưng trong Kinh tạng Pali không hề có lời tuyên xưng như thế. Đức Phật chỉ nói rằng người ta không nên chấp nhận lời ngài dạy một cách mù quáng, nhưng nên khảo sát vào ý nghĩa [các lời dạy đó] và tìm cách tự kinh nghiệm chứng thực cho chính họ.

Trái ngược với chủ nghĩa hiện đại hóa Phật Giáo (Contrary to Buddhist modernism), có nhiều nguyên tắc Đức Phật dạy như là chủ yếu để hiểu chân chánh mà chúng ta, trong trình độ hiện nay của chúng ta, không có thể tự nhìn thấy cho chính mình. Những điều này không phải không đáng kể, vì chúng định nghĩa một khung chương trình toàn bộ về giải thoát như lời Đức Phật dạy. Chúng không chỉ mô tả các chiều kích sâu hơn về Khổ mà từ đó chúng ta cần giải thoát, nhưng chúng chỉ về một hướng đi nơi giải thoát chân thực phía trước, và định ra các bước tu học dẫn tới chứng thực mục tiêu [giải thoát].

Các nguyên tắc này bao gồm các giáo lý về chánh kiến cả "thế gian" và "xuất thế gian." Chánh kiến thế gian là một loại hiểu biết chân chánh dẫn tới một nơi thiện lành trong vòng tái sinh luân hồi. Nó liên hệ một sự chấp nhận về các nguyên tắc của nghiệp và quả của nghiệp; về sự phân biệt giữa các hành vi thiện và ác; và về sự mở rộng vô biên và nhiều cõi ta bà (samsara) trong đó tái sanh có thể xảy ra. Chánh kiến xuất thế gian là hiểu biết dẫn tới sự giải thoát toàn triệt ra khỏi cõi ta bà. Nó dẫn tới sự hiểu biết về Tứ Thánh Đế trong các ý nghĩa chi tiết sâu hơn, đưa ra không chỉ như một phân tích đơn giản về nỗi khổ tâm lý, nhưng là một mô tả về gánh nặng luân hồi và một chương trình để giải thoát tối hậu. Thực sự, chánh kiến xuất thế gian là bước đầu trong Bát Chánh Đạo và dẫn đường cho 7 yếu tố khác về hướng tịch diệt khổ đau.

Trong khi kỹ thuật cụ thể để thực tập thiền chánh niệm có thể y hệt nhau cho những người dùng thiền như một lĩnh vực thuần túy tự nhiên và cho những người dùng thiền trong khung lộ trình của Pháp, hai phong cách thiền tập vẫn sẽ khác nhau sâu sắc đối với các thành quả mà các kỹ thuật có thể đưa tới. Khi được thực tập trong hiểu biết thế gian tự nhiên, thiền chánh niệm có thể đưa tới an bình hơn, hiểu biết hơn, và thanh thản hơn, ngay cả tới các kinh nghiệm về tuệ. Nó có thể làm trong sạch tâm, xóa các

phiền não thô và dẫn tới sự chấp nhận bình lặng các thăng trầm của cuộc đời. Vì các lý do đó, kiểu thực tập này không nên bị xem thường. Tuy nhiên, từ một điểm nhìn sâu hơn, hình thức thiền Phật Giáo dùng riêng cho đời thường này vẫn là bất toàn. Nó vẫn bị buộc vào cõi sinh tồn hữu vi, vẫn còn bị buộc vào chu kỳ nghiệp và hậu quả của nghiệp.

Tuy nhiên, khi thiền chánh niệm được nâng lên từ niềm tin sâu sắc vào Đức Phật như vị thầy giác ngộ toàn triệt, và được chiếu sáng từ trên bởi trí tuệ của Phật pháp, nó tìm được một khả năng mới mà phương pháp kia thiếu kém. Nó bây giờ vận hành với hỗ trợ của [tâm] xả ly, hướng tới giải thoát tối hậu. Nó trở thành chìa khóa để mở cánh cửa Bất Tử, phương tiện để thành đạt một sự tự do mà không bao giờ có thể bị mất. Với như thế, thiền chánh niệm siêu vượt qua các giới hạn của các pháp hữu vi, siêu vượt ngay cả chính nó, để tới mục tiêu thích đáng: xóa sổ tất cả các lậu hoặc của cõi sinh tồn và giải thoát ra khỏi vòng tròn vô thủy của sinh, già và chết.



TWO STYLES OF INSIGHT MEDITATION

By *Bhikkhu Bodhi*

Today the practice of insight meditation has gained global popularity, yet in achieving this success it has undergone a subtle metamorphosis. Rather than being taught as an integral part of the Buddhist path, it is now often presented as a secular discipline whose fruits pertain more to life within the world than to supramundane release. Many meditators testify to the tangible benefits they have gained from the practice of insight meditation, benefits that range from enhanced job performance and better relationships to deeper calm, more compassion, and greater awareness. However, while such benefits may certainly be worthwhile in their own right, taken by themselves they are not the final goal that the Buddha himself holds up

as the end point of his training. That goal, in the terminology of the texts, is the attainment of Nibbana, the destruction of all defilements here and now and deliverance from the beginningless round of rebirths.

Perhaps the most powerful pressure that has shaped the contemporary expression of insight meditation has been the need to transplant the practice into a largely secular environment remote from its traditional matrix of Buddhist faith and doctrine. Given the skeptical climate of our age, it is quite appropriate that newcomers to Dhamma be invited to explore for themselves the potential inherent in the practice. Perhaps the last thing they need is to have the full agenda of Buddhist doctrine thrust upon them from the start.

However, though we may initially take up meditation with an open and explorative mind, at a certain point in our practice we inevitably arrive at a crossroads where we are faced with a choice. Either we can continue the meditation as a purely naturalistic, non-religious discipline, or we can transpose the practice back into its original setting of Buddhist faith and understanding. If we choose the first route, we might still deepen our meditation and reap more abundantly the same benefits we have obtained so far — deeper calm, more equanimity, greater openness, even a kind of penetration of the here and now. Nevertheless, as desirable as these fruits might be in themselves, viewed against the Buddha's word they remain incomplete. For the practice of insight meditation to achieve the full potential ascribed to it by the Buddha, it must be embraced by several other qualities that rivet it to the framework of the teaching.

Foremost among such qualities is the complementary pair of faith and right view. As a factor of the Buddhist path, faith (*saddha*) does not mean blind belief but a willingness to accept on trust certain propositions that we cannot, at our present stage of development, personally verify for ourselves. These propositions concern both the nature of reality and the higher reaches of the path. In the traditional map of the Buddhist training, faith is placed at the beginning, as the prerequisite for the later stages comprised in the triad of virtue, concentration, and wisdom. The canonical texts do not seem to envisage the possibility that a person lacking faith in the tenets specific to the Dhamma could take up the practice of insight meditation and reap positive results. Yet today such a phenomenon has become extremely widespread. It is quite common now for meditators to make their first contact with the

Dhamma through intensive insight meditation, and then to use this experience as a touchstone for assessing their relationship to the teaching.

At this juncture, the choice they make divides meditators into two broad camps. One consists of those who focus exclusively on the tangible benefits the practice yields here and now, suspending all concern with what lies beyond the horizons of their own experience. The other consists of those who recognize the practice to flow from a fount of understanding far deeper and broader than their own. To follow this wisdom to its source, such meditators are prepared to subordinate their own familiar assumptions to the disclosures of the teaching and thus embrace the Dhamma as an integral whole.

The fact that insight meditation can be seriously practiced even outside the domain of Buddhist faith raises an interesting question never explicitly posed by the canon and commentaries. If insight meditation can be pursued solely for its immediately visible benefits, then what role does faith play in the development of the path? Certainly, faith as a full acceptance of Buddhist doctrine is not a necessary condition for Buddhist practice. As we have seen, those who do not follow the Dhamma as a path to spiritual deliverance might still accept the Buddhist ethical precepts and practice meditation as a way to inner peace.

Faith must therefore play a different role than that of a simple spur to action, but the exact nature of this role remains problematic. Perhaps the solution will emerge if we ask what faith actually means in the context of Buddhist practice. It should be clear at once that faith cannot be adequately explained simply as reverence for the Buddha, or as some alloy of devotion, admiration, and gratitude. For while these qualities often exist alongside faith, they may all be present even when faith is absent.

If we examine faith more closely, we would see that besides its emotive ingredients, it also involves a cognitive component. This consists in a readiness to accept the Buddha as the unique discoverer and proclaimer of liberating truth. Seen from this angle, faith necessarily involves a decision. As the word decision implies ("to decide" = to cut off), to place faith in something is to exercise an act of discrimination. Thus Buddhist faith entails, at least implicitly, a rejection of the claims of other spiritual teachers to be bearers of the liberating message on a par with the Buddha himself. As a decision, faith also entails acceptance. It involves a willingness to open oneself to the principles

made known by the Enlightened One and adhere to them as trustworthy guides to knowledge and conduct.

It is this decision that separates those who take up the practice of insight meditation as a purely naturalistic discipline from those who practice it within the framework of the Buddhist faith. The former, by suspending any judgment about the picture of the human condition imparted by the Buddha, limit the fruit of the practice to those that are compatible with a secular, naturalistic worldview. The latter, by accepting the Buddha's own disclosure of the human condition, gain access to the goal that the Buddha himself holds up as the final aim of the practice.

The second pillar that supports the practice of insight meditation is the cognitive counterpart of faith, namely, right view (*samma ditthi*). Though the word "view" might suggest that the practitioner actually sees the principles considered to be right, at the outset of the training this is seldom the case. For all but a few exceptionally gifted disciples, right view initially means right belief, the acceptance of principles and doctrines out of confidence in the Buddha's enlightenment. Though Buddhist modernists sometimes claim that the Buddha said that one should believe only what one can verify for oneself, no such statement is found in the Pali canon. What the Buddha does say is that one should not accept his teachings blindly but should inquire into their meaning and attempt to realize their truth for oneself.

Contrary to Buddhist modernism, there are many principles taught by the Buddha as essential to right understanding that we cannot, in our present state, see for ourselves. These are by no means negligible, for they define the framework of the Buddha's entire program of deliverance. Not only do they depict the deeper dimensions of the suffering from which we need release, but they point in the direction where true liberation lies and prescribe the steps that lead to realization of the goal.

These principles include the tenets of both "mundane" and "transcendent" right view. Mundane right view is the type of correct understanding that leads to a fortunate destination within the round of rebirths. It involves an acceptance of the principles of

kamma and its fruit; of the distinction between meritorious and evil actions; and of the vast expanse and multiple domains of samsara within which rebirth may occur. Transcendent right view is the view leading to liberation from samsara in its entirety. It entails understanding the Four Noble Truths in their deeper ramifications, as offering not merely a diagnosis of psychological distress but a description of samsaric bondage and a program for final release. It is the transcendent right view that comes at the head of the Noble Eightfold Path and steers the other seven factors toward the cessation of suffering.

While the actual techniques for practicing insight meditation may be identical for those

who pursue it as a purely naturalistic discipline and those who adopt it within the framework of Dhamma, the two styles of practice will nevertheless differ profoundly with respect to the results those techniques can yield. When practiced against the background of a naturalistic understanding, insight meditation can bring greater calm, understanding, and equanimity, even experiences of insight. It can purify the mind of the coarser defilements and issue in a tranquil acceptance of life's vicissitudes. For these reasons, this mode of practice should not be disparaged. However, from a deeper point of view, this appropriation of Buddhist meditation remains incomplete. It is still confined to the sphere of conditioned existence, still tied to the cycle of kamma and its fruit.

When, however, insight meditation is sustained from below by deep faith in the Buddha as the perfectly enlightened teacher, and illuminated from above by the wisdom of the teaching, it acquires a new capacity that the other approach lacks. It now functions with the support of dispassion, moving toward ultimate deliverance. It becomes the key to open the doors to the Deathless, the means to gain a freedom that can never be lost. With this, insight meditation transcends the limits of the conditioned, transcends even itself, to arrive at its proper goal: the eradication of all the fetters of existence and release from the beginningless round of birth, aging, and death.

https://www.accesstoinight.org/lib/authors/bodhi/bps-essay_45.html



TRANG NGHIỆM TỊNH ĐỘ

Ni sư Thích Nữ Trí Hải

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Trong kinh Kim Cương có đoạn Phật hỏi Tu Bồ Đề:
- Bồ Tát có trang nghiêm Phật độ hay không?

Tu Bồ Đề bạch Phật:

- Dạ không, bởi vì trang nghiêm cõi Phật nghĩa là không trang nghiêm mới gọi là trang nghiêm.

Tiếp theo Phật lại hỏi:

- Nếu có người thân lớn như núi Tu Di, thân ấy có lớn không?

Tu Bồ Đề trả lời:

- Dạ rất lớn. Vì không thân nên Phật dạy là thân lớn.

Câu hỏi thứ nhất chỉ cho nhân tu của Bồ tát, câu hỏi thứ hai chỉ quả chứng của Bồ tát. Thân lớn là bảo thân trang nghiêm của Bồ tát, kết quả của công hạnh tu tập lục độ vạn hạnh. Câu thứ nhất có thể diễn ý như sau: Bồ tát có ý thức rằng mình đang làm những việc tốt đẹp, đang độ sanh hành đạo giáo hóa, bổ thí v.v... hay không? Chính những công việc đó làm đẹp cuộc đời, làm cho cõi chúng sinh thành cõi Phật. Có làm những việc ấy mới gọi là Bồ tát, nhưng nếu làm mà còn thấy mình làm là còn ngã tướng, chúng sinh tướng... tức còn ham danh, thì không phải Bồ tát mà vẫn là chúng sanh, và việc làm đó cũng không gọi là Phật sự, chỉ đáng gọi "chúng sinh sự." Cho nên Tu Bồ Đề đáp Bồ tát "không trang nghiêm", vì Bồ tát không bao giờ kể ta làm việc này việc nọ lợi lạc chúng sinh. Hơn nữa, hạnh Bồ tát khi đã thuần thực thì xem việc lợi tha tự nhiên như việc ăn uống, thở không khí v.v... không khoe công, không tự thấy công đức gì trong những việc mình làm. Bồ tát còn trở lại cảm ơn người đã nhận sự bổ thí của mình, cảm ơn người đã nhục mạ, gây rối, vì nhờ đó Bồ tát thành tựu được các hạnh ba la mật.

Ở một đoạn sau, Phật cũng dạy: "Tu Bồ Đề, nếu Bồ tát nói ta sẽ làm trang nghiêm cõi Phật, thì đó không phải là Bồ tát." (Tu Bồ Đề, nhược Bồ tát tác thị ngôn, ngã đương trang

nghiêm Phật độ, thị bất danh Bồ tát.) Vì Bồ tát xem việc làm ấy tự nhiên như lòng mẹ yêu con, không bao giờ nói. Hoặc như người tự yêu thân mình, lo cho bản thân thì không bao giờ nói, chỉ nói tôi lo cho đoàn thể, quốc gia, xã hội. Không ai nói lên sự thực muôn đời "duy ngã độc tôn" của mình. Do vậy, cái gì nói ra đều không thật, hoặc chỉ thật một phần, nên Lục Tổ dạy: "Chưa nói thì phải, nói rồi thì không phải." (Nếu có bà mẹ nào đi khoe rằng, tôi rất yêu con tôi, thì tình yêu ấy rất khả nghi). Chẳng những Bồ tát không ý thức có cái ta trang nghiêm tịnh độ[26]

mà ngay cả cái việc trang nghiêm Bồ tát cũng không chấp, nghĩa là ngài không cho rằng mình làm lợi lạc chúng sinh. Kịch sĩ không ý thức mình đóng kịch mới diễn xuất được trọn vẹn, nếu suốt buổi người đóng kịch cứ nghĩ mình đang đóng kịch và mong khán giả vỗ tay, thì không thể nào diễn xuất được. Do đó kinh nói rằng "không trang nghiêm mới là trang nghiêm."

Lại nữa cõi Phật vốn đã trang nghiêm, không cần gì phải "làm" cho trang nghiêm. Như khi dứt tiếng động thì tự nhiên có vắng lặng, nhưng không thể nói sự vắng lặng ấy do tạo tác mà có, hay do ai làm ra. Tâm vốn tự thanh tịnh như hư không, chỉ do vọng tưởng điên đảo của chúng sinh mà có nhiễm ô xuất hiện. Khi vọng tưởng dứt thì tâm trở lại thanh tịnh. Không thể nói sự thanh tịnh ấy do tạo tác mà thành. Bồ tát không vọng tưởng điên đảo, tâm tự vắng lặng, cảnh (Phật độ) tự trang nghiêm, không có tướng tạo tác trong đó, nên Tu Bồ đề nói "không trang nghiêm gọi là trang nghiêm". "Gọi là trang nghiêm" là chúng sinh gọi, so với uế độ của chúng sinh nên gọi cõi Bồ tát là tịnh độ, so với uế tâm của chúng sinh mới gọi tâm Bồ tát là tịnh tâm. Như người bệnh nặng, sau khi chữa lành gọi là khỏe. Còn đối với người không từng đau ốm thì đâu có ai bảo là người ấy còn bệnh hay hết bệnh, một khỏe không áp dụng cho người ấy.



Lại nữa, nơi nào có Bồ tát thì nội sự hiện diện của vị ấy đã có tác dụng đem lại thanh bình an lạc cho tất cả, từ cỏ cây muông thú cho đến loài người. Mạnh lực tâm từ bi có ảnh hưởng sâu rộng, mặc dù có thể vị ấy không làm gì cả. Cõi đất tự trang nghiêm nhờ sự hiện diện của Bồ tát, cho nên nói không cần làm cho trang nghiêm mà vẫn trang nghiêm.

Nhân tu của Bồ tát như vậy là “trang nghiêm Phật độ” mà không thấy có cái ta đem lại sự trang nghiêm, và cõi Phật được trở thành trang nghiêm. Thành tựu chúng sinh mà không thấy có mình là người giáo hóa, chúng sinh là kẻ được giáo hóa, vì Bồ tát đã dứt hết ngã chấp. Nhờ dứt ngã chấp nên Bồ tát có thể thực hành Lục độ vạn hạnh đến chỗ rốt ráo tận cùng, không bao giờ mỏi mệt. Vì đã chứng được “như huyền tam muội”, Bồ tát thấy tất cả mình, người đều như huyền.

Nhân tu của Bồ tát rộng lớn như vậy, nên quả chứng tất nhiên cũng rộng lớn, đó là báo thân như núi Tu Di mà Phật ám chỉ trong câu hỏi kế tiếp, và ngài Tu Bồ Đề đáp “không thân mới là thân lớn.” Thân lớn chưa hẳn là

lớn vì còn thân, dù có lớn như núi Tu Di đi nữa cũng không ra ngoài hư không. Do đó nói: không thân mới là thân lớn, nghĩa là dù có báo đáp thân trang nghiêm vĩ đại vẫn không chấp vào thân tướng ấy mới thực sự là Bồ tát. Nhân tu đã xem như huyền, thì quả chứng cũng xem như huyền. Có một mối nguy chúng sinh thường mắc phải là khi còn hân vi, chưa nên danh phận, thì có thể nhìn đời như mộng huyền, nhưng đến khi thành danh, có lợi lộc lại thấy như thật, chẳng huyền chút nào. Vậy là ở nhân không vướng, mà ở quả lại bị kẹt. Nhưng Bồ tát thì không vậy, nên ở trong nhân không vướng mắc ngã tướng (thấy mình có nhiều công đức), ở trong quả không chấp trước báo thân tốt đẹp.

Phật tử chúng ta nếu học được hạnh vô trú như trên của Bồ tát, làm mọi Phật sự mà không chấp tướng, không vướng ngã, nhân, thành không kiêu, bại không nản, thì chính là đang thọ trì bốn câu kệ của kinh Kim Cương công đức vô lượng, tâm nhờ đó được thanh tịnh mà cảnh nhờ đó được trang nghiêm.

(trích tác phẩm *Đường Về* của Ns. Trí Hải)



5 BÀI WAKA

CỦA SAIGYŌ HŌSHI (TÂY HÀNH PHÁP SƯ)

Waka (180)

*Cư ngụ trong núi xa
không một ai đến viếng
chỉ có bóng trắng tà
từ ngọn cây trụi lá
ánh sáng nhẹ nhàng qua.*

Waka (181)

*Giữa trời muôn cánh hoa
như những bông tuyết rụng
dạ nào chẳng xót xa
khi dẫm chân lên chúng
trên lối về Shiga!*

Waka (182)

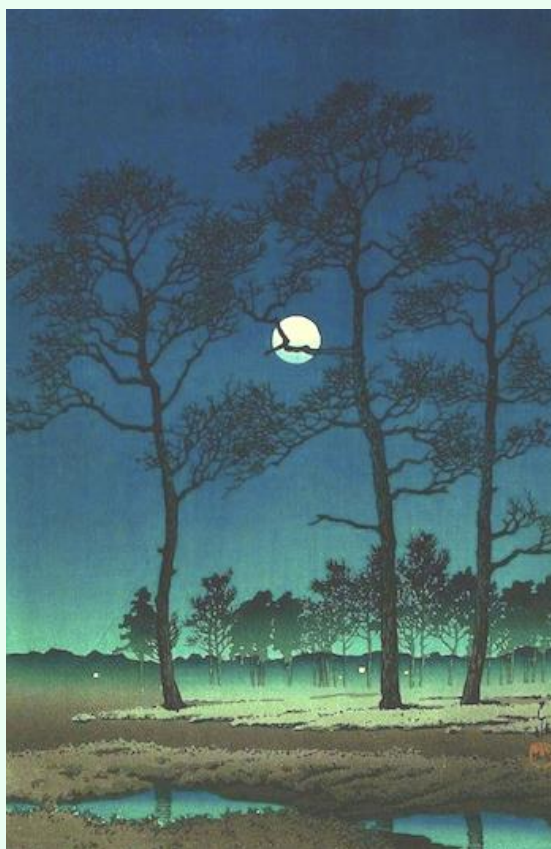
*Sau đợt tuyết đầu đông
vẫn còn người lui tới
nhưng bây giờ giá băng
đã cắt đứt mọi lối
vào ngôi làng bên trong.*

Waka (183)

*Không lấy một linh hồn
trên lối đi làm bạn
khi bóng chiều đã buông
chỉ tiếng trùng thánh thót
vọng lên hai bên đường.*

Waka (184)

*Ánh sáng của mặt trăng
chiếu xuyên qua khe hở
giữa những đám mây giăng
nếu như ta có thể
thấy nhau đâu một lần.*



* Pháp Hoan dịch từ bản dịch tiếng Anh của Burton Watson trong Saigyo, Poems Of A Mountain Home, nguyên tác thơ của Saigyō Hōshi (Tây Hành Pháp Sư, 1118-1190).
* Artwork by Hasui Kawase (May 18, 1883 – Nov 7, 1957).

thơ **PHÁP HOAN** dịch

"TAM TỰ QUY Y" LÀ GÌ?

Thích Nữ Hằng Như

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Trong thời gian qua có đôi lần, thiện sinh yêu cầu chúng tôi giải thích cụm từ "**Tam Tự Quy Y Là Gì?**". Nay thuận duyên chúng tôi gửi đến các bạn bài viết về đề tài quy y này. Muốn hiểu ý nghĩa của "**Tam Tự Quy Y**" trước hết chúng ta cần biết rõ "**Tam Quy Y**" là gì?

I. "TAM QUY Y" HAY "QUY Y TAM BẢO" LÀ GÌ?

Quy nghĩa là "quay về, trở về" hay "hồi chuyển (tâm ý)". **Y** là "nương tựa". **Quy Y** cũng có nghĩa là "Kính vâng" hay "Phục tùng". **Tam** là chỉ ba ngôi Phật, Pháp, Tăng. "**Tam Quy Y**" hay "**Quy Y Tam bảo**" nghĩa là quy kính, nương tựa nơi ba ngôi quý báu đó là **Phật, Pháp và Tăng**.

Nói đến sự quý báu, người đời thường xem trọng vàng bạc, ngọc ngà, châu báu, danh vọng, quyền cao chức lớn... Họ cho đó là những thứ quý báu, vì không phải người nào cũng có thể sở hữu. Tuy nó được xem là quý giá, nhưng nó chỉ là vật ngoài thân. Giá trị của nó luôn thay đổi, trôi sụt, lên xuống tùy theo kinh tế thị trường. Và lại vàng bạc châu báu đó không cứu nổi con người thoát khỏi cảnh già, bệnh, chết... ngược lại chính nó là nguyên nhân gây nên phiền não lo lắng cho người sở hữu nó. Thời gian hưởng thụ thích thú những thứ này thì ít, mà thời gian lo sợ có ngày phải cầm bán hay lo sợ bị mất mát vì trộm cướp .v.v... thì nhiều. Riêng Phật, Pháp, Tăng có đủ năng lực giúp cho con người thoát mọi phiền não khổ đau, không phải chỉ một đời mà còn giá trị cho nhiều đời về sau nữa... cho nên những người tu theo đạo Phật một lòng tôn kính xem **Phật, Pháp, Tăng** là ba viên ngọc quý báu gọi chung là **Tam bảo**.

- Viên ngọc quý báu thứ nhất là Đức Phật.

Phật phiên âm từ tiếng Phạn là Buddha. Người Trung Hoa dịch là Giác giả, nghĩa là đấng hoàn toàn giác ngộ và từ bi vô hạn. Suốt 45 năm kể từ ngày thành đạo, Đức Phật đã không ngừng nghỉ việc hoằng pháp hướng dẫn chúng sinh đến chỗ thoát khổ giác ngộ như Ngài. Người đời suy tôn Phật là đấng tự giác, giác tha viên mãn, là vị Cha lành của tất cả chúng sinh, là vị Đại Đạo Sư của mười pháp giới. Người ta một lòng tôn thờ Ngài qua các đức hiệu: **Như Lai** (là thể bất sanh, bất diệt, bất động gọi là "Như"). Tuy thế không sanh không diệt, nhưng tùy lợi ích chúng sinh, mà Ngài hằng tùy duyên ứng hiện (đến) giáo hóa chúng sinh nên là "**Lai**"), **Ứng Cúng** (bậc xứng đáng được Người Trời cúng dường), Chánh Biến Tri (hiểu biết chân chánh trùm khắp không giới hạn), **Minh Hạnh Túc** (bậc đạo đức đầy đủ Tam minh), **Thiện Thệ** (khéo léo vượt qua các cõi trong tam giới), **Thế Gian Giải** (hiểu thấu tất cả các pháp ở thế gian), **Điều Ngự Trượng Phu** (chinh phục tất cả mọi loài, mọi người trên thế gian), **Thiên Nhân Sư** (là thầy của Trời và Người), **Phật** (giác ngộ, sáng suốt trùm khắp), **Thế Tôn** (trong tam giới, ai ai cũng tôn kính Ngài).

Quy y Phật có nghĩa là quay về nương tựa vào vị Đại Giác Ngộ, nhờ vào sự hướng dẫn của Ngài để chúng ta chuyển đổi nhận thức, khơi dậy bản tánh thiện lành, buông tham sân si, quay về với tự tánh sáng suốt vốn sẵn có trong mỗi con người chúng ta. Học Phật là học theo con đường tập hợp phước đức và phát huy trí tuệ. Phước đức và trí đức ấy nhằm mục đích đưa chúng ta đến



tự giác, giác tha, xây dựng một cuộc sống hiện tại an lạc cho mình và cho mọi người chung quanh, đồng thời chuẩn bị cho kiếp sống tương lai muôn phần tốt đẹp hơn.

- Viên ngọc thứ hai của Tam bảo là Pháp.

Pháp dịch từ tiếng Phạn là Dharma. Đây là những lời dạy chân thật của bậc phước trí vẹn toàn. Pháp Phật toàn bích, toàn thiện ở phần đầu, phần giữa và phần sau nên Pháp ấy vô giá trong mọi lúc mọi thời. Là phương pháp giảng dạy có hệ thống tùy theo căn cơ và nguyện lực của chúng sanh mà có pháp cao hay pháp thấp. Nhưng chung quy pháp nào cũng nhằm dẫn dắt, giúp chúng sinh điều phục mọi cảm dơ thể gian vượt qua những hệ lụy khổ đau của ngũ dục: *tài, sắc, danh, thực, thù*.

Quy Y Pháp, thực hành theo lời dạy của Đức Phật sẽ đoạn tận mọi phiền não, khổ đau, vượt thoát màn vô minh, khai mở tâm trí sáng suốt, sống đời an vui hạnh phúc. Như đã trình bày, Phật dạy rất nhiều pháp, đủ mọi trình độ, căn cơ... từ tục đế bát nhã tới chân lý tối hậu, đã được chư Tổ kết tập thành ba tạng Kinh, Luật, Luận.

- Viên ngọc thứ ba của Tam bảo là Tăng hay Tăng già:

Tăng già phiên âm từ tiếng Phạn là Sangha, người Trung Hoa dịch là "*hòa hợp chúng*", hay "*đoàn thể hòa hợp*". Tăng già là thuật ngữ dùng để chỉ các tu sĩ Phật giáo, là những người đệ tử của Phật, ly khai gia đình, hiến trọn đời cho đạo pháp. Họ cùng sống chung để tu hành, học hỏi và luôn giữ giới luật của Phật. Họ sống hòa thuận nâng đỡ lẫn nhau trên mọi mặt theo đúng tinh thần Chánh pháp. Nhìn chung, Tăng già là một đoàn thể có tổ chức, có lý tưởng, có nhiệm vụ cao cả nhất thế gian. Là đoàn thể đáng kính vì các thành viên của đoàn thể này đã phát nguyện sống cuộc đời tinh thức và luôn mang hoài bảo mang Pháp Phật đến với mọi người.

Quy y Tăng là kính nể, tôn trọng, thực hành những lời dẫn dắt của chư Tăng, vì các vị ấy là người đang đi theo con đường của Phật. Sau khi Phật nhập diệt, Tăng già tiếp tục thay Ngài hoằng truyền Chánh pháp cứu độ chúng sanh một cách chánh trực.

Tóm lại Phật, Pháp, Tăng là những viên đá quý thể hiện phẩm hạnh tối cao vượt qua tất cả những bấu vạt trên thế gian. Phật, Pháp, Tăng có thể giúp chúng ta giải tỏa những nỗi khổ đau và thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử. Cho nên quy y Tam bảo có nghĩa là chúng ta quay về nương tựa vào Tam bảo, tìm kiếm sự bảo vệ từ Tam bảo bằng cách học hỏi và thực hành theo đúng lời dạy của Tam bảo để sớm được giải thoát ra khỏi mọi đau khổ.



II. PHÂN LOẠI TAM BẢO

Trong quyển Phật Học Phổ Thông bài "*Quy Y Tam Bảo*", cố Hòa Thượng Thích Thiện Hoa đã chia Tam Bảo thành ba bậc. Thứ nhất là Đồng thể Tam Bảo, thứ hai là Xuất thế gian Tam Bảo và thứ ba là Thể gian trụ trì Tam Bảo.

1. Đồng thể Tam Bảo: Gồm 3 đồng thể, đó là: Đồng thể Phật bảo, Đồng thể Pháp bảo và Đồng thể Tăng bảo. Đồng thể Phật bảo, ý nói tất cả chúng sinh cùng chư Phật đồng một thể tánh sáng suốt. Đồng thể Pháp bảo nhằm chỉ tất cả chúng sinh cùng chư Phật đồng một pháp tánh bình đẳng, từ bi. Đồng thể Tăng bảo là nhằm chỉ tất cả chúng sinh đồng một thể tánh thanh tịnh; "sự lý" hòa hợp.

2. Xuất thế gian Tam Bảo: Gồm 3 ngôi xuất thế gian, đó là: Xuất thế gian Phật bảo là chỉ cho đức Phật Thích Ca Mâu Ni và chư Phật trong mười phương ba đời đã tự giải thoát ra khỏi sự ràng buộc của thế gian. Xuất thế gian Pháp bảo là chỉ cho Chánh pháp của Phật, có công năng làm cho chúng sinh thoát khỏi sự ràng buộc của thế gian, như Tứ diệu đế, Thập nhị nhân duyên, Lục độ v.v... Xuất thế gian Tăng bảo là chỉ cho các vị thánh Tăng đã thoát ra ngoài sự ràng buộc của thế gian như đức Quan-Thế-Âm, Đại Thế-Chí, Văn-Thù, Đại Ca-Diếp, A-Nan v.v...

3. Thể gian trụ trì Tam Bảo: Gồm ba ngôi trụ trì, đó là Thể gian trụ trì Phật bảo như Xá lợi của Phật, các loại tôn tượng, hình ảnh Đức Phật được tôn thờ trong chùa chiền, thiền viện hay tại các tư gia Phật tử trong dân gian. Thể gian trụ trì Pháp bảo, chỉ ba tạng giáo điển: Kinh, Luật, Luận, viết hay in trên giấy, trên vải, trên lá buông, băng DVD, trên social media networks ..v.v... Thể gian trụ trì Tăng bảo chỉ các vị Tỳ kheo hiện tiền tu hành chân chánh, đạo đức trong sạch, giới luật trang nghiêm.

III. LỄ QUY Y TAM BẢO

"*Lễ Quy Y Tam Bảo*" là nghi lễ hợp thức hóa cho một hay nhiều người trở thành đệ tử của Phật, gọi chung là "*Phật tử*". Lễ này thường được tổ chức tại Chùa hay Thiền viện, gồm những nghi thức: Niệm hương, bạch Phật, Tán hương cúng dường và đánh lễ Tam bảo. Trong buổi lễ quy y, ngoài nghi thức

sám hối, có nghi thức quan trọng là lễ phát nguyện: “*Quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*”. Khi đã thành tâm phát nguyện trước Tam bảo thì vị này đã là Phật tử chính thức, được thầy bốn sư trao truyền năm giới: “*Một là suốt đời không sát sanh, hai là không trộm cắp, ba là không tà dâm, bốn là không nói dối, năm là không uống rượu*”. Tùy sự phát tâm của mỗi Phật tử, họ có thể tự hứa thọ hai giới hay ba giới hoặc trọn năm giới ... để tuân thủ trong đời sống hằng ngày. Nhưng thông thường các Phật tử được khuyên là cố gắng giữ trọn năm giới. Tại sao vậy? Tại vì người giữ trọn năm giới là người có nếp sống đạo đức. Người sống đạo đức là người sống an lạc vì không làm khổ mình và khổ người.

Sau khi quy y Tam bảo và thọ giới, vị thầy bốn sư sẽ phát cho người đệ tử một giấy chứng nhận Quy Y Tam Bảo, trên đó có ghi ngày tháng quy y và pháp danh. Pháp danh là tên trong đạo do thầy bốn sư ban cho. Pháp danh được sử dụng trong gia đình tâm linh, nghĩa là giữa thầy trò và các bạn đạo với nhau. Giấy chứng nhận Quy Y Tam bảo cũng giống như tờ giấy khai sanh, đánh dấu từ ngày này người Phật tử tham dự vào một cuộc sống mới về tâm linh, có một hướng đi mới nương vào Tam Bảo tu tập cầu giác ngộ giải thoát.

IV. NHIỆM VỤ CỦA NGƯỜI PHẬT TỬ TẠI GIA

Đã quy y Tam bảo, chính thức trở thành đệ tử của Phật, chúng ta cần phải tìm hiểu về Đức Phật, người đã khai sáng đạo Phật. Chúng ta tìm hiểu cuộc đời của Ngài từ khi mới đản sinh cho đến ngày rời bỏ cuộc sống xa hoa trong hoàng cung như thế nào? Tại sao từ một vị Thái Tử văn võ song toàn, vợ đẹp con xinh, trước mặt là chiếc ngai vàng trị vì thiên hạ đang chờ đợi, mà vị Thái Tử ấy lại buông tất cả, chọn cuộc sống lang thang của người khất sĩ rày đây mai đó?

Là đệ tử chúng ta cần tìm hiểu xem đoạn đường tu tập của Ngài ra sao? Ngài đã tự thăng bản thân của Ngài như thế nào? Và sau khi thành đạo Ngài đã làm gì cho chúng sanh?

Có tìm hiểu rõ ràng về bậc Giác Ngộ. Người Phật tử mới vững lòng tin nơi Tam bảo mà hết lòng nương tựa vào Tam bảo, lo tiến tu để đạt được cứu cánh thoát khổ giác ngộ như bậc Vô thượng đã sáng lập ra đạo Cả.

Muốn đạt mục đích thoát khổ thì người Phật tử ít ra cũng phải thông suốt pháp học và pháp hành theo đúng Chánh pháp. Cho nên dù không ai bắt buộc nhưng người Phật tử tại gia cũng có nhiệm vụ, là ngoài việc tìm học giáo lý từ Tăng già, còn phải áp dụng bài học đó vào đời sống hằng ngày của mình, giữ gìn năm giới đạo đức mà mình đã thọ nhận

trong buổi Lễ Quy Y Tam bảo. Năm giới này chính là năm chiếc áo giáp bảo vệ không để chúng ta phạm những lỗi lầm trầm trọng cản trở bước tiến tu của chúng ta.

Ngoài ra, người Phật tử cũng cần biết sinh hoạt của Quy Y Tam bảo có hai phương diện. Đó là diện “*Sự*” và diện “*Lý*”.

A. “*SỰ*” QUY Y TAM BẢO:

Đã quy y Tam Bảo và lãnh thọ năm giới rồi, thì chúng ta phải thực hành Tam Quy bằng sự tướng cung kính, vâng theo Tam Bảo, gọi là “*Sự Quy Y Tam bảo*”.

- **Sự Quy Y Phật:** Hằng ngày chúng ta phải luôn tưởng nhớ hạnh tu của Đức Phật bằng cách niệm đức hiệu Ngài, chúng ta nên thường chiêm ngưỡng tôn tượng, hình ảnh của Ngài. Chúng ta luôn thành tâm đánh lễ Đức Phật để tỏ lòng cung kính và nguyện suốt đời học hỏi, tu tập theo lời Phật dạy. Đó là hành động quy y Phật, mà thuật ngữ gọi là “*Sự Quy Y Phật*”.

- **Sự Quy Y Pháp:** Hằng ngày tụng đọc kinh, luật, luận, sớm hôm hai thời công phu tìm hiểu nghĩa lý thâm huyền của Pháp bảo. Nếu chưa hiểu rõ ý nghĩa thâm sâu chỉ tụng đọc suông cũng có ích lợi, vì khi tụng đọc kinh điển, tâm trí chúng ta không khởi nghĩ đến những việc xấu ác. Nhờ vậy mà tâm chúng ta được an lành, thanh tịnh. Đó là “*Sự Quy Y Pháp*”.

- **Sự Quy Y Tăng:** Chúng ta thường nghe nói: “*trọng Phật phải kính Tăng*”. Cho nên chúng ta thành tâm thờ Phật bao nhiêu thì chúng ta phải thật lòng kính Tăng bấy nhiêu, vì hiện tại Đức Phật đã nhập diệt, nếu không có những vị Tăng nối tiếp mạng mạch Phật giáo thì đạo từ bi và trí tuệ sẽ không còn. Vì thế, khi người Phật tử nhìn thấy một vị có tướng “*đầu tròn áo vuông, chân chính tu hành, giữ gìn giới luật...*” thì khởi tâm kính quý, nể trọng, xem vị đó như là đại diện của Đức Phật. Hành động như vậy là “*Sự Quy Y Tăng*”.

B. “*LÝ*” QUY Y TAM BẢO hay “*TAM TỰ QUY Y*”

“*Lý Quy Y Tam Bảo*” hay “*Tam Tự Quy Y*” nghĩa là người Phật tử ngoài “*Sự Quy Y Tam Bảo*”, bày tỏ lòng ngưỡng kính của mình đối với Tam Bảo qua các nghi lễ Phật giáo, tụng kinh, niệm Phật, người Phật tử chân chính cần dành thời giờ tu tập thiền định, nhận ra ba ngôi Tam bảo bên trong chính mình, chứ không phải lúc nào cũng bái lạy cầu tìm Tam Bảo ở bên ngoài, mà phải “*Lý Sự*” viên thông, kết hợp cả hai một cách hài hòa. Chúng ta có thể hiểu “*Sự*” là hình thức bên ngoài, là tu cái tướng, còn “*Lý*” là quay về bên trong, là tu cái tánh.

Ai cũng biết, trong nghi thức các khóa

lễ, bắt đầu chúng ta thường lễ Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo. Cuối khóa lễ thường tụng Tam Tự Quy Y: " - **Tự quy y Phật**, xin nguyện chúng sinh, thể theo đạo cả, phát vô thượng tâm. - **Tự quy y Pháp**, xin nguyện chúng sinh thấu rõ kinh tạng, trí huệ như biển. - **Tự quy y Tăng**, xin nguyện chúng sinh, thông lý đại chúng hết thảy không ngại".

Vậy tự quy y là quy y như thế nào?

- **Tự Quy Y Phật:** Quy y Phật, Pháp, Tăng là quy y bên ngoài, còn "**tự quy y**" là trở về nương tựa Tam bảo nơi mỗi người. Tự là mình. "**Tự quy y Phật**" là trở về nương tựa Phật của chính mình, nghĩa là mình trở về với Phật tánh sáng suốt của tâm mình.

Đức Phật đã từng nói "*chúng sanh, ai cũng có Phật tánh*" nhưng tại sao chúng ta không thấy Phật tánh? Đó là do chúng ta đã huân tập quá nhiều tập khí, lậu hoặc từ ngày này sang ngày khác vào trong tâm của chúng ta. Những tập khí lậu hoặc đó là những thói quen tốt có, xấu có, là những tư tưởng so sánh, phân biệt, thương ghét, giận hờn, tham, sân, si... Những thứ này trong nhà Phật gọi là màn vô minh. Màn vô minh này mỗi ngày một dày đặc hơn, làm lu mờ thể tánh sáng suốt vốn có sẵn trong mỗi con người khiến cho con người sống trong mê lầm, tối tăm, phiền não. Màn vô minh này giống như đám mây đen dừng lại che lấp mặt trăng khiến cho không gian đang sáng bỗng dưng tối sầm lại, nhưng khi có cơn gió mạnh thổi tan mây thì ánh sáng của mặt trăng lại xuất hiện chan hòa xuống muôn loài như cũ. Vô minh và Phật tánh cũng thế. Hễ *Vô minh biến đi thì Phật tánh hiển lộ*.

"**Tự quy y Phật**" là quay về quy y với chính mình, làm hiển lộ ông Phật trong tâm mình. Làm cách nào để Phật tánh hiển lộ? Căn bản Phật là bồ đề, là giác, là tri, là biết. Khi sáu căn: *mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý* tiếp xúc với sáu trần: *sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp*; ngay lúc đó có liên cái biết rõ ràng mà không một niệm dính mắc. Đó là cái biết khách quan trong sáng, là Phật. Còn cái biết sanh diệt thích cái này, ghét cái kia là cái biết chủ quan, hư dối, là phàm phu.

Về lời nguyện "**Tự quy y Phật, nguyện cho chúng sinh hiểu rõ đạo cả phát vô thượng tâm**". Vô thượng tâm là tâm Bồ đề là Phật tánh. Tự thân chúng ta không nhận ra được "**Phật tánh**" của chính mình, thì lời nguyện này chỉ là lời nguyện suông trống rỗng chẳng ích lợi gì cho mình, nói chỉ cho người khác.

- **Tự Quy Y Pháp:** Là chân lý mà Đức Phật đã chứng ngộ rồi dạy lại cho chúng sinh. Chúng ta tụng đọc, thuộc lòng pháp Phật dạy, đó là "**Sự Quy Y Pháp**". Bây giờ "**Tự Quy Y Pháp**" là trở về nương tựa pháp Phật ngay

tại mình. Đức Phật dạy các pháp **Tứ đế, Thập nhị nhân duyên, Lục độ** v.v... Chúng ta phải "**thể nhập**" những pháp đó vào chính đời sống của chúng ta. Nghĩa là chúng ta nhận ra những bài học này Đức Phật dạy cho chính chúng ta. Chúng ta phải áp dụng những bài học này trên chính bản thân của chúng ta và tu tập để tự mình cứu lấy mình.

Ví dụ như bài học về Tứ Diệu Đế là bài học nêu lên bốn chân lý: **Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế**. Học Tứ Đế, chúng ta biết rằng tất cả mọi người không ai là không khổ. Ta cũng khổ. Muốn thoát khổ thì phải biết nguyên nhân của khổ là tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến ... là những tác nhân tạo thành quả khổ gọi chung là Tập đế. Dẹp bớt những nguyên nhân này thì khổ đau sẽ dần dần giảm. Khi tiêu diệt được Tập đế thì quả khổ đau sẽ không còn. Ngay đó gọi là Diệt đế. Diệt đế là kết quả do công phu tu tập thực hành Đạo đế. Đạo đế có ba mươi bảy phẩm trợ đạo, trọng yếu là **Bát thánh đạo** gồm: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Thực hành tám điều đó sẽ đưa chúng ta tới địa vị của những bậc hiền thánh, hết khổ được vui. Cho nên Đạo đế là nhân tu để diệt hết khổ đế. Khổ đế không còn thì gọi là Diệt đế, là cảnh giới Niết Bàn.

Tóm lại, "**Tự Quy Y Pháp**" là tự thân mình áp dụng cho được những Pháp căn bản do Phật dạy. Được như vậy, thì lời nguyện "**Tự quy y Pháp, nguyện cho chúng sinh thâm nhập ba tạng, trí huệ như biển**" mới có giá trị được một phần nhỏ đối tam tạng kinh điển.

- **Tự Quy Y Tăng:** Quy Y Tăng là nương tựa vào đoàn thể thanh tịnh lục hòa. Ý nghĩa của "**Tự Quy Y Tăng**" là cá nhân mình phải là một vị Tăng sống "**lục hòa**" tức là sống đúng theo nguyên tắc hòa hợp như sau: 1) Thân hòa đồng trụ (*thân hòa cùng ở chung*), 2) Khẩu hòa vô tranh (*Góp ý xây dựng trong tinh thần hòa hợp không tranh cãi*), 3) Ý hòa đồng duyệt (*Thông cảm, không đổ kị chửi trích phê phán*), 4) Kiến hòa đồng giải (*chia sẻ sự hiểu biết đặt trên nền tảng lợi ích chung*), Giới hòa đồng tu (*cùng thực hành và tôn trọng giới pháp*), Lợi hòa đồng quân (*lợi hòa cùng chia*).

Khi mình đã thực sự sống một đời tu hành đúng theo sáu nguyên tắc mà Đức Phật đã nêu trên, thì việc hoằng pháp sau này của mình sẽ không gặp trở ngại và lời nguyện "**Tự quy y Tăng, nguyện cho chúng sinh thông lý đại chúng hết thảy không ngại**" mới có cơ hội thành tựu.

V. KẾT

Ý nghĩa của Quy Y Tam Bảo là trở về nương tựa vào Phật Pháp Tăng. Nương tựa ở đây là học hỏi những gì Phật dạy để cải sửa

cuộc sống của chính mình ngày một tốt đẹp thiện lành hơn. Còn Tự Quy Y là mình phải tự quay về chính mình, tự kiểm điểm thân tâm của mình trên con đường tu tập hướng đến quả vị giác ngộ giải thoát, chứ không phải giao phó cuộc đời của mình vào những lời cầu nguyện Tam Bảo suông bên ngoài, bởi vì Đức Phật là vị Đạo Sư trao cho chúng ta pháp tu chúng ta phải tự mình học hỏi và thực hành. Đức Phật cũng giống như một vị Bác sĩ giỏi, chúng ta là người bệnh tìm đến Ngài. Ngài chẩn đoán và cho toa thuốc, nếu chúng ta không chịu mua thuốc và uống thuốc thì bệnh sẽ không bao giờ hết.

Cho nên, bước đầu học Phật, người Quy Y Tam Bảo cần nghiêm trì năm giới. Trong "Tăng Chi Bộ Kinh" có ghi lại lời dạy về các nguồn công đức có được của các vị Thánh đệ tử. Đó là ba nguồn nước thiện đến từ Quy Y Phật, Pháp, Tăng sẽ mang hạnh phúc, an lạc cho người quy y. Và năm nguồn nước thiện dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc và an lạc... đó là đoạn tận sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, đoạn tận tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói dối, đoạn tận đắm say rượu men, các chất ghiền nghiện.

Tóm lại khi người Phật tử đặt trọn niềm tin vào Tam bảo và thực hiện những gì mình đã thọ nhận trong lúc quy y, giữ tròn năm giới luật thì người đó đang có được tám nguồn công đức, là tám nguồn nước thiện, là thứ nước an lạc hỗ trợ làm nhân sanh quả Thiện, là quả dị thực an lạc đưa đến cõi Trời, dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc vậy!

Nam Mô Bốn Sư Thích ca Mâu Ni Phật

THÍCH NỮ HẰNG NHƯ
(Chân Tâm thiền thất, 18/9/2020)

Tài liệu:

- "Kinh Tăng Chi Bộ": Chương VIII – Tám Pháp – IV. Phẩm Bồ Thái (IX) (39) "Nguồn Nước Công Đức", HT. Thích Minh Châu dịch từ tiếng Pali.
- Sách "Phật Học Phổ Thông": Bài "Quy Y Tam Bảo" – HT. Thích Thiện Hoa biên soạn.
- Sách "Những Lời Thầy Dạy": Bài "Hòa Thượng Dạy Ni Chúng Trúc Lâm", HT. Thích Thanh Từ.



MÊ KHÚC THU

*Mình đã đợi nhau tự thuở nào
Vàng thu man mác đẹp làm sao
Đến đi vô tận còn ngỡ ngàng
Thấu tận tâm can vẫn nói chào*

*Tình nhỏ mênh mông giữa đất trời
Thời gian trôi xóa chưa hề vơi
Em ơi một thoáng nghìn năm nhớ
Mắt biếc như mơ ở giữa đời*

*Thanh tú gầy hao vóc hạc xinh
Hồn say chênh choáng bể men tình
Gọi tên khắc khoải cơn cuồng mộng
Tâm khám lung linh bóng dáng hình*

*Chiếc lá vàng gieo hay nắng loang
Tâm hồn rong ruổi bước đi hoang
Tìm em một cõi trần nhưng nhớ
Đây lúc mùa lên mê khúc thu*

thơ

HIỀN NGUYỄN

Ất Lăng thành, 10.2020

Lợi ích của **TÂM TÙY HỖ** và Nguy hại của **LÒNG ĐỐ KỶ**

Thích Viên Thành

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

*Khi tùy hỷ lòng ta đầy thanh thản
Phước Đức sanh tạo thiện cảm với người
Khi đố kỵ nét mặt hết vui tươi
Tạo oan trái cuộc đời đầy đau khổ.*

- **Tùy hỷ** là vui theo. Tâm tùy hỷ là tâm tốt. Tâm tốt thường thấy những điều chung quanh đều tốt, vì "người vui cảnh chẳng đo sâu." Khi thấy người khác có cái gì tốt, cái gì đẹp, hiền lành được an ổn, hạnh phúc, thành đạt thì mình vui theo, như chính mình được và thấy họ làm điều phước thiện, đạo đức mình cố công giúp đỡ khiến họ được thành tựu. Vui cái vui của người, mừng thấy cái tốt của người sẽ là một sự thông hiểu, tạo được không khí an lành đầy chân thành hòa đồng trong tâm niệm hạnh phúc. Lúc đó tâm ta sẽ thấy an vui, nhẹ nhõm, thanh thoát cõi lòng, sống trong hiện tại rất là thư thái, ý nghĩa, nhiều lợi ích và được nhiều người thương yêu tôn kính và yểm trợ, tương lai chắc chắn sẽ hưởng được nhiều điều may mắn và tràn đầy phước đức.

Chỉ cần vui theo cái tốt, cái đẹp và thành tựu của người, là ta cũng tốt, cũng đẹp cũng

thành tựu và hưởng được nhiều phước báu như người, quá dễ dàng như vậy, nhưng tại sao còn quá nhiều người không thể thực hiện được? Có phải chăng vì "cái tôi" quá lớn, khiến lòng đầy ích kỷ, chỉ biết mình thôi, mình là rốn của vũ trụ, chỉ có mình là nhất trong thiên hạ, chứ người khác đâu có tốt, đẹp, lợi ích như thế nào, cũng không cần biết đến, cũng không thể hơn mình được; do vậy rất lạc hậu, không học hỏi được gì để tiến bộ, từ đó "vô minh" che mờ lý trí khiến tham-sân-si lớn dần, "người buồn cảnh có vui đâu bao giờ" là đây và "tâm đố kỵ" phát sinh.

Ta tìm hiểu về "đố kỵ".

- **Đố kỵ** là sự ganh ghét. Lòng đố kỵ là một bệnh hoạn: nhìn mọi sự việc méo mó theo cái tâm ích kỷ, không công nhận, dẫn đến khó chịu khi người khác hơn mình, không muốn ai hơn mình, rồi tìm cách cô lập hoặc tiêu diệt kẻ khác để được "sinh tồn" mà tha hồ "hưởng thụ" và bài trừ những thành tựu của người khác.

Đố kỵ là tính xấu của con người. Từ xưa đến nay, đố kỵ chẳng còn xa lạ trong cuộc sống, vì ông cha ta đã có rất nhiều câu đề nói về lòng đố kỵ như: "Ghen ăn tức ở" hay "Trâu buộc ghét trâu ăn"...

Điều thứ sáu trong Kinh Tám Điều Giác Ngộ Của Bạc Đại Nhân, Phật dạy: "...**Nghèo khổ nhiều tật đố trách phiền, Thường gây lăm việc oan khiên, Ngang nhiên kết buộc ác duyên với người...**" Từ đó có thể hiểu rằng, do nghèo khổ, nhất là nghèo khổ về tinh thần, từ việc không tin nhân quả và tâm linh mà ra, để rồi phải chịu nhiều nguy hại: Tâm đố kỵ khiến luôn khó chịu, phải tìm cách đối phó với những thành đạt của người, phá hoại hết tất cả những mối quan hệ của mình và của những người khác, nên tâm trí bị mê mờ, không phân biệt được những hay đẹp của người và của cuộc đời để mà học hỏi theo; do vậy không được mọi người thương yêu, thân



thiện, từ đó phải lấy hung dữ ra để áp đảo mọi người, khiến bị mọi người xa lánh, trở thành lạc hậu và nguy hiểm với đời!

Tại sao Đức Phật lại thường tuyên dương “tâm tùy hỷ” và cảnh giác về “lòng đố kỵ”? Ta hãy tìm hiểu xem!

Trong Kinh Tứ Thập Nhị Chương, Phật dạy rất rõ:

“Ví như lửa của một cây đuốc, vài trăm ngàn người đều dùng đuốc đến chia nhau mà lấy để nấu ăn hay thắp sáng, nhiều người có đuốc lửa mà cây đuốc ban đầu vẫn như cũ.”

Tùy hỷ với những điều tốt, những điều hay, nhiều lợi ích của người là phát xuất từ tâm cung kính vị tha, cho nên công đức cũng có được từ nơi đây.

Trong Kinh Bảo Tích, Phật dạy: *“...Bồ Tát thấy người được lợi ích sanh lòng tùy hỷ có 4 điều lợi ích: 1/ Thường sanh tâm này, tôi nhiếp chúng sanh phải cho họ được lợi lạc. 2/ Nay họ được lợi lạc nên tôi sanh lòng vui mừng. 3/ Chỗ ở có tài vật, vua quan, giặc cướp, nước, lửa đều chẳng xâm đoạt được. 4/ Tùy sanh xứ nào, của báu và các con thầy đều đầy đủ, vua còn chẳng đố kỵ hưởng là người khác...”*

Phật dạy rất rõ: “Một người bố thí và một người không bố thí nhưng tùy hỷ thì phước bằng nhau”. Tại sao? Tại vì người bố thí xả bỏ tâm tham, còn người tùy hỷ xả tâm tật đố, nên phước bằng nhau. Đức Phật cũng khẳng định rằng muốn tìm được hạnh phúc, muốn tìm được sự an lạc là ngay trong cuộc sống giữa đời thường này thì phải cần đến năng lực của sự tùy hỷ. Bởi cuộc đời là “vô thường” là lẽ sống “...có gì đẹp trên đời hơn thế, người yêu người, sống để yêu nhau” kia mà, chúng ta phải cùng yêu thương đùm bọc giúp đỡ lẫn nhau còn không hết, hưởng hồ là đố kỵ nhau để tạo ra thù hận, thành oan gia trái chủ, để phải luân hồi sanh tử mãi mà đọa đày trả ân oán với nhau.

Những người có lòng đố kỵ thật là rất tội nghiệp cho họ, bởi họ được sinh ra và sống trong một gia đình, được giáo dục trong sự ích kỷ, chỉ biết tranh thủ lợi ích cho gia đình mình thôi! Đối với con cháu người khác, đến nhà mình thì mắc mớ, khó khăn, hành hạ, đày đọa, bắt phải phục tùng, còn con cháu của mình đến nhà người, thì muốn “làm cha, làm mẹ” người ta; nhưng đời đâu có vậy được, từ đó luôn bất như ý, nên trong lòng luôn bất mãn, sầu khổ, khó thành công trên đường đời.

Đứng trước tài năng hay những thành tựu của người khác, thay vì ngưỡng mộ hay công nhận thì người có lòng đố kỵ lại tỏ ra khó chịu, phủ nhận những thành tựu, tài năng ấy bằng những lời nói, suy nghĩ hay

những hành động tiêu cực, nguy hiểm hơn nữa, là không chịu nhìn lại để thấy những sai trái mà tu sửa hầu thành người tốt, trong khi đó lại “chia bè kết nhóm,” “chung lưng đấu cật” với nhau để lo che đậy khuyết điểm và bao che những tội lỗi, có khi phải tìm hoặc dựng đứng lên những cái xấu của người, để mà khóa lấp cái tốt của người, rồi tìm cách hãm hại, từ đó tạo ra oan trái, tội lỗi và những điều xấu cho nhau và đặc biệt tính tốt của ta cũng bị lu mờ.

Khi đã hiểu được lợi ích của tâm “tùy hỷ” từ nơi sống “vị tha” mà có, và sự nguy hại của lòng “đố kỵ” bởi sự “ích kỷ” mà ra, chúng ta phải thường xuyên tự soi xét lại mình, để thấy được cái sai do ích kỷ mà sửa, cái đúng từ nơi vị tha mà phát huy, hầu hoàn thiện tự thân, sáng suốt liệu tính cho mình và thân quyến, cũng như những người chung quanh; sống sao cho được thoải mái, có an lạc, hạnh phúc, thương yêu nhau và đặc biệt là cùng nhau có phước, tạo đức, qua việc tinh tấn tu tập, khiêm cung, siêng lạy Phật sám hối; từ đó “cái tôi” nhỏ dần, sống đơn giản, ít muốn, biết đủ, bớt ham muốn, để có được tâm an tịnh, trí tuệ sáng tỏ dần, lòng từ bi thể hiện và ta sẽ không còn “đố kỵ” mà dễ dàng sinh tâm “tùy hỷ” hầu tránh đi những khổ đau và thù hận.

*Chùa Pháp Hoa
SA ngày mùng 1 tháng 9 năm Canh Tý
(17/10/2020)*



CON ONG VÀ HÀNH GIẢ

Cửa mở hành giả vào
Con ong bay theo tiếp
Quay lưng hành giả khép
Con ong ra đường nào?

Căn phòng bao lưới nhện
Con ong bay vòng vòng
Đường ra ba nẻo từ
Hướng nào tránh lưới giăng?

Hành giả ngồi im lìm
Tìm cửa vào đại định
Sáu căn vừa thanh tịnh
Cửa vào sao vắng im?

Con ong mong cửa thoát
Hành giả chờ lối vào
Hai đường hai hướng lạ
Luân hồi và tiêu dao

Hành giả nghe tiếng ong
Tâm không bờ không bến
Con ong sa lưới nhện
Tâm chốc trở thành không

Con ong kiếm đường sanh
Hành giả tìm giải thoát
Lối ra còn kín khép
Cửa vào bỗng nhẹ tênh

Hành giả theo công án
Tâm đưa xuống đàng thiền
Hơi thở dài sâu chậm
Đất trời bỗng lặng yên

Phút giây tâm bất động
Ngũ uẩn cũng là không
Ta về ta một cõi
Nhẹ bỗng ánh mây hồng

Ta là mây bốn hướng
Thanh thân trời thái hư
Nhìn quanh trâu đầu mắt
Tròn một quả chân như.



CON MUỖI

Trước chết một lần nhờ phép lạ
Hồi sinh từ máu của chồng xưa
Cho hay yên phận bền duyên kiếp
Đẹp quá đôi đời hạnh phúc chưa?

Giấc mơ nhưng lựa chi mà tẻ
Một sớm sang ngang bỏ bạn nghèo
Quên sạch ân tình trong mái lá
Chẳng buồn ngó lại kẻ trông theo

Người xưa bên túp lều xiêu vẹo
Và nổi cô đơn cuộc sống tàn
Mất hết từ khi thuyền tách bến
Chập chùng kỷ niệm lúc ly tan

Chàng trai đành lễ mười phương Phật
Nhờ giúp người yêu trở lại nhà
Phật dạy: cho gì con lấy lại
Sẽ hoàn nguyên trạng những ngày qua

Trả ba giọt máu cho chồng cũ
Nàng hiện nguyên hình một tử thi
Xác rửa hóa thân thành kiếp muỗi
Vo ve đòi nợ lúc đêm về

Chắc nghĩ tìm ra ba giọt máu
Sẽ hoàn hình vóc tuổi xanh xưa
Nàng bay hút máu toàn thiên hạ
Rồi cũng ô hô kiếp sống thừa

Vô minh từ một duyên tiền kiếp
Nợ cứ vay hoài chẳng trả xong
Con muỗi ngàn năm còn kiếp muỗi
Đầy tâm sân hận đến đâu cùng

Con muỗi soi gương tìm bóng nó
Mũi kim chực đốt thịt da người
Nhân kia phát khởi từ trong ý
Rốt cuộc thu về quả đắng thôi...

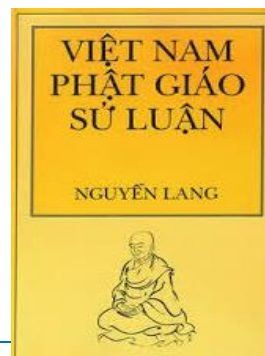
thơ HỒ THANH NHÃ

CHÙA ẨM QUANG VÀ CHÙA XÁ LỢI Ở NAM VIỆT

(Chương XXXII, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP III)

Nguyễn Lang

LỊCH SỬ / TÀI LIỆU



(tiếp theo)

CƯ SĨ CHÁNH TRÍ VÀ HỘI PHẬT HỌC NAM VIỆT

Hội Phật Học Nam Việt được thành lập vào năm 1950 tại Sài Gòn do sự vận động của cư sĩ Mai Thọ Truyền. Ban đầu, hội đặt trụ sở tại chùa Khánh Hưng, và sau đó ít lâu, tại chùa Phước Hòa. Bác sĩ Nguyễn Văn Khỏe, một cây cột trụ của hội Lương Xuyền Phật Học cũ đảm nhận trách vụ hội trưởng. Ông Mai Thọ Truyền giữ trách vụ tổng thư ký. Các thiền sư Quảng Minh và Nhật Liên đã triệt để ủng hộ cho việc tổ chức hội Phật Học Nam Việt. Thiền sư Quảng Minh được bầu làm hội trưởng của hội bắt đầu từ năm 1952. Năm 1955, sau khi thiền sư Quảng Minh đi Nhật du học, ông Mai Thọ Truyền giữ chức vụ hội trưởng. Chức vụ này ông giữ cho đến năm 1973, khi ông mất. Hội Phật Học Nam Việt được thành lập do nghị định của Thủ Hiến Nam Việt ký ngày 19.9.1950. Bản tuyên cáo của hội có nói đến nguyện vọng thống nhất các đoàn thể Phật giáo trong nước. Bản tuyên cáo viết:

"Đề xướng việc lập hội Phật học này. Chúng tôi còn có cái thâm ý đi đến chỗ Bắc Trung Nam sẽ bắt tay trên nguyên tắc cũng như trong hành động. Sự thống nhất này đã trở nên cần thiết kể từ ngày mồng 8 tháng Sáu dương lịch năm nay, là ngày Việt Nam

được chính thức làm hội viên hội Phật giáo quốc tế..."

Chùa Xá Lợi trụ sở thứ ba và vĩnh viễn của hội Phật Học Nam Việt được khởi công xây dựng năm 1956 tại số 89 đường Bà Huyện Thanh Quan, Sài Gòn, và được hoàn thành hai năm sau đó. Chùa được kiến trúc một cách mới mẻ, có tháp chuông, chính điện, giảng đường, thư viện và tầng xá. Năm 1963, chùa Xá Lợi biến thành căn cứ trung ương cho cuộc tranh đấu của Phật giáo đồ chống lại chính quyền Ngô Đình Diệm, và trở thành một ngôi chùa lịch sử.

Chánh trí Mai Thọ Truyền là một trong những khuôn mặt Phật tử cư sĩ lớn của thời đại. Ông sinh năm 1905 tại làng Long Mỹ tỉnh Bến Tre, và đã học tại các trường trung học Mỹ Tho và Chasseloup Laubat ở Sài Gòn. Ông thi đậu tri huyện năm 1931 và đã từng sự tại Sài Gòn, Trà Vinh, Long Xuyên và Sa Đéc. Năm 1945, sau Cách Mạng Tháng Tám, ông đã làm chủ tịch Ủy Ban Quận Bộ Châu Thành Long Xuyên rồi trưởng phòng hành chính Ủy Ban Hành Chính

Tỉnh Bộ Long Xuyên.

Ông về Sài Gòn năm 1947 và lần lượt giữ những chức vụ sau đây: chánh văn phòng phủ Thủ Tướng của chính phủ Nguyễn Văn Xuân (Hà Nội), chánh văn phòng bộ kinh tế, giám đốc hành chính sự vụ bộ Ngoại Giao, đồng lý văn phòng bộ Nội Vụ của chính phủ



CHÙA XÁ LỢI, QUẬN 3
SÀI GÒN



Nguyễn Nam Long, đồng lý văn phòng Phủ Thủ Hiến Nam Việt và phó đồng lý văn phòng Phủ Thủ Tướng của chính phủ Bửu Lộc. Năm 1955 ông đổi sang ngạch thanh tra hành chính và tài chính và đến năm 1960 về hưu thời chính phủ Ngô Đình Diệm. Sau cách mạng 1963, ông tham dự Hội Đồng Nhân Sĩ trong chính phủ Dương Văn Minh, và đến năm 1967 ông ứng cử phó tổng thống chung liên danh với ông Trần Văn Hương, năm 1968, ông giữ chức quốc vụ khanh kiêm viện trưởng Giám Sát Viện trong chính phủ Trần Văn Hương, rồi đổi sang chức vụ Quốc Vụ Khanh đặc trách văn hóa cho đến năm ông mất (1973).

Cũng như cư sĩ Lê Đình Thám, ông ăn chay trường từ ngày thọ tam quy ngũ giới và làm Phật sự không biết mệt mỏi. Hội Phật Học Nam Việt đã thành lập được tới 40 tỉnh hội và chi hội khắp miền Nam. Tạp chí Từ Quang của hội mà ông trực tiếp trông nom từ 1951 đã ra được 242 số cho đến ngày ông mất. Những trước tác của ông gồm có:

Tâm Và Tánh (1950)
Ý Nghĩa Niết Bàn (1962)
Một Đời Sống Vì Tha (1962)
Tâm Kinh Việt Giải (1962)
Le Bouddhisme Au Viet Nam (1962)
Pháp Hoa Huyền Nghĩa (1964)
Địa Tạng Mật Nghĩa (1965)

Tác phẩm đầu (Tâm và Tánh) đã được nhà Đuốc Tuệ ở Hà Nội xuất bản; những tác phẩm còn lại đều được Hội Phật Học Nam Việt ấn hành. Ngoài trách vụ hội trưởng hội Phật Học Nam Việt, ông Mai Thọ Truyền đã từng giữ trách vụ tổng thư ký của Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo Việt Nam từ 1959 đến năm 1962. Năm 1963 ông giữ trách vụ tổng thư ký của Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo chống lại chính quyền Ngô Đình Diệm. Trách vụ này đã được ông thi hành một cách xuất sắc. Năm 1964 ông được bầu làm phó viện trưởng Viện Hóa Đạo của Giáo

Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, nhưng vì bất đồng ý kiến về hệ thống tổ chức của Giáo Hội, chỉ sau đó một tháng, ông rút lui về cương vị Hội trưởng hội Phật Học Nam Việt.

Trong bản tuyên cáo thành lập hội Phật Học Nam Việt có chủ ý muốn thành lập một Phật học đường lớn để đào tạo tăng tài, nhưng công việc này chưa bao giờ được hội thực hiện, có thể đây là vì bên cạnh hội Phật Học Nam Việt đã có Giáo Hội Tăng Già Nam Việt.

Nhưng tạp chí Từ Quang đã là một đóng góp không nhỏ cho công việc phổ biến Phật học ở Sài Gòn và các tỉnh. Tạp chí này đã được chữ tăng ở Phật học đường Nam Việt nâng đỡ và đóng góp khá nhiều về phương diện biên tập, nhất là trong những năm đầu.

LỄ CUNG NGHINH XÁ LỢI PHẬT TỔ

Cách thức làm việc của cơ sở Chánh Trí có nhiều điểm tương tự với cách thức làm việc của cư sĩ Tâm Minh. Nếu lễ Phật Đản năm 1935 tổ chức ở Huế đã bắt dư luận toàn quốc nói đến phong trào phục hưng Phật học thì cuộc diễn hành rước Xá Lợi Phật tại Sài Gòn năm 1952 cũng đã khiến cho quốc dân chú ý đến sự có mặt của hội Phật Học Nam Việt và tới phong trào Phật giáo. Cuộc diễn hành rước Xá Lợi này được tổ chức vào ngày 13.9.1952, khi phái đoàn Phật giáo Tích Lan trên đường đi dự Đại Hội Phật Giáo Thế Giới kỳ II tại Tokyo, ghé tại Sài Gòn và có thỉnh theo một Xá Lợi của Phật và do đó cuộc diễn hành đã trở thành một cuộc tập hợp lớn lao chưa từng có của Phật tử tại Sài Gòn cho tới ngày hôm ấy. Xá Lợi Phật đã được rước từ hải cảng Sài Gòn, đi qua nhiều đại lộ, về tới Trường Đại Học Bình Dân (Université Populaire) và tồn trí nơi một bàn thờ tại đây trong 24 giờ đồng hồ. Hàng vạn người đã chen chúc tới suốt trong thời gian ấy để được chiêm bái Xá Lợi. Trong cuộc diễn hành, cờ Phật giáo thế giới đã được trưng ra, và đây là lần đầu tiên quần chúng thấy được lá cờ năm sắc ấy. Cũng là lần đầu tiên quần chúng tại Sài Gòn được thấy những đoàn thể thanh thiếu niên của Gia Đình Phật Tử trong sắc phục và cờ hiệu của họ. Hai bên đường có những Phật tử quỳ xuống khi thấy Xá Lợi Phật cũng như là thấy Phật. Báo chí toàn quốc nói tới cuộc diễu hành này, và Phật tử các nơi cho rằng dân chúng Sài Gòn đã có duyên phước lớn lắm mới được trực tiếp chiêm bái Xá Lợi.

Mai Thọ Truyền đã viết về cuộc diễn hành rước Xá Lợi như sau: "*Cuộc biểu diễn âm ái ấy về sau đã gây được nhiều ảnh hưởng hay. Từ Bắc chí Nam, phong trào chấn hưng được mọi nơi tiếp đón nồng hậu, khiến cho phạm vi hoạt động càng ngày càng bành trướng,*

lấn áp một phần nào uy thế của những chi phái tạp nhạp” (113).

“Những chi phái tạp nhạp” đây có lẽ là những tổ chức Phật giáo nhỏ đang cạnh tranh với hội Phật Học Nam Việt.

Cộng tác với Giáo Hội Tăng Già Nam Việt, hội Phật Học Nam Việt cũng đã tổ chức những cuộc diễn hành lớn vào những ngày lễ Phật Đản tại thủ đô Sài Gòn, sau khi chính phủ Ngô Đình Diệm ra lệnh loại ngày Phật Đản ra khỏi những ngày lễ chính thức của quốc gia. Cùng với những cuộc diễn hành này muốn gián tiếp nói lên cho chính phủ Ngô Đình Diệm thấy phần phản kháng của Phật tử Việt Nam đối với chính sách kỳ thị tôn giáo của chính phủ. Với tư cách quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, cư sĩ Chánh Trí từ năm 1968 trở đi đã hoàn thành được thư viện quốc gia tân lập, xúc tiến việc thiết lập Văn Khố Gia và Nhà Văn Hóa. Ông cũng đã đẩy mạnh công tác của Ủy Ban Điền Chế Văn Tự, lập một Ủy Ban Dịch Thuật mới mà ông đứng làm chủ tịch, thành lập chi nhánh Bảo Tồn Cổ Tích Huế.

TƯ TƯỢNG PHẬT HỌC CỦA CHÁNH TRÍ

Lấy con mắt văn hóa nhìn vấn đề tam giáo hòa hợp. Chánh Trí viết:

“Đứng về mặt thực hành, phải nhìn nhận rằng chủ trương tam giáo quy nhất rất hợp lý, vì bề ngoài là hòa hợp mà bề trong có chia, và đây chỉ là chia phạm vi hoạt động và ảnh hưởng thế nào cho cân xứng với tính cách của mỗi đạo. Đại khái, Nho giáo thì lo về nhân sự, tu về thế nào để đi đến chỗ trị bình, còn Phật giáo và Đạo giáo thì lo giải quyết những vấn đề cao siêu hơn.”

“Đứng về mặt thuần túy mà xét, sự xáo trộn ba đạo như vừa nói thật không phải là một việc đáng thương, nhưng nếu đứng về kết quả mà luận thì thấy rằng nhờ có sự xáo trộn đó mà lòng người dường như bớt xao xuyến lo âu, tính tình phong tục mới được tốt đẹp, chưa kể cái việc giúp cho quảng đại quần chúng thâm nhiễm được đôi phần những giáo lý phổ thông mà mỗi đạo cần phải truyền bá vì sự lợi ích riêng của chính mình.” (114).

Cư sĩ Chánh Trí có một cái nhìn trung dung về hai khuynh hướng tự lực và tha lực trong Phật giáo, ông cho rằng sự nhiếp thọ và



**Cư sĩ CHÁNH TRÍ
MAI THỌ TRUYỀN (1905-1973)**

cứu độ của chư Phật và chư Bồ Tát là có thực, nhưng con người phải có nỗ lực thì sự nhiếp thọ và cứu độ mới trở thành hiện thực, như tuyệt có sạch, trắng có in. Ông viết: *“Chư Phật và Bồ Tát vì lòng đại từ đại bi luôn luôn sẵn sàng hộ trì cứu độ, nhưng các ngài chỉ cứu độ, hộ trì những ai thật sự muốn được nâng đỡ để giải thoát mà thôi. Biển khổ chơi vơi, người đang chìm nổi ít ra cũng phải cố với nắm lấy bàn tay tế độ thì họa may vẫn đề cứu vớt mới thành. Ngục tù khốn khổ, các cửa dù có mở tung mà phạm nhân không chịu đi ra thì cũng không biết làm thế nào! Nói một cách khác, có sự mong muốn và cố gắng của người tự biết lâm nguy, người muốn cứu mới làm nên việc. Huống chi sự cứu độ hộ trì ở đây thuộc về tâm linh, thì sự cảm thông trên phương diện tâm linh là điều cần yếu. Tuyệt có sạch, trắng mới in; tâm ta có trong, tâm Phật mới rơi vào được. Nếu tâm ta như đồng tuyết bị bụi đất phủ dày thì đừng mong mặt trăng Phật in lên và làm cho khối tuyết ánh sáng. Thế thì tự lực vốn tối khẩn yếu, tối cần thiết” (115).*

Ông lại viết: *“Tuy pháp môn niệm Phật cầu vãng sanh được trình bày như con đường “dễ đi” nhờ có sức cứu độ của Phật, thật ra không phải dễ hoàn toàn đâu và muốn đi đến đích cũng chẳng phải hoàn toàn ỷ lại vào tha lực mà được đâu. Dễ là đối với con đường của Thiền Tông là con đường mà hành giả phải tự cường tự lực, nhưng niệm Phật cho đến nhất tâm bất loạn, cho đến được “tam muội” hay chánh định, hành giả cũng phải nỗ lực rất nhiều, phải phấn đấu với chướng ngại rào riết. Cái tha lực nhiếp thọ của Phật hình như chỉ được đưa ra với dụng tâm khuyến khích hành giả, để hành giả vững tâm mà trôi bướt” (116).*

Chánh Trí cho rằng sự vãng sinh về Cực Lạc của Phật giáo hoàn toàn không giống với sự sanh lên Thiên Đường của Cơ Đốc giáo. Mục đích về Cực Lạc là để gần Phật mà tu hành cho tới bậc “bất thoái chuyển” chứ không phải để hưởng những sự sung sướng của một cõi Thiên Đường. Bản chất và mục đích của niệm Phật là sự tịnh tâm, và một khi tâm đã định và tịnh thì trí tuệ và hào quang phát sinh. Ông viết:

“Trong kinh Tịnh Độ có nói: lúc lâm chung

mà ai chuyên tâm niệm Phật nhất tâm bất loạn thì Phật A Di Đà và Quan Âm Thế Chí đến rước về Cực lạc. Có người nghĩ rằng đây là một lối nói tượng trưng. Lúc lâm chung mà giữ tâm định được vào niệm Phật thì tâm người ấy đã "tịnh hóa" hoàn toàn rồi, bức màn vô minh đã bị xé tan, do đó nguồn ánh sáng bên trong tự tánh Di Đà phát huy hực hỡ. Nguồn ánh sáng ấy là nguồn ánh sáng vô biên của vũ trụ tiêu biểu bởi Phật A Di Đà đồng một thể tánh, cho nên khi người mạng chung thấy ánh sáng ngập trời trước mắt mình, ngỡ là Phật A Di Đà của từ phương Tây đến tiếp độ, không dè đó là Phật A Di Đà của tự tánh mình hiển hiện ra" (117).

Đó là quan niệm "Di Đà tự tính, tịnh độ duy tâm." Có lẽ cư sĩ Chánh Trí còn e ngại chút ít khi nói lên những nhận xét trên cho nên ông mới thêm bốn chữ "có người nghĩ rằng." Rất có thể cái người nghĩ rằng ấy là chính ông vậy. Cư sĩ Chánh Trí là một người thông minh và có tài suy luận diễn dịch. Các tác phẩm *Địa Tạng Mật Nghĩa* và *Pháp Hoa Huyền Nghĩa* của ông, nhờ tài suy luận diễn dịch này, đã chứa được nhiều điều nhận xét khá đặc thù có thể gây nhiều hứng thú cho người đọc. Ông lại là một người giỏi về hành chính và có địa vị trong xã hội, cho nên chỉ trong một khoảng thời gian ngắn ông đã đặt được cư sĩ cho hội Phật Học Nam Việt khắp các tỉnh miền Nam. Ông đã làm hội trưởng hội Phật Học Nam Việt suốt từ năm 1955 đến năm 1973. Điều đáng tiếc là ông đã không đem được tài tổ chức hành chính của ông mà xây dựng cho Giáo Hội này được thành lập vào năm 1964. Cổ nhiên một giáo hội mới được thành lập như Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất phải có những khuyết điểm về mặt tổ chức và ông có quyền chỉ trích những khuyết điểm đó. Tuy nhiên, ông chỉ có thể xây dựng được cho Giáo Hội bằng cách đứng bên cạnh những người tăng sĩ và cư sĩ đã từng là đồng chí của ông trong suốt mười ba năm trời làm Phật sự, nghĩa là đứng hẳn vào trong Giáo Hội. Đẳng này ông đã để hội Phật Học Nam Việt đứng riêng ra, và do đó ông đã không có cơ hội nào để trực tiếp xây dựng cho Giáo Hội cả. Từ năm 1964 trở đi, hội Phật Học Nam Việt trở thành một tập đoàn lẻ loi, không có tầng già lãnh đạo, cho tới khi ông mất.

Tuy vậy, cư sĩ Chánh Trí khi mất đi đã để lại thương tiếc cho rất nhiều Phật tử, tăng sĩ cũng như cư sĩ. Nữ sĩ Mộng Tuyết, ngày xưa từng là học trò của ông, đã đi câu đối:

*"Đêm đẹp, trăng cười viên mãn
Đất lành, hoa nở tử bi."*

và ghi ở dưới: "Sương phụ Đông Hồ, Mộng Tuyết, học trò cũ của thầy nơi Hà Tiên, luôn luôn ghi nhớ ơn thầy".

Thi sĩ Vũ Hoàng Chương đã viết những

dòng cảm niệm như sau:

*"Trong thập niên đầu thế kỷ
hoa mai đã nở một lần
để rụng màu thanh về quý
giờ đây giữa buổi phong trần
Nhưng cũng giờ đây lại nở
bên trời Cực Lạc Tây Phật
năm cánh mai vàng rực rỡ
ba Xuân khi nguyệt tròn gương (118)
Hoa nở hai lần... rũ sạch
bụi hồng trên giả thần xưa
côi Phật dâng tròn cốt cách
bận chi mùa nắng mùa mưa
Chỉ xót cảnh Nam cảnh Bắc
cùng chung một nỗi u hoài
ai đó trước song mai mực
gió lay còn tưởng bóng ai
Người ấy, hỡi ơi, vừa khuất
đã hay tuổi thọ danh truyền
để mấy kiếp tu mà được
Sao lòng ai vẫn sầu lên
Nghe về mây ngã sơn xuyên
rồi đây Xuân quạnh tiếng quỳên nào
nùng..."*

Trong các câu đối điều có đôi câu đối sau đây của cư sĩ Lý Học:

*"Cụ trưởng phu tướng, cụ phúc đức
tướng, cụ tử bi tướng, tướng tướng viên mãn;
Hiện cư sĩ thân, hiện tể quan thân, hiện
trưởng giả thân, thân thân trang nghiêm."*
dịch:

"Đủ tướng trưởng phu, đủ tướng phúc
đức, đủ tướng tử bi, tướng nào cũng viên
mãn,

Hiện thân cư sĩ, hiện thân tể quan, hiện
thân trưởng giả, thân nào cũng trang
nghiêm."

(113) Mai Thọ Truyền: *Le Bouddhisme Au Vietnam*, édité par un groupe d'amis de l'auteur, Sài Gòn, 1962

(114) Sách đã dẫn.

(115) Từ Quang, số 239 (tháng Giêng 1973), bài Khảo cứu về Tịnh Độ Tông.

(116) Báo đã dẫn

(117) Từ Quang, số 237 (tháng Mười một 1972), bài Khảo Cứu Về Tịnh Độ Tông.

(118) Thi sĩ Vũ Hoàng Chương có lẽ là người đầu tiên đem hoa mai trồng ở nước Cực Lạc.

(còn tiếp)





TẠ ƠN

Khóa Tu Tạ ƠN năm nay
Chúng con tu học những ngày mùa đông
Thầy trò huynh đệ ấm nồng
Pháp thoại ban bố với lòng lạc an
Mọi người tu tập nghiêm trang
Không khí hạnh phúc Đạo tràng uy nghi
Chúng con nuôi dưỡng Từ Bi
Học hạnh của đất thiết thi nhiệm mầu
Chúng con thành kính nguyện cầu
Tri ân Tam Bảo những câu đạo vàng
Ơn Thầy, ơn Tổ, Mẹ, Cha
Đàn na tín thí, quốc gia thanh bình
Ơn nhân loại, ơn chúng sinh
Đã cho cuộc sống chúng mình hôm nay.

NHỚ ƠN

Cuộc đời cần có nhớ ân:
Nhớ ơn Tam Bảo, ơn Thầy mẹ cha
Nhớ ơn tín thí đàn na,
Nhớ ơn xã hội quốc gia thanh bình
Nhớ ơn đồng loại chúng sinh
Luôn luôn đền đáp công ơn muôn loài.

TRẢI RỘNG TÌNH THƯƠNG VỀ MIỀN TRUNG

Nghe tin bão lớn miền Trung
Mọi người đau đau hướng chung một
đường
Mặc dầu xa cách quê hương
Nhưng lòng luôn nhớ tình thương quê nhà
Cùng nhau chung sức góp quà
Thương về con cháu Ông Bà Việt Nam
Giúp người lũ lụt cơ hàn
Cứu trợ dân chúng tháng ngày đau thương
Tâm Từ trải rộng quê hương
Tâm Bi yêu mến tình thương quê nhà
Tâm Hỷ vui nhận món quà
Tâm Xả ghi nhớ nhà nhà Houston
Cầu nguyện Đức Phật hóa thân
Gia hộ dân chúng thêm phần an vui.

thơ THÍCH TRỪNG SỸ



CÔNG ĐỨC

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Thưa Anh Chị Em Lam Viên thân mến,
Thường thường mỗi khi nhờ ai làm việc gì mình hay bảo họ rằng: “công đức vô lượng đó nghe” để thay lời cảm ơn sâu sắc của mình. Thật ra 2 chữ “công đức” ở đây không đúng. Xin mời các bạn nghe câu chuyện về công đức và phước đức mà chúng ta đã biết (nhưng chúng ta cũng thường quên rồi).

Đây là câu chuyện lúc Tổ Bồ Đề Đạt Ma qua Trung Hoa gặp vua Lương Võ Đế. Vua hỏi: “Trẫm suốt đời xây chùa độ Tăng, trai Tăng bố thí, được công đức gì?” Tổ Đạt Ma trả lời: “Chẳng có công đức gì.” Có người không hiểu, đem hỏi Tổ Huệ Năng; Tổ trả lời: Xây chùa, độ Tăng trai Tăng bố thí, ấy là cầu phước, được phước đức, không phải công đức. Công đức ở trong Pháp thân, không ở nơi tu phước. Sư lại dạy: “Trong tâm khiêm tốn là Công, ngoài hành lễ phép là Đức; tự tánh kiến lập vạn pháp là công, tâm thể lìa niệm là đức; chẳng rời tự tánh là công, ứng dụng vô nhiễm là đức. Người tu hạnh công đức, tâm chẳng khinh người, thường hành pháp cung kính. Tâm nếu khinh người, nhân ngã chẳng dứt tức là chẳng công, tự mình hư vọng, không thật tức là chẳng đức. Thiện tri thức! Niệm niệm chẳng gián đoạn là công, tâm bình đẳng, hạnh ngay thẳng là đức; tự tu tánh là công, tự tu thân là đức. Thiện tri thức! Công đức phải do tự tánh tự thấy; chẳng phải bố thí cúng dường mà cầu được, cho nên phước đức và công đức khác nhau là vậy.

Thưa Anh Chị Em,

Bố thí, cúng dường thì được phước đức, nhưng phước đức đó lớn hay nhỏ, nhiều hay ít, còn do nơi tâm lượng của người bố thí/cúng dường nữa. Thật vậy, trong thơ văn hay cách ngôn Việt Nam cũng có những câu như “của tuy tơ tóc nghĩa so ngàn vàng” hay “miếng khi đói gói khi no” hay: “cách cho hơn của cho” v.v... cũng nói lên cái tâm quan trọng hơn của cái đem cho... Thời Đức Phật

còn tại thế cũng vậy. Một hôm vua Ba Tư Nặc hỏi đức Phật: Bạch Thế Tôn, trong thế gian có vị thí chủ nào cúng dường Thế Tôn và Tăng đoàn của Ngài nhiều hơn Trẫm không? Đức Phật trả lời, “Đại vương! Có.” Vua ngạc nhiên hỏi: “Bạch Thế Tôn, vị đó là ai? ở nơi nào?” Đức Phật mỉm cười: “Đại Vương, đó là người dân nghèo nhất Thành Vương Xá, ở cuối thôn làng này.” Vua lại càng ngạc nhiên: “Bạch Thế Tôn, Trẫm cúng dường Thế Tôn và Tăng đoàn của Ngài toàn những thứ quý giá nhất thiên hạ, làm sao người nghèo kia có thể so sánh mà hơn cả Trẫm được, xin Thế Tôn từ bi chỉ dạy.” Đức Phật nói: “Đại Vương! Mùa hè năm ngoái, nghe tin Tăng đoàn sắp dựng thêm một tịnh xá, người ấy bèn giở một nửa túp lều tranh mới của mình đem cúng dường, không một chút do dự! Đại Vương, có bao giờ Đại Vương bố thí hay cúng dường cho ai một nửa giang sơn của Ngài chưa?” Vua chợt hiểu ra, cúi đầu suy gẫm và không còn thắc mắc nữa.

Thưa Anh Chị Em,

Trong phép bố thí Ba La Mật của Phật Giáo, cốt yếu là CHO/TẶNG, BỐ THÍ/CÚNG DƯỜNG với tâm không phân biệt, còn gọi là tâm KHÔNG: không có người cho; không có người nhận; không có vật đem cho (gọi là TAM LUÂN KHÔNG TỊCH). KHI ĐÃ CHO thì không cần biết hay nhớ mình đã cho ai, cho vật gì, nhiều hay ít, không mong cầu sự đền bù, đáp trả... Chứ nếu mình lên chùa cúng Phật, hay đóng góp xây dựng chùa chẳng hạn, mà cầu xin đủ thứ chuyện, nào là buôn may bán đắt, trúng số phát tài v.v... rõ ràng chúng ta đã “buôn bán” quá có lợi rồi, chứ nào phải cúng dường gì đâu!

Thân mến kính chúc ACE và gia đình 6 thời đều an lành.

Cầu nguyện Thế giới hoà bình chúng sanh AN LẠC và đại nạn covid19 mau qua đi.

Trân trọng,

NAL

ĐỌC BÀI THƠ

“Mùa Thu Quét Lá Sân Chùa”

LAM NGUYỄN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Theo các nhà nghiên cứu “THƠ” thì THƠ là hình thức đầu tiên của nghệ thuật ngôn từ. Tính chất bất thường của câu THƠ thể hiện ý nghĩa đặc biệt mà là một hành vi ngôn từ tự tại. Người xưa bảo: “**Thơ có hay dở, không cứ xưa nay = Thi hữu công, chuyết, nhi vô kim cổ.**” Và người Tây phương có câu: “Ngôn ngữ quan niệm như một biểu tượng mà trước hết là Ngôn Ngữ Thi Ca! Cổ thi sĩ Đông Hồ cho rằng: “Nói Thơ là nói Bất-tận là nói vô cùng. Vì Thơ là bao la, Thơ là mệnh mỏng. Thơ là vũ-trụ. Thơ là Thiên-địa-gian, là Thiên-thượng-địa-hạ.

Hôm nay, tôi bắt gặp được bài thơ “**Mùa Thu Quét Lá Sân Chùa**” của nhà thơ Áo Nâu Điều ngự tử Tín Nghĩa như nghe được bản nhạc hồn. Tôi say sưa và có thể nói là đặc ý vô cùng! Bài thơ “Mùa Thu Quét Lá Sân Chùa” như sau:

Mùa Thu Quét Lá Sân Chùa

Thu về lá đổ muôn chiều,
Cong lưng quét lá đìu hiu một mình.
Đã là thợ nghiệp chúng sanh,
Duyên nghiệp do mình chạy trốn nơi nao
Chỉ cần chuyển nghiệp thế nào:
Đến ao thất bảo là vào an vui.
Bây giờ còn ở luân hồi,
Tiền tu chánh pháp liệu bồi thân tâm,
Đường tu cố diệt lỗi lầm, ...
Không nên vọng ngoại khổ tâm đợi chờ!
Tu hành phải đợi kiếp mô?
Tham sân si dứt, đợi chờ mà chi?
Tu hành nhất hướng vô vi,
Liều chơn thoát tục còn gì tốt hơn.
Bây giờ đã rõ nguồn cơn,
Di Đà bốn chữ niệm luôn không ngừng.
Đó là tinh tấn vô cùng,
Không gì so sánh chọ bằng nhất tâm.
Niệm Phật là dứt lỗi lầm
Pháp môn niệm Phật cao thâm vô cùng...
Bây giờ cho đến lâm chung,
Cho dù quét lá cũng không ngại gì?
Tay cầm chổi, miệng A Di,

*Lá vàng đổ xuống, tâm thì cứ duyên:
Di Đà bốn chữ cần chuyên,
Mỗi ngọn mỗi niệm là tiên trên đời.
Xem như lần chuỗi người ơi!
Công phu tu niệm tuyệt vời lắm thay!*

Điều ngự tử Tín Nghĩa
Quý Thu Canh tý - Aug., 25th, 2020.

Tôi xin mượn lời phát biểu của Ngài Trúc Thiên để nói hộ tôi tâm đắc về bài thơ “Mùa Thu Quét Lá Sân Chùa” của thi sĩ Áo Nâu Điều ngự tử Tín Nghĩa: “*Thơ và Đạo. Thơ đem đến cho Đạo những màu sắc âm thanh tuôn trào từ vô ý thức, cuốn quện theo tình người. Đạo đem đến cho thơ những chân trời bao la huyền diệu...*”

Seattle, Thu Canh tý – 2020.



Nửa ổ bánh mì vẫn là bánh mì...

HUỆ TRÂN



ĐOÀN VĂN / TÙY BÚT

Tựa bài không có gì mời gọi người đọc, nên có lẽ, chỉ vị nào đang rành rang lắm mới thử lướt xuống xem, viết cái gì vậy? Hay chỉ là thực đơn của tiệm bánh nào bay lạc vào?

Xin nghiêm túc thưa, đây là lời mở đầu một lần giảng pháp của giảng sư, trong một mùa An Cư Kiết Hạ tại Nam Cali.

Trọn câu mở đầu là: **"Nửa ổ bánh mì vẫn là bánh mì, nhưng nửa sự thật thì không phải là sự thật!"**

Nội dung bài giảng đề cập đến những thói quen mà người đời hành xử với nhau khiến dễ trở thành thị phi gây ra phiền não. Là Phật tử, chúng ta nên nhắc nhở nhau biết lắng tâm để nhìn mọi sự sâu sắc hơn, hầu tránh được những điều nên tránh.

Lần giảng pháp này, giảng sư chỉ gợi ý, rồi cho phép mọi người trao đổi cảm nhận, như một buổi pháp đàm.

Hành giả đã ngồi yên, như một kẻ dự thính, nhưng lời mở đầu buổi giảng đã như một công án, xoáy vào những góc khuất nội tâm, vừa ẩn cần, vừa giục giã cái tâm ưa lười biếng, hãy thức dậy và làm việc đi!

Nửa câu trên, tương đối dễ, ai cũng có thể chứng nghiệm được mà không mắc mớ gì. 50 xu một ổ bánh mì nóng, mới ra lò, bẻ làm đôi, vừa

thường thức bánh mì giòn rụm, vừa quan sát nửa ổ sẽ ăn tiếp kia.

Chắc chắn, nửa ổ đó vẫn là bánh mì. Làm sao sau khi bẻ làm đôi, bánh mì lại có thể biến dạng thành bánh bò, bánh tét được! Không những vẫn là bánh mì mà hương vị nửa ổ đó, chắc chắn cũng đủ tiêu chuẩn như nửa ổ đang được nếm.



Còn nửa sự thật thì sao? Tại sao lại bẻ đôi sự thật và chỉ nói một nửa?

Trước một sự việc, nếu ta cảm thấy không quan hệ chỉ đến mình, không cần thiết phải nói, thì đơn giản là đừng nói!

Cũng sự việc đó, nếu ta cảm thấy nên nói thì hãy trung thực, nói trọn sự thật. Nếu chỉ nói một nửa sự việc thì ta có thể vô tình hoặc cố ý tạo nghiệp thị phi, do vi tế của loại ngôn-ngữ-vô-thanh diễn đạt. Chẳng hạn như:

* Ta chỉ nói nửa sự thật vì đó là phần hợp ý với ta, Vì hợp ý nên khi nói, ta sẽ vô tình nhào nặn thêm chủ quan vào đó, để những đối

tượng nghe, trở thành đồng minh.

* Khi những đối tượng chỉ nghe nửa sự thật này, lại nhào nặn thêm chủ quan của mỗi người, khiến nửa sự thật chưa được nói ra, sẽ hiện hình theo ý muốn của mỗi đối tượng!

Chỉ mới tới đây thôi, thì sự thật nào còn là sự thật nữa, vì nửa phần sau của sự thật sẽ theo quan điểm và cách suy nghĩ của mỗi người mà tự hình thành.

Từ đây, thị phi sẽ bay lá tả như lá mùa thu khi mỗi người đều hoan hỷ trở thành diễn giả về một sự thật mà họ chỉ mới nghe một nửa.

Những diễn biến này vẫn đã và đang xảy ra trong đời-thường và mọi người vẫn bình thản để cho cơn lốc này cuốn hút.

Vui buồn cũng từ đây. Thương ghét cũng từ đây mà thực chất có thể đã quá xa sự thật.

Nếu ai đó, đủ quan tâm để không chỉ nói nửa sự thật, không lồng quan niệm chủ quan vào nửa sự thật đó, thì may ra giá trị của sự thật mới được ngang hàng với nửa ổ bánh mì!

Đáng buồn thay!

Ôn Già Lam, cố Hòa Thượng Thích Trí Thủ từng dạy:

"Trước mỗi sự việc, người con Phật nên cân nhắc giữa 2 cách hành xử. Thứ

MẸ TÔI ĐI DẠO

*Mẹ tôi đi đạo hư không
Căn phòng mở cửa mênh mông vắng người
Im lìm chiếc ghế mẹ ngồi
Mâm cơm hai bữa lặng lời mời thưa
Mảnh sân vừa đón cơn mưa
Mong manh chiếc nón có đưa mẹ về...*

*Mẹ tôi đi đạo sơn khê
Trăm năm tuổi hạc bạn bè muôn phương
Nét cười hạnh ngộ mến thương
Ôm vai bạn cũ con đường tử quy
Áo dài trải bóng vô vi
Cõi nào đón bước mẹ đi vô cùng.*

08.10.2020

TÔN NỮ THANH YÊN



nhất: Nói năng như Chánh Pháp. Thứ hai: Im lặng như Chánh Pháp."

Suy ngẫm lời Ôn dạy, thì trước khi nói, hãy chậm lại một giây, xét tâm mình. Nếu cảm thấy chưa thể "Nói năng như Chánh Pháp" thì hãy chọn cách thứ hai, là "Im lặng như Chánh Pháp."

Khởi đầu, chỉ tạm thực tập phần đơn giản này cũng có thể giúp ta tránh được phiền não cho ta và cho người khi tưởng sự thật mà lại không phải sự thật.

Quán chiếu sâu sa hơn một chút về bánh mì, thì không phải chỉ nửa ổ bánh mì có giá trị nhiều hơn ta tưởng, mà một miếng nhỏ thôi, cũng mang lại niềm vui lớn.

Đó là cơ duyên đại chúng được lãnh hội, trong một lần thọ trai tại thiền đường Hội Ngàn Sao, Xóm Hạ, Pháp Quốc. Sau khi vị duy-na dứt

lời xướng niệm ngũ quán theo hình thức Làng Mai thì Sư Ông Làng Mai, HT. Thích Nhất Hạnh cầm ổ bánh mì lên, bẻ một miếng nhỏ, giơ ngang tầm mắt và nhẹ nhàng nói:

"Trước khi thọ dụng, nếu dùng tuệ giác nhìn sâu sắc, ta sẽ thấy miếng bánh mì này là vị đại sứ của vũ trụ, gửi tới để nuôi ta. Miếng bánh mì này là thân thể của vũ trụ vì trong đó có sự hiện hữu của mặt trời, mưa, nắng, đất mầu, người nông dân, người làm bánh, v.v... Để trân quý những gì đang có, ta phải giữ chánh niệm khi ăn, mới là ta đang ăn bánh mì, chứ không phải đang bị bánh mì ăn!"

Quả thật, nếu không hội đủ những cơ duyên phù hợp thì sẽ không có ổ bánh mì.

Chúng ta đã từng bao lần ăn bánh mì, mà mấy ai trân quý vị sứ giả của vũ trụ

này, mấy ai khởi tâm cảm ơn bao nhân tố, bao yếu tố đã hoàn thành phẩm vật cho ta thọ dụng, chứ không đơn giản, có 50 xu là có ổ bánh mì.

Bằng chánh niệm, chỉ ổ bánh mì nhỏ cũng cho ta thấy bao phước lộc quanh đời sống. Nếu thường hằng giữ được tâm chánh niệm thì hạnh phúc ở ngay đây, ngay nơi bông hoa nở, nơi tiếng chim ca, nơi hạt lúa vàng, nơi dòng suối ngọt... nơi những gì trong tầm tay, trong phút giây hiện tại.

Đó là bài học hiện-pháp-lạc-trú.

Cảm ơn nửa ổ bánh mì.

Cảm ơn nửa sự thật khi được trung thực thể hiện sự thật.

Huệ Trân
*(Tào-Khể tịnh thất –
những ngày tịnh tu)*

TRỜI MƯA SẮC THUỐC HẦU HÒA THUỢNG

*Biển rộng thét trời cao
Trời cao gằm gió lộng
Mây hường ửng mưa gào
Rừng tả tơi biển động*

*Mười thứ hiệp một thang
Lửa hồng bùng diệp được
Mơ ngời luyện tiên đan
Mộng Hoa-Đà, Biển Thuộc*

*Cô chén thuốc tâm phân
Dâng lên Hòa Thượng trước
Xin bã thuốc năm phân
Cho tâm nhuần linh được*

*Ngoài kia trời gió mưa
Bão trời hay bão khổ?
Bên lửa, ánh than hồng
Ấm thơm siêu diệp tố.*

thơ **TÂM TÂN**

(Chùa Hải Đức, Nha Trang,
tối 22/08/1975 - Ất Mão)



MÁU

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức



Y KHOA PHỔ THÔNG

Các loại máu

Loại máu là chất đậm kháng nguyên mà một người mang trên màng bọc của hồng huyết cầu và kháng thể có ở trong huyết tương.

Kháng thể làm việc như kháng nguyên, những chất gây ra tụ thành từng nhóm của các tế bào máu.

Hiện có 22 loại nhóm máu. Các loại thông thường nhất là A, B, AB và O.

Người có máu loại A có kháng nguyên A ở trên hồng huyết cầu, và kháng thể loại B trong huyết tương.

Nếu họ được truyền máu loại B, kháng nguyên B trong máu được truyền sẽ kích thích các kháng thể của tế bào B, gây ra tụ lại của các tế bào và có thể làm chết người vì sự đông đặc của máu. Một tai nạn tương tự sẽ xảy ra nếu người có nhóm máu loại B (kháng nguyên B, kháng thể A) được truyền với máu loại A.

Người có máu loại AB có cả kháng nguyên A và B nhưng không có kháng thể. Chúng nhận tất cả các loại máu A, B và O.

Người có loại O không có cả kháng thể A hoặc B và chỉ an toàn để nhận máu loại O.

Nhóm máu là đặc điểm của di truyền. Bốn mươi người Hoa Kỳ có máu loại O; 40 loại A; 10 phần trăm loại B; 5% hoặc ít hơn thuộc loại AB.

Nhóm máu căn bản xảy ra như nhau ở nam và nữ.

Chỉ có một nhóm liên kết giới tính là nhóm phụ gọi là Xg. Nhóm phụ này được tìm ra năm 1962 ở trong huyết thanh của một người đã nhận nhiều lần truyền máu. Nhóm máu Xg là một X-linked trait, truyền qua gen ở trên nhiễm thể X. Cũng giống như các X-linked traits, máu nhóm Xg chỉ có ở nam giới.

Loại máu di truyền được dùng để quyết định quyền làm cha mẹ. Trong khi có cùng nhóm máu như của một đứa bé không xác định người nam là cha, có nhóm máu khác với đứa bé có thể loại trừ đương sự hoàn toàn.

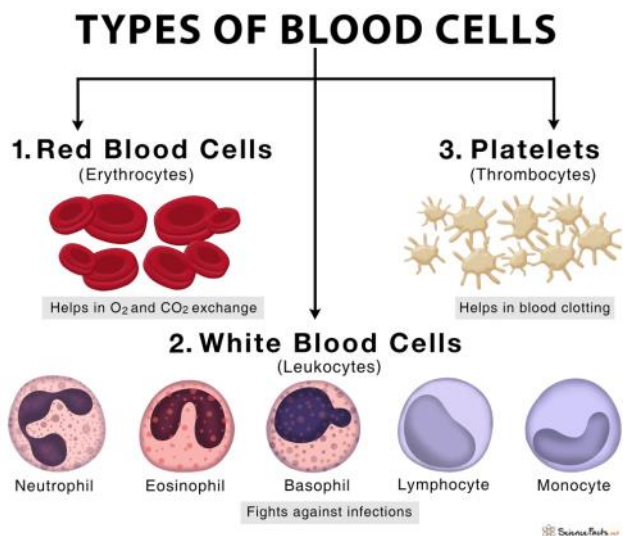
Nhóm máu cũng được dùng trong y học về gen, để cho biết làm sao mà bệnh về gen có thể lưu truyền ở nhiều thế hệ.

Dòng Máu Chảy

Vào cuối năm 1980, các nhà nghiên cứu ở Mayo Clinic tại Rochester, Minnesota đã so sánh dòng máu chảy (blood flow) ở bàn tay của một người nam và người nữ khỏe mạnh với bàn tay của người bị bệnh Raynaud. Bệnh này gây ra do giảm máu lưu thông tới ngón tay, mũi và lưỡi. Kết quả là ngay khi nhiệt độ trong phòng bình thường, sự lưu hành của máu ở bàn tay phụ nữ ít hơn là ở tay người nam.

Các nghiên cứu kế tiếp gợi ý rằng hệ thống giao cảm tức là gây thần kinh kiểm soát cử động không tự chủ như nhịp tim, hơi thở cũng như thu hẹp của các mạch máu sẽ làm máu lưu hành khó hơn.

Điều khám phá lý thú nhất là hệ thống thần kinh giao cảm rất dễ điều khiển. Sau một thời gian tĩnh nhấm hoặc thở sâu hoặc cơ thể người đàn bà nóng hơn lên một độ bách phân, máu lưu hành không những chỉ bằng của người nam, có khi lại nhiều hơn.



Mạch máu

Tính mạch của nữ giới đều đàn hồi dễ hơn ở nam giới. Hậu quả là ở thời kỳ trước khi tắt kinh của nữ giới đều ít cao huyết áp hoặc bị suy tim vì nghẹt ở động mạch vành.

Điều rõ ràng là kích thích tố nữ đóng một vai trò quan trọng trong việc duy trì sự giãn của các mạch máu nữ. Mạch máu của nữ giới đều đàn hồi trong thời kỳ mang thai, khi lượng estrogen và progesterone đều cao và các mạch máu phải giãn ra để tích nghi với ít nhất là 40 phần trăm trong khối lượng máu để thai nhi lớn.

Ngược lại, sau mãn kinh, khi các noãn sào không còn tiết ra estrogen, sự bảo vệ phụ nữ chống lại cao huyết áp và bệnh tim sẽ giảm. Quả tuổi trung niên, rủi ro bị bệnh động mạch tăng và, lần đầu tiên, tỷ lệ cao huyết áp ở nữ giới nhiều hơn ở người nam.

Thử máu

Liệu một y khoa bác sĩ có thể coi một danh sách kết quả về thử máu và nói chắc chắn rằng máu đó thuộc nữ giới hoặc nam giới? Cái đó tùy thuộc vào thử gì.

Giống tính không có ảnh hưởng tới kết quả của các thử nghiệm đo lường đường trong máu hoặc kích thích tố của tuyến giáp trạng hoặc cần bao nhiêu thời gian để đo máu đông đặc hoặc số bạch cầu trong một mẫu máu hoặc thử máu để tìm các bệnh nhiễm.

Nhưng ở trong một số thử nghiệm, những kết quả bình thường có thể khác nhau ở nam hoặc nữ giới. Thí dụ cổ điển nhất là hồng huyết cầu, một loại chất màu trong tế bào máu màu đỏ chuyên trữ dưỡng khí trong cơ thể. Bởi vì nam giới tương đối có nhiều hồng huyết cầu, số sắc tố đỏ của họ bình thường cũng cao hơn. Cũng cao hơn là số ferritin, một loại hợp chất sắt và chất đạm chứa trong huyết cầu tố. Thể tích huyết cầu đặc, dùng để đo số phần trăm của mẫu máu gồm có hồng huyết cầu, cũng cao hơn ở nam giới, là một dấu hiệu để xem cơ thể được kết hợp với nước. Tăng thể tích huyết cầu đặc cho hay hoặc sự gia tăng của hồng huyết cầu gây ra do bệnh của máu, hoặc sự giảm của lượng nước. Tăng lên của thể tích huyết cầu cho hay hoặc sự gia tăng của hồng huyết cầu có thể do bệnh của máu hoặc sự giảm bình thường của lượng chất lỏng.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
Texas- Hoa Kỳ.
www.bsnguyenyduc.com

HÃY ĐẾN VỚI TÔI

*Hãy đến với tôi
bằng đôi mắt*

*Đôi mắt rất người
nhưng thật đầy trí tuệ
Để thấy tôi là NGƯỜI
Và người cũng là TÔI*

*Hãy đến với tôi
bằng tình yêu
Tình yêu thẳng tắp
Như đường một chiều*

*Hãy đến với tôi
bằng trái tim khờ khạo
Như những hạt máu
luồn sâu trong tĩnh mạch
Những hạt máu thật sạch*

*Hãy đến với tôi
như loài hoa dại
Toả hương mà không kết trái
Cho, nhưng không nhận lại*

*Hãy đến với tôi
như bình minh vừa chạm
Trong tôi ngập đầy ánh sáng
Để tôi thở như thiên sư
Lòng tràn an lạc*

*Hãy đến với tôi
bằng nụ cười tươi
Của đứa bé lên mười
Không phải nụ cười
từ bông hoa băng lụa*

*Hãy đến với tôi
một lần
Ngồi bên nhau
IM LÂNG*

thơ **KIỀU MỘNG HÀ**



Độc Thơ Phật của Thi sĩ Tâm Tấn

Viết về tập thơ “Cuối Đời Lọc Những Tinh Sương” của thi sĩ Tâm Tấn

HUỲNH KIM QUANG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

*Tu nhà năm mấy tuổi đầu
Lẽ huyền chưa đạt thâm sâu Bến Bờ
Chừ nương cảnh chợ sống hồ
Thử xem nhẵn nhục còn chờ những chi?
Niết Bàn – Địa Ngục bất ly
Ngoài-trong cánh cửa có gì đâu xa:
Mở thương cảnh loạn Ta Bà
Khép Tâm tịnh lại ấy là Chơn Không.”*
(Tâm Tấn, Đêm Huyền)

Mấy câu thơ ở trên đã diễn bày được trọn vẹn cuộc đời của một người nữ cư sĩ tu tại gia “nương cảnh chợ sống hồ,” nhưng kiên giải và tâm nguyện thì hướng tới cảnh giới bất nhị “Niết Bàn-Địa Ngục bất ly.” Đó là một đoạn của bài thơ Đêm Huyền trong tuyển tập thơ “Cuối Đời Lọc Những Tinh Sương,” đã được xuất bản tại Hoa Kỳ vào năm 2004, của nữ sĩ Tâm Tấn, đã qua đời vào ngày 13 tháng 7 năm 2020 tại thành phố Nha Trang, Việt Nam, thượng thọ 100 tuổi.

Tuyển tập thơ này tôi đã đọc từ sau khi nó được phổ biến tại Hoa Kỳ do người con trai của nữ sĩ Tâm Tấn là nhà văn Vĩnh Hào thực hiện. Bấy giờ nhân cụ ra đi về cõi Phật, nhà văn Vĩnh Hào tặng cho tôi để đọc lại và cũng để tưởng niệm công đức của nữ Sĩ Tâm Tấn đối với nền văn học nước nhà nói chung và nền văn học Phật Giáo Việt Nam nói riêng.

Thú thật, lần này đọc lại tập thơ tôi rất đỗi ngạc nhiên và thú vị vì chất thơ thấm đẫm hương vị văn chương và chất Phật cao thâm siêu thoát trong thơ của bà.

Nói nào ngay, xét ra tôi cũng rất có duyên với gia đình nữ sĩ Tâm Tấn. Tôi biết bà từ những năm sau 1975, chính xác là năm

1976. Nhưng bà thuộc thể hệ tiền bối nên chỉ biết mà không thân cận. Ngược lại tôi quen thân với nhiều người con của bà, như thi sĩ Phù Du Vĩnh Hiên, nhà văn Vĩnh Hào, nhà văn Vĩnh Hữu, Vĩnh Hiếu và Vĩnh Bình.

Trong bài thơ Đêm Huyền vừa trích, có mấy câu đáng suy gẫm:

*Niết Bàn – Địa Ngục bất ly
Ngoài-trong cánh cửa có gì đâu xa:
Mở thương cảnh loạn Ta Bà
Khép Tâm tịnh lại ấy là Chơn Không.*



Thi sĩ Tâm Tấn đưa ra một hình ảnh rất đời thường để nói đến lý bất nhị của Niết Bàn và Địa Ngục: trong và ngoài cánh cửa. Đọc câu sau chúng ta sẽ thấy đó là cánh cửa tâm. Đúng vậy, Niết Bàn hay Địa Ngục cũng từ tâm mà ra.

Điều khá lý thú khác ở đây là thi sĩ đưa ra thí dụ về việc mở tâm và khép tâm. Mở tâm thì bước vào cõi Ta Bà khổ đau. Khép tâm thì thể nhập Chơn Không tịnh lạc. Đây là một ẩn dụ rất sâu xa cho thấy thi sĩ Tâm Tấn là người Phật tử có tu tập. Mở tâm tức là hướng tâm ra ngoài, là vọng động chạy theo trần cảnh. Khép tâm tức là xoay tâm vào bên trong nội quán để thể nhập Chơn

Không.

Thi sĩ Tâm Tấn kết thúc bài thơ Đêm Huyền với mấy câu thấm đẫm chất Phật:

*Giác khuya đây động thiên miên
Nửa thương Tục Đế, nửa nguyên Chân Như.*

*Trăng nương gió lật trang Thơ
Đèn khuya bắc lưn trầm tư đêm huyền.*

Triết lý nhị đế dung thông của nhà Phật

nằm gọn trong câu “Nửa thương Tục Đẽ, nửa nguyên Chân Như.” Sống trong cõi tục đẽ, tức cõi thế gian phàm tục, nhưng lòng thì không bao giờ quên đại nguyên chứng nhập vào cõi xuất thế của Chân Đẽ, Chân Như.

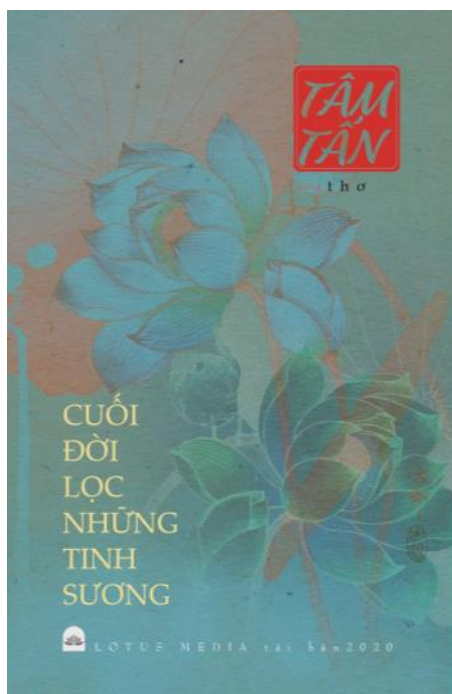
Hai câu cuối chuyên chở chất liệu văn chương làm say mê người đọc. Ở đây thi sĩ mô tả cảnh đêm trăng huyền diệu mà bà đang thưởng lãm. Chính tâm cảnh ngấm trăng thơ mộng đó đã như chất liệu kỳ diệu cho thơ trào ra. Thi sĩ đã sử dụng một ẩn dụ đầy sáng tạo “Trăng nương gió lật trang Thơ” để miêu tả cảm trạng xúc cảnh sanh tình gây cảm hứng cho hồn thơ tuôn chảy. Câu sau cùng là một câu thơ có họa và nhạc. Họa là ngọn đèn mà cái bắc đã cháy gần cạn nên ánh sáng còn yếu ớt huyền ảo. Nhạc là qua khung cảnh một người ngồi trước ngọn đèn leo lét nhìn bên ngoài ánh trăng như ảo như mộng, có thể nghe được sự tĩnh lặng sâu lắng trong khung cảnh này.

Trong bài thơ “Quán Thế Âm Tịnh Thánh,” thi sĩ Tâm Tấn đã thổ lộ tâm tư của bà với Bồ Tát:

*Con tử bao kiếp Vô minh,
Vãng lai vấp ngã Tử Sinh đôi bờ.
Đò thiêng lữ chuyển bờ vờ,
Xôn xao nghiệp Ái gánh hờ Trần Duyên.*

Đó là lời bộc bạch chân thật của một người Phật tử tại gia đối trước Bồ Tát Quán Thế Âm. Trong đoạn thơ trên, chúng ta thấy thi sĩ Tâm Tấn trong cõi sâu xa của tâm thức dường như không thể quên ước nguyện từ vô lượng kiếp muốn đáp chuyển đò từ bờ bên này sinh tử luân hồi sang bên kia bờ giải thoát niết bàn. Có lẽ vì thế, đối với bà, nghiệp trần duyên của kiếp này chỉ là “gánh hờ” chứ không phải là sự nghiệp trường cửu và cứu cánh mà bà nhắm tới. Nhưng nói thế không có nghĩa bà không sống hết mình với vai trò của một người vợ một người mẹ. Nhà văn Vĩnh Hào đã viết về người Mẹ của ông trong Đôi Lời Vào Tập của tập thơ *Cuối Đời Lọc Những Tinh Sương* như sau.

“Người mẹ thi sĩ của chúng tôi đẹp, hiền lành, nhân ái, quả cảm, tận tụy một đời chăm sóc chồng con; vất vả trăm chiều sinh và dưỡng bầy trẻ 14 đứa... Cuộc đời Mẹ, từ những con chữ trên trang giấy cho đến những hạt gạo, miếng vải, mồ hôi nước mắt,



lời ru giọng hát, tiếng khen thưởng con ngoan, hay tiếng la trách con hư... đều toát lên cái ý vị phong nhiêu điệu vợ của thơ, và của tình.”

Từ bối cảnh tâm thức thấm nhuần Phật Pháp như thế, nên hơn 50 bài thơ trong tuyển tập “Cuối Đời Lọc Những Tinh Sương” không bài nào, không câu nào không bằng bạc giáo lý Phật Đà.

Trong tập thơ nêu bật mấy chủ đề quan trọng mà thi sĩ Tâm Tấn hay nói đến, gồm Lễ Vu Lan với tình mẫu tử và hiếu đạo, tinh thần yêu chuộng hòa bình vì đó là bản chất của đạo từ bi của nhà Phật, các sự kiện liên quan đến lịch sử của đất nước và Phật Giáo Việt Nam từ năm 1963 đến năm

1975.

Trong bài Cảm Niệm Vu Lan 2, thi sĩ Tâm Tấn tưởng niệm ân đức của bậc sinh thành, với lời thơ chí thành tha thiết.

*Ba mươi năm sau... đầu con sương giá,
Ngồi thương cha nhớ mẹ tuổi hoàng hôn:
Bờ âm dương lấp biển với che nguồn,
Con chỉ thấy núi xa mây trắng hiện...*

*Hai tách trà thơm dâng vào cõi huyền,
Dĩa trầu cau nồng thắm cũng hư vô!
Những giấc chiêm bao ôm mẹ mơ hồ
Những giọt lệ mừng cha tàn ảo ảnh...
Vén trí phàm phu phút giây nhập thánh,
Tâm là hoa xin hướng cội kỳ hoa.
Kính Vu Lan ấm phủ mẹ Hồn cha,
Con quỳ lạy minh châu kim trượng
chuyền*

*Ân Đại Hiếu Kiên-Liên muôn kiếp hiển...
Xin mẹ cha mau thoát khỏi luân hồi,
Chín phẩm sen vàng ân phước vào ngôi,
Con hồi hướng với tâm lành trọn kiếp.*

Trong tình mẫu tử thiêng liêng, thi sĩ Tâm Tấn đã bày tỏ nỗi đau của người mẹ mất con trong bài Khóc Con.

*Ai nỡ cướp con tôi măng sữa,
Chôn vùi sâu, cách cửa âm dương!
Nơi đây hơi Mẹ ấm giường,
Sao con nằm chôn gió sương mưa dầm?
Dưới huyết trũng, nắng dầm thiêu đốt
Héo thân con, đau buốt lòng Me!
Mưa Đông rồi tiếp nắng Hè
Đất vun cỏ đắp khôn che âm tình...*

Là người Phật tử phụng thừa lời dạy từ bi

và trí tuệ của Đức Phật có nghĩa là không chủ trương, không hậu thuẫn cho bất cứ cuộc chém giết tương tàn nào đối với muôn vạn sinh linh. Điều đó cũng có nghĩa là người Phật tử luôn luôn sống với suy nghĩ, lời nói và hành động hàm chứa tinh thần hòa bình và nỗ lực kiến tạo cuộc sống hòa bình cho mình và cho tha nhân. Thi sĩ Tâm Tấn là mẫu người Phật tử như thế. Trong bài thơ "Lời Cầu Nguyên Hòa Bình," thi sĩ Tâm Tấn bày tỏ ước mơ đất nước hòa bình sau bao nhiêu năm chiến tranh.

*Thắp nến Diêm Phù xin châm lửa Tuệ
Trầm hương dâng, xin ngát Pháp Hoa tâm
Đặng con thơ thông thiết vọng hồng ân
Lễ Thành Đạo xin chuyển vần Xe Pháp.
Lạy Từ Phụ! quê hương con đổ nát
Vì Tham Kiêu đã khoắc lột cuồng chinh
Hai mươi năm thây chất bởi vô minh
Tưởng Tiên Dược đem Trường Sinh Bất Tử:
Chủ nghĩa này trưng chiêu bài, đưa nhủ!
Ý thức kia "Đời nguyên tử" khoe trao!
Năm tiếp năm vết Đạn xoáy Bom cào,
Ngày tiếp tháng Núi Sông gào "Độc Dược!"
Lạy Từ Phụ! xin ban niềm mộng ước
Bóng Thanh Bình làm linh dược hồi sinh.*

Thi sĩ Tâm Tấn là người thân cận với chư tôn túc lãnh đạo Phật Giáo Việt Nam từ thập niên 1950, khi bà được Cố Hòa Thượng Thích Trí Quang mời cộng tác cho báo Liên Hoa tại Huế. Rồi sau đó bà cộng tác với báo Bát Nhã của Cố Hòa Thượng Thích Trí Thủ. Vì vậy cuộc đời của thi sĩ gắn liền với vận mệnh của Phật Giáo Việt Nam từ đó về sau. Trong biến cố nhà Ngô đàn áp Phật Giáo vào năm 1963, thi sĩ Tâm Tấn đã là một trong những nhân chứng sống. Trong bài thơ Ác Mộng viết vào ngày 16 tháng 8 năm 1963, nghĩa là 4 ngày trước khi chính quyền Ngô Đình Diệm tổng tấn công vào chùa chiền trên toàn quốc, bà đã ghi chú ở cuối bài thơ rằng, "Vừa khóc vừa làm trong đêm 16/08/1963."

*Bạn ơi, bạn ơi! núi vun mây hận
Đất phương này sấm động náo tâm tư.
Vùng Từ Vần khuất lấp bởi sương mù,
Hoa Tinh Tấn dập vùi trong bão chướng.
Kính ngạc sống sờ hồn không định hướng
Ngẩng nhìn cao tìm dấu vết Từ Vần.
Bắc Đẩu tinh phương chiếu rạng tinh thần
Văng nguyệt từ bi biển mở đầu cả!*

Trong bài Áo Vàng Bất Diệt, thi sĩ kể tình hình Phật Giáo vận động cho tự do và bình đẳng tôn giáo năm 1963 như sau.

*Phật Giáo Tăng Ni, tin đồ tranh đấu
Thiết tha đòi Năm Nguyên Vọng thuần từ.
Nạn độc tài vận nước lúc suy hư,*

*Giáo Kỳ trưng lên, Giáo Kỳ triệt hạ!
Nhìn Thầy tuyệt thực, nắng sương đòi là,
Rồi nghe tin Thượng Tọa tự thiêu mình
Và Sa Di, Đại Đức tiếp hy sinh
Lửa Tử Đạo bùng bùng trong ánh mắt.*

Khép tập thơ lại. Lòng tôi dâng lên niềm cảm thán và kỳ thú. Cảm thán vì đọc được những bài thơ chứa chan tình đời nghĩa đạo. Kỳ thú vì không ngờ một người "chưa từng cắp sách đến trường" – như nhà văn Vĩnh Hảo đã viết trong lời đầu tập thơ – mà có thể có được kiến văn và chữ nghĩa bác lãm và uyên thâm như thế. Đây quả thật là một sự hiếm có. Tôi tự giải thích cho chính mình với hai nhân duyên. Thứ nhất là nỗ lực phi thường của chính thi sĩ Tâm Tấn trong việc tự học trong đời này. Thứ hai là bà vốn có một thiên tư trí tuệ đặc dị mà không phải ai cũng có, nếu không muốn nói là bà mang chủng tử trí tuệ từ nhiều kiếp trước đến đời này. Điều này làm cho tôi rõ lý do tại sao thi sĩ đã nhiều lần nhắc đến ước nguyện trở về cõi hương Chân Như trong tập thơ "Cuối Đời Lọc Những Tinh Sương."

*Giấc khuya đầy đọng triền miên
Nửa thương Tục Đế, nửa nguyện Chân Như.*

Xin kính cảm ơn thi sĩ Tâm Tấn. Nhân tuần chung thất của bà, xin cầu nguyện bà sớm hoàn thành ước nguyện.



ĐẠO PHẬT LÀ ĐẠO YÊU ĐỜI

Tâm Minh Ngô Tằng Giao



ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Khi nghe Đạo Phật nói “đời là bể khổ”, nhiều người đã hiểu lầm rằng Đức Phật có quan niệm bi quan. Sự thật không phải như vậy. Từ điển đã định nghĩa bi quan là “có thói quen nghĩ rằng cái gì sắp xảy đến đều là xấu cả, đều đáng chán và không tin tưởng ở tương lai” hoặc bi quan là “chán nản, không tin tưởng, hoặc mất niềm tin vào hiện tại, tương lai”.

Đức Phật không bao giờ chủ trương bi quan như vậy và Phật cũng không hề nói trên đời này không thể có hạnh phúc. Đức Phật chỉ nói rằng sống thì phải chịu khổ về thể xác cũng như về tinh thần. Nhận định của Đức Phật rất khách quan, rất đúng và không ai có thể phủ nhận những sự thật ấy được. Giáo lý của Đạo Phật được phát xuất từ kinh nghiệm sống dựa trên sự thật, trên một thực tế mà mọi người đều biết, đều có trải qua và đều cố gắng phấn đấu để khắc phục. Đạo Phật đi thẳng vào điều lo âu chính yếu của mọi người trên thế gian là sự “khó đau” và “làm thế nào để tránh cho khỏi khổ”.

Những điều nhận xét của Đức Phật về con người, về cuộc đời chính là những mối suy tư giúp nhân sinh có một quan niệm đúng đắn về cuộc đời để sử dụng đời mình làm sao cho có lợi ích. Lợi ích cho chính bản thân mình và lợi ích cho cả các chúng sinh khác. Chính đây là những lời khuyến khích con người tìm cách thực hiện mau những điều đáng làm và cần thiết phải làm để khỏi chết đi trong niềm tiếc nuối và ân hận là mình đã sống một cuộc sống vô nghĩa đầy uổng phí.

Những người chưa vào Đạo Phật, hoặc chưa hiểu Đạo Phật, thường nghĩ rất sai lầm, tưởng rằng Đạo Phật là một đạo chán đời, bi quan, yếm thế, thối chí, làm cho con người trốn tránh trách nhiệm với xã hội và hèn yếu đối với thân tâm mình. Vì Đạo Phật nói “vô thường”, mà một khi sự vật đã vô thường thì không nên làm gì cả, có siêng năng hoạt động kinh doanh sự nghiệp rồi cũng không đi

đến đâu. Nghĩ như thế thật là trái ngược với giáo lý nhà Phật.

Thật ra không phải vậy. Vô thường của đạo Phật là một phương pháp chỉ rõ mặt trái của đời, để bài trừ những sự mê lầm, ngăn chặn người chạy theo vật dục, nó chưa phải là thuyết tuyệt đối. Đức Phật cũng như vị lương y tùy theo chứng bệnh mà cho thuốc. Với bệnh “chấp thường còn không mất”, thì dùng phương thuốc “vô thường” để đối trị, khi lành bệnh thì Phật lại cho thứ thuốc bổ khác quý báu hơn, là thuyết “chân thường bất biến”.

Biết được vô thường, con người giữ được bình tĩnh thân nhiên trước cảnh đổi thay bất ngờ và có thể lạnh lùng trước cảnh ân ái chia ly. Biết vô thường, con người dám hy sinh tài sản, sinh mạng để làm việc nghĩa. Biết vô thường con người mới chán ngán với những thú vui tạm bợ, giả trá, và sáng suốt đi tìm những cái vui chân thật thường còn. Vì thật ra, cái vui chân thật thường còn, cái tánh chân thường vẫn có, nhưng nó nằm bên trong cái lớp giả dối tạm bợ vô thường của cõi đời này, nên chúng ta không thể thấy được. Khi chúng ta đã cương quyết gạt bỏ cái vỏ giả dối ấy, thì tất nhiên cái giá trị chân thật, cái hạnh phúc chân chính, cái Phật tánh sáng suốt, chắc thật muôn đời sẽ hiện ra.

“Đạo Phật là một đạo rất yêu đời”, nhưng yêu cái đời sống thật, yêu cái bộ mặt thật, (bản lai diện mục) đẹp đẽ, trong sạch, yên vui của đời. Vì yêu bộ mặt thật của đời nên mới sinh ra lòng yêu người, yêu tất cả mọi người, mọi loài không phân biệt. Lòng yêu bao la rộng khắp, trùm bọc hết thấy chúng sinh, vì chúng sinh dưới những hình tướng sai biệt, đều cùng có một bộ mặt thật, đẹp đẽ, sáng sủa như nhau, tuy rằng bộ mặt ấy hiện nay còn bị nhơ bụi phủ đầy.

Chúng ta nhớ lại Đức Phật thoát tiên là một thái tử, sống trong cung vàng điện ngọc, đầy sung sướng, đầy quyền uy. Sở thái tử sẽ xuất gia tu hành theo đúng như lời của người

tiên tri nên vua cha muốn giữ chân thái tử trong cảnh vương giả này. Vua cưới vợ cho thái tử và tạo ra biết bao cảnh vật quyến rũ để giữ chân con mình bên cạnh vợ đẹp, bên cạnh con khôn. Chúng ta hãy nghe tả cuộc sống này:

"*Thời gian sau ở hoàng cung
Vua quan tổ chức tưng bừng vui tươi
Lễ thành hôn giữa hai người
Trai tài gái sắc xứng đôi vợ chồng
Tuổi mười sáu, đẹp tơ hồng
Sợi dây duyên ái đôi
lòng quyến chung,
Vua luôn suy nghĩ
mừng lung
Giữ chân thái tử
mãi trong lồng vàng
Vua bèn ra lệnh các
quan
Xây ba cung điện
huy hoàng một nơi
Hoa viên cây cỏ tốt
tươi
Sen phô sắc dưới
nắng trời nhẹ lay
Hồ xanh in bóng
mây bay
Vợ chồng quần
quýt, tháng ngày say
mê,
Một cung điện cho mùa hè
Hãy hãy gió mát bốn bề suốt trong,
Một cung điện cho mùa đông
Bập bùng lửa ấm tình nồng hương đưa,
Một cung điện cho mùa mưa
Nhạc mưa thánh thót sớm trưa gọi tình,
Nét hoa viên, lối cung đình
Tường cao vây phủ bao quanh phía ngoài
Ngăn che phiền não trần ai
Khỏi vương hạnh phúc của hai tâm hồn.
Trong cung tuyển các nhạc công
Đàn ca réo rắt, tơ đồng là lời
Thêm đoàn ca múa xinh tươi
Thân vờn dáng liễu, giọng khơi mạch
tình
Cao lương, mỹ vị linh đình
Khiến cho thái tử đắm mình mê say
Trải qua bao tháng cùng ngày
Sống trong cảnh giới hưởng đầy thú vui
Không hề hay biết trên đời
Nhiều nơi bất hạnh, lắm người lắm
than."*

Sống sung sướng trong cảnh vương giả như vậy mà thái tử vẫn quyết chí buông xả tất cả để xuất gia. Đi tu không phải vì những lý do tầm thường như người không hiểu đạo thường nói tới như là: thất tình, nghèo khổ, chán đời, thối chí, thiếu hạnh phúc v.v... Ngài ra đi là muốn giải thoát muôn loài, muốn tìm cho chúng sinh một hạnh phúc thật sự. Đây

là tâm trạng của thái tử lúc rời hoàng cung:

*"Dù thương cha mẹ vô vàn
Dù yêu vợ đẹp, con ngoan vô cùng
Nhưng ta quyết bỏ hoàng cung
Xuất gia tìm hạnh phúc chung cho người
Tìm phương giải thoát muôn loài
Cuộc đời vương giả đoái hoài làm chi!"*

Ngài đi là mong tìm phương cách diệt khổ đau cho chúng sinh. *Đạo Phật là đạo diệt khổ, là đạo giải thoát*. Giải là cởi mở. Ở đây

là "cởi mở" những trói buộc để "thoát" ra khỏi mọi hình thức đau khổ của đời sống:

*"Phóng hốt lâu dưới
trắng thanh
Người đi nhìn lại kinh
thành xa xa
Nguyễn thăm: Đến lúc
tìm ra
Con đường diệt khổ thì
ta mới về!"*

"*Đời sống của Đức Phật Thích Ca là hiện thân hoàn toàn của lòng yêu đời*". Vì yêu đời và yêu chúng sinh đau khổ nên

Đức Phật mới bỏ gia đình, bỏ cha mẹ, vợ con, bỏ ngôi báu, lìa xa cung vàng điện ngọc... để tu tập, tìm phương thuốc chữa khổ cho đời. Vì yêu đời và yêu chúng sinh nên trong gần nửa thế kỷ, Đức Phật đã xông pha khắp đó đây, trong mọi tầng lớp xã hội, để giảng dạy cho mọi người tìm ra và nhận thấy bộ mặt thật của đời mà sống. Bộ mặt ấy là "bản thể, thật tánh, Niết Bàn".

Nhưng cũng như sóng không thể lìa nước mà có, "bản thể, thật tánh, Niết Bàn" không thể lìa đời, lìa người và vạn vật mà có. Cho nên người Phật tử luôn luôn sống tích cực với mình và với đời. Với đời để tu sửa mình, giác ngộ mình. Với đời để thức tỉnh người, cứu độ người. Có thức tỉnh mình hoàn toàn và có cứu độ người đầy đủ mới có thể đạt tới Niết Bàn. Đạo Phật là đạo tích cực hoạt động.

Đoạn sau đây trong kinh Phật là một trả lời rõ rệt cho những kẻ tưởng rằng Đạo Phật làm cho con người ghét đời và xa lánh xã hội. Kinh Phật ghi rằng:

"...Kẻ ngu si sợ hư không mà muốn đi trốn, thì dù bỏ hư không mà chạy cũng không thể nào thoát được hư không. Kẻ đi tìm hư không, dù có chạy khắp Đông, Tây, Nam, Bắc, cũng không tìm thấy hư không. Những kẻ ấy chỉ biết cái "danh" (tên) của hư không mà không biết được cái "thực" của hư không. Nay có kẻ muốn tìm Niết Bàn, thường qua lại trong Niết Bàn mà không biết đó là Niết Bàn, chỉ thấy toàn sinh tử, phiền não. Kẻ



ấy chỉ biết cái "danh" (tên) của Niết Bàn mà không biết cái "thực" của Niết Bàn".

Vậy ta đừng lầm rằng giải thoát là lìa bỏ, chán ghét cõi đời hiện tại. Giải thoát chính là sống hoạt động, yên vui, sung sướng, tự do hoàn toàn ngay trong đời hiện tại, trước khi từ bỏ xác thân vô thường này để nhập Niết Bàn và rồi lại sẽ từ Niết Bàn mà ứng hoá ra khắp mọi nơi để tiếp tục hoạt động cứu độ vô tận chúng sinh. Chư Phật và chư Bồ Tát đã và đang sống cái đời sống ấy. Phật tử chúng ta tu tập cốt để cũng được sống cái đời sống như chư Phật và Bồ Tát.

Nhân dịp giải đáp bốn câu hỏi do vua Trời Đế Thích cùng đoàn chư thiên đông đảo nêu lên Đức Phật dạy rằng "Niềm vui trong Chân Lý cao thượng hơn tất cả niềm vui khác":

(Pháp Cú 354)

*Coi như bồ thí hàng đầu
Là đem Chân Lý nhiệm mầu tặng nhau,
Coi như hương vị tối cao
Hương vị Chân Lý ngọt ngào dài lâu
Coi như hoan hỷ hàng đầu
Niềm vui Chân Lý thấm sâu tuyệt vời,
Người nào ái dục diệt rồi
Vượt qua phiền não, xa rời khổ đau.*

"Niềm vui Chân Lý thấm sâu tuyệt vời" được coi là hoan hỷ hàng đầu tức là "pháp hỷ" thắng hơn mọi hoan hỷ khác. Pháp hỷ là niềm vui nhẹ nhàng trong tâm sau khi thấm nhuần chân lý, thấu triệt chánh pháp. Niềm vui này kéo dài cả cuộc sống trong khi các niềm vui khác thường ngắn ngủi và dễ chấm dứt là lại sinh ra khổ đau tiếp nối. Câu này quả thật đã nói lên ý niệm lạc quan yêu đời của đạo Phật, một Đạo vẫn luôn luôn bị hiểu lầm là chán đời và yếm thế.

Vì làm sao người Phật tử có thể chán đời, ghét đời được khi mà chánh pháp đem lại cho mình pháp hỷ, như đã được khéo diễn tả trong những câu sau đây nhân dịp Ma Vương cung thỉnh Đức Phật làm vua để giúp đỡ dân chúng được thanh bình, an lạc. Đức Phật biết Ma Vương muốn cám dỗ nên Ngài dạy rằng



Ngài không có gì giống như Ma Vương cả và Ngài kể ra biết bao nguồn hạnh phúc, biết bao niềm vui đến với người tu hành theo con đường giác ngộ và giải thoát.

Vui vì gặp được bạn lúc mình đang cần. Vui vì tự biết là đủ với những gì mình đang có. Vui vì lúc qua đời biết mình đã tạo nghiệp lành. Vui và hạnh phúc hơn nhiều khi biết mình đã lánh xa tội lỗi và mọi nguồn gốc khổ đau:

(Pháp Cú 331)

*Vui thay có bạn khi cần!
Vui thay thấy đủ trong tâm đôi tay
Với gì mình có hiện nay!
Vui thay khi chết thân này tạo ra
Nghiệp lành nở đẹp như hoa!
Vui thay thống khổ lìa xa chẳng còn!*

Vui vì trên thế gian này được phụng dưỡng mẹ hiền. Vui vì được phụng dưỡng cha yêu. Vui vì cúng dường bậc xuất gia chân chính. Vui vì cúng dường các bậc thánh nhân:

(Pháp Cú 332)

*Ở đời còn có nhân duyên
Kính yêu, phụng dưỡng mẹ hiền là vui,
Công cha như núi cao vời
Kính yêu phụng dưỡng được người là vui,
Cũng vui thay nếu ở đời
Có lòng tôn kính tìm nơi cúng dường
Sa Môn cùng với thánh nhân.*

Vui vì cho đến tuổi già mà vẫn giữ được đức hạnh. Vui vì lúc nào cũng giữ được niềm tin. Vui khi có đầy đủ trí tuệ. Vui khi tâm trong sạch và không làm điều gì ác:

(Pháp Cú 333)

*Vui thay từ trẻ đến già
Luôn luôn giữ giới thiết tha chẳng rời,
Vui thay khi sống làm người
Niềm tin chân chánh muôn đời chẳng thay!*

*Vui thay trí tuệ tràn đầy!
Vui thay điều ác hàng ngày tránh xa!*

Truyện tích kể rằng nhân trong giờ nghỉ các vị Tỷ kheo bàn luận về vấn đề hạnh phúc ở đời. Ý kiến các vị đưa ra đều dựa trên sự thỏa mãn đầy đủ của các giác quan, về tiền bạc, danh lợi và quyền thế. Đó chỉ là các điều sung sướng ở thế gian. Đức Phật nghe được bên dạy rằng những thứ sau đây mới thật sự đem lại hạnh phúc và niềm vui "Phật ra đời! Pháp được giảng! Tăng hòa hợp! Cùng tu hòa hợp!":

(Pháp Cú 194)

*Vui thay đức Phật ra đời!
Vui thay giáo pháp giảng nơi cõi trần!
Tăng hòa hợp đẹp muôn phần!
Đẹp thay giới luật xa gần đồng tu!*

Ngày kia Đức Phật vào thôn xóm khất thực. Do sự can thiệp khuấy phá của Ma Vương, hôm ấy không có ai cúng dường Ngài cả. Các phụ nữ bị Ma Vương cảm dỗ nên ham vui mà lãng quên công đức cúng dường. Ma Vương mỉa mai hỏi Ngài có thấy đói bụng không? Ngài giải thích thái độ tinh thần của người đã thoát khỏi mọi chướng ngại "Luôn luôn sống với niềm vui phỉ lạc trong chánh pháp và luôn luôn an lạc như ở cõi trời Quang Âm":

(Pháp Cú 200)

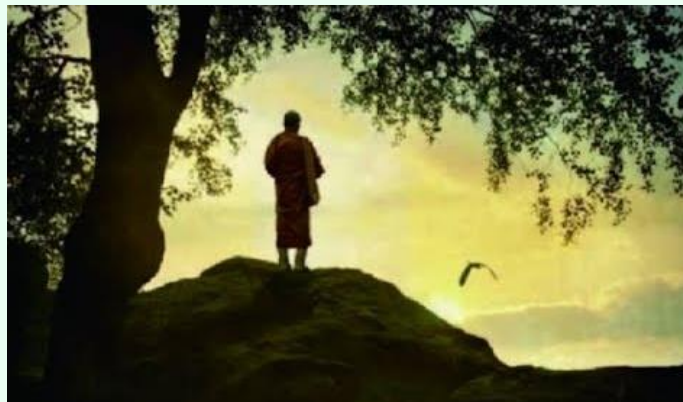
*Chúng ta hạnh phúc vô biên
Khi không chướng ngại, não
phiền nổi trôi
Sống đời hỷ lạc tuyệt vời
Tựa như những vị cõi trời
Quang Âm.*

Người Phật tử không phải là kẻ chán đời rồi tìm cách xa lánh cuộc sống, trốn tránh trách nhiệm với xã hội. **Đạo Phật là một đạo tích cực hoạt động.** Người Phật tử từ lúc bắt đầu vào đạo đã phải hoạt động hằng say để mở mang trí tuệ, chiến thắng tham, sân, si đồng thời phải tập chiến đấu với hoàn cảnh, xông pha trong xã hội để cứu giúp người khác.

Theo gương chư Phật và Bồ Tát, Phật tử không sống cho riêng mình, không tìm giác ngộ và giải thoát riêng cho mình, mà còn phải sống và giác ngộ, giải thoát cho kẻ khác. Đời của Phật tử là một đời hoạt động không ngừng, đi từ chiến công này đến chiến công khác, đem lòng từ bi và bình đẳng gieo rắc nhân lành khắp mọi nơi, dưới mọi hình thức.

Kinh Phật từng dạy: "Trong hoạt động của người Phật tử, không một việc lành nào mà không làm, không một vật gì mà không cứu độ". Quả thật Đạo Phật là một đạo tích cực hoạt động. Quả thật Đạo Phật là Đạo yêu đời.

TM NGÔ TĂNG GIAO



ĐƯỜNG LÊN CỔ TỰ

*Mây vờn cổ tự quyên làn hương,
Lữ khách thành tâm chẳng ngại đường.
Rút bỏ bao niềm nơi phố thị,
Dần quên những bậc chốn quan trường.
Già lam tĩnh lặng xa tình dăm,
Cửa Phật yên bình thấu kệ vưon.
Tuệ nhật soi tìm nương pháp hỷ,
Còn đâu cõi thế, bảo vô thường?...*

*Yên bình cõi Phật nguyện làn hương!
Bởi lẽ tâm mê khó tiếp đường,
Sợ lỡ duyên trần tìm cốc tĩnh,
Lờ buông sự thế ngại đêm trường!
Vì còn vọng động nên sầu dăm,
Chẳng bớt thôi ràng lại khổ vương
Phước báu bao đời tùy thiện nghiệp,
Nhân gian vốn ngấm chuyện vô thường!...*

*Dốc thăm mây rừng quyên khói hương
Tìm quên phố hội lặng lên đường
Mê cơn lặn dận nương nhân thế
Tĩnh giác thông dong biết dậm trường
Lý sự luôn cầu đâu mãi dăm
Cuộc đời đã thấu chẳng còn vương
Loanh quanh vạn cõi nào ai rõ
Dẫu nhận trần gian giọng điệu thường!*

thơ **MINH ĐẠO**

CANH KHOAI NẤU NẤM

Món canh có vị ngọt của khoai, vị thanh của nấm. Canh khoai nấu nấm là món thích hợp để ăn chay.

Chuẩn bị: 10 phút

Chế biến: 30 phút

Nguyên liệu:

- 2 củ khoai lang tím
- 1 củ khoai tây
- 1/2 củ cà-rốt
- 3 tai nấm đông cô
- 30g nấm rơm
- 1/2 bìa đậu phụ non
- 1 thìa cà-phê muối
- 1 thìa súp dầu ăn
- 1 thìa cà-phê hạt nêm nấm
- 1 thìa cà-phê đường
- 1/4 thìa cà-phê tiêu
- 500ml nước dùng rau củ
- Ngò rí

Thực hiện:

- Khoai lang, khoai tây, cà-rốt gọt vỏ, xắt quân cờ.
- Nấm đông cô ngâm nở mềm, cắt bỏ chân, vỏ rửa sạch, bổ đôi.
- Nấm rơm gọt chân, ngâm nước muối loãng 10 phút, rửa sạch, bổ đôi.
- Đậu phụ non xắt quân cờ.
- Cho nước dùng vào khoai lang, khoai tây, cà-rốt, nấm đông cô và dầu ăn vào, nấu sôi.
- Nêm gia vị, nấu thêm khoảng 20 phút thì cho nấm rơm và đậu phụ non vào.
- Múc canh ra tô, rắc ít tiêu và ngò rí. Dùng nóng.

Mách nhỏ:

Món chay thường ít chất béo, nên thêm chút dầu ăn vừa để cân bằng chất béo, vừa giúp món canh khi sôi không bị trào.

(Nguồn: Tạp chí Món Ngon)



Giữ tròn lời hứa

NGUYỄN VĂN SÂM

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

1.

‘Ngày mai em lên thành phố làm phụ bếp cho tiệm ăn của dì Sáu. Anh ở đây đừng lộn xộn với cô nào nha. Họ ổng ẹo, trêu người quá làm em sợ.’

‘Đừng sợ! Anh hứa.’

‘Mấy con nhỏ đủ đờn trong cái quán cà phê vắng kia phải tránh xa nha.’

‘Ừ! *Tánh* xa!’

‘Tránh xa suốt đời nha. Họ ma quái lắm, vương vô là chết đó.’

‘Hứa là *tánh* xa tới chết.’

‘Ừ, phải tự nghiêm khắc với mình mới thành người được.’

‘Dặn như Chị Hai người ta nhưng mà hứa sẽ *tung* thành!’

Nhỏ Liên đưa tay vuốt má bạn, đứng lên:

‘Thôi em vô, ngồi đây khuya quá ổng bả nự điếc tai lắm.’

Người thanh niên trẻ nói theo: ‘Em vô *tổng* đi. Nè xác nịch *tái* cây vô *tổng* cho hai bác. *Tái* cây tươi mai nên ăn được rồi. Để lâu mất ngon.’

Anh ta vẫn ngồi trong bóng tối nhìn bạn gái mình đi về phía ánh đèn. Chép miệng, suy nghĩ.

2.

Tiếng động ầm ầm chói tai nhức óc của hàng chục máy cạp đất có công suất mạnh đương đào cát ngoài cái cồn giữa sông khiến bà Tư thấy lũng búng lỗ tai. Khó chịu, muốn vô nhà trong cho mau, bà nghiêng nôi gạo, lấy tay quậy gạo hai vòng, thay

nước, múc hai lon nước ngọt chứa trong lu, cũng vội vàng như khi vo, đổ vô nôi, bắc lên bếp rồi vừa lau tay vừa ngó mông ra giữa sông. Cặp mắt già nheo nheo đậu trên cảnh sanh hoạt bất thường ngoài xa kia của mấy con quái vật khiến cả xóm ba tháng nay mất ngủ và lo âu, bà buồn bã thở ra thườn thượt. Mấy cái cần cổ sắt dài mà tận cùng là cái miệng có hàm răng với hàng chục chiếc răng lớn bằng bắp chuối của người khỏe mạnh cạp xúc từ bưng cát lớn, quay nửa vòng, đổ lên sàn xà lan chiếc nào chiếc nấy cát chất đồng cao như núi mà máy cạp vẫn chăm chỉ cạp múc, không vẻ gì muốn ngừng nghỉ. Gió chiều thổi mát mát nhưng bà Tư không thấy mát lòng. Sự bức bối đánh tan những cảm giác thoải mái của thân thể do thiên nhiên đem tới khiến cử chỉ bà như là dùng dằng của người làm mày làm mặt. Đàng kia cách mấy căn nhà và cách đám dừa cao nghệu ông Tư trông hơn chục năm nay hai cái loa phường châu mớ phát ra tiếng ca réo rắt một bản vọng cổ mùi mẫn cũng không làm bà vui hơn chút nào.

Bỗng cảm thấy đất dưới chân mình run run nhẹ theo nhịp sóng vỗ từng chập đầu đó ở gò đất bên hè khiến bà chóng mặt như cảnh trước mắt quay quay. Ông Tư lớ đầu ra nhà sau hỏi vợ:

‘Bà nó có thấy đất run run không? Sao tôi không thấy yên tâm chút nào hết.

Sẽ có đất sụp thôi. Kỳ quá, như là cái lo đau đầu lâu nay chất chứa trong bụng giờ muốn trào ra.’

Bà ngó ông áy náy:

‘Thì đó! Tụi nó cạp cát ngoài cồn miết nên động đất trong này. Rồi đây không biết chuyện gì sẽ xảy ra nữa. Chán chết! Làng Phước An nguyên một khúc đường bị nhận chìm xuống nước năm ngoái rồi!’ Người đàn bà chấm câu bằng tiếng *ứ hự* chán chường theo thói quen cổ hủ.

‘Nghe nói hồi đó có ba người chết lặn. Mười mấy căn nhà biến mất. Thiên hạ lối xóm ngủ một đêm sáng ngày thấy chỗ đó trống không. Mất tiêu!’

Bà Tư lò mắ ngó chồng như ngạc nhiên. Ông gật gật đầu theo kiểu người biết rành chuyện thiên hạ.

‘Ừ mất tiêu. Biệt dạng! Như Tề Thiên Đại Thánh hô biến một tiếng thì mấy cái núi thành bình địa, thầy trò bốn người đi qua dễ dàng khác thể lấy đồ trong túi.’

Bà Tư kéo cái khăn vắt ngang cổ lên chùi nước miếng khóe miệng, cười vui:

‘Ông già ngộ hoài. Tề Thiên nào mà làm như vậy. Thầy Tam Tạng phải chịu cực khổ mới được. Đi thỉnh kinh để thành chánh quả mà sướng quá ai lại chẳng đi.’

‘Vậy đó! Bây giờ thiên hạ có phe đảng sướng hơn nhiều mà cũng thành chánh quả cả lũ. Họ hô biến chục tỷ này trăm tỷ kia mà vẫn được ngồi trên đầu trên cổ thiên hạ lia chia. Coi thẳng cha Phó

Trường công an xã thì biết. Bồ bịch tùm lum, nhà cao cửa rộng mà có ai động tới lông chần đâu.'

Người vợ lật đật nắm cánh tay chồng như kẽm lại lời phát biểu không cần thiết. Mắt bà ngó thẳng vô mặt chồng như nắn nỉ, đối để tài:

'Thời mà! Ở mà sao con Liên gần cả năm nay không thấy về ha! Tôi nhớ nó nhiều rồi đa. Cái con đi sao đi biệt! Nó đâu biết mình nhớ nó hựt hơi.'

Ngoài kia vọng vô tiếng chửi bới tục tằn lẫn trong tiếng cười của công nhân tàu xúc khi tranh giành chỗ có cát ngon ở cái cồn nổi giữa sông. Tiếng máy rồ mạnh như những con thú tiền sử giận dữ gầm ghe. Trên bờ vài ba hàng quán 'đột xuất' mọc lên ẩn theo với vài ba cô áo quần hở hang nhớn nhợ qua lại. Vài ba chiếc xuồng tam bản cặp vô tàu cát bán hồi bả mấy ly cà phê, dăm ba điều thuốc khiến khúc sông rộn rịp như chợ nhỏ buổi sáng.

'Mẹ họ. Chúng cặp kiểu này, mấy chục chiếc tụ lại đây một lần tháng này qua tháng khác sông cồn nào mà chịu nổi. Hồi Tết nước ròng tụi trẻ còn rủ nhau ra cồn đá banh, bây giờ thì cồn lòi xuồng còn có chút hứ, bằng

bụi tay, rồi sẽ chìm xuống nước thành *cồn lún, cồn lụn* thôi.'

Bà Tư ngoe ngoáy bước lên nhà trên ngó mông lung ra đường, ngầy ngà:

'Ông sao già rồi mà không nên nết. Luôn luôn từng dịp để nói bậy bạ trây trúa. Giữ mồm giữ miệng nha. Con nít nghe được nó cười cho thúí đầu.'

Vốn tánh hiền và khéo nhịn, ông Tư cười giả lả, bông lơn:

'Thôi qua không nói kiểu đó nữa, bậu đừng giận. Coi kìa, mỗ bậu chu như cá lia thia ngộp nước coi ngộ hết biết!'

Ông Tư kéo ghế ngồi tréo ngoáy trước mái hiên ngắm cảnh vật. Phong cảnh đã thay đổi nhiều từ mấy năm nay. Đường đất gồ ghề nói nào ngay cũng đã được thay bằng đường trải đá, có những cột đèn đêm tối cũng soi tỏ được một khúc đường. Mấy thửa ruộng trước mặt thì mùa này coi bộ thiếu nước nên khô rang nứt nẻ. Mẹ họ, mấy năm trước còn thấy nước xâm xấp, tát cũng kiếm được cả rổ cá non, bây giờ thì chịu phép.

Phía sau nhà, ngoài cồn, tiếng xúc cặp cát vẫn vang vang. Ba đứa trẻ

chùng 14, 15 mang đồ nghề bắt cá đi ngang ngó ông già Tư cười cười.

Mình đã nói với tụi nó nhiều lần là bắt cá ở cái lổ hàm ếch đó rất nguy hiểm mà lần nào chúng cũng trề môi cười ngạo. Hình như trong đó có nhiều cá nên tụi nhỏ hết lớp này lại có lớp khác chui vô không sợ chết. Chắc là tiếng ồn của máy móc với máy cạp cát làm động ổ nên cá tòm chạy vô đó núp trốn. Tụi nhỏ ham cá chun vô, chết như không mà có ớn đầu. Thằng Khỏe con của Phó Trường Công an xã lại có trong nhóm này. Nhà nó đâu có nghèo mà nhập vô bọn đó...

'Tụi bây bắt cá ở đâu cũng được. Đừng có chun vô cái hang hàm ếch đó nha. Nó sục xuống thì bà hú cả lũ đó.'

Không có tiếng trả lời. Chỉ có những vẻ mặt ngang ngược coi thường. Thằng Khỏe đi thật lúi, giơ cao cái giỏ, le lưỡi nháy ông già rồi cười lớn.

Mình già rồi. Nói hết linh. Thời buổi này tụi nhóc đâu kể số gì tới mấy người già.

Ông Tư ngó theo chúng một hồi nữa rồi quay qua như nghe ngóng những đối đáp của đám thợ dưới sông và mấy cô quần áo nghèo nàn trên bờ. Ông chỉ đứng dậy xách ghế vô nhà khi bắt gặp khóe mắt hình phi tiêu chết người của bà vợ già.

'Chịu vô nhà rồi ha. Không coi mấy gà móng đỏ nói chuyện trây trúa nữa sao?'

'Mấy cháu nó nghèo bán buôn bậy bạ đập đổi qua ngày, coi ngó để biết nhân tình thế thái, gì mà ngầy quá thể!'

'Chối hay ha!'

'Xưa chối để khỏi bị bà hành. Bây giờ thì 'vô tư'! Súng ống liệng bỏ từ 30 tháng 4, đạn được đâu mà ngó mà ham. Hoạn Thơ uống dầm khi khát là bà!'



Thấy mình quá lười, ông Tư chạy tới nắm tay vợ dắt vô nhà, miệng nói: Nhớ con Liên quá. Thăng Trai nhập vô bọn thợ cạo cát không biết còn giữ sự đàng hoàng tới bao lâu. Cắm đồ quá chừng chừng, họa là thánh mới tránh khỏi.

Ngoài kia tiếng máy xúc vẫn ồn ào, điếc tai...

3.

'Anh *Tai* ơi, lên đây vui vẻ đi! Đâu cần gì phải làm hoài. Hưởng đời chứ. Bệnh sao cũ?'

Tư Trai ngó lên khi nghe tiếng kêu tên bụi đời của mình lạnh lạnh vang lên. Nó cúi xuống đồng cát tiếp tục công việc, giả như không nghe.

Người con gái trên bờ kêu giựt một giựt hai:

'Anh *Tai* lên đây mở hàng coi. Ế nhẹ nè. Cho thiếu. Cuối tuần chừng lãnh lương trả cũng được.'

Nó mắc cỡ cứ lăm lăm tiếp tục công việc mình. Tiếng trên bờ lại vọng xuống chen lẫn trong tiếng cười:

'Cho ghi sổ đó.'

Nó bậm môi đi qua bên phía kia xà lan để khỏi nghe những tiếng chọc ghẹo làm nó vừa mắc cỡ vừa bức bối. Nó nhớ tới người tình. Nhớ Liên đi lâu thiệt nhưng thường gọi điện về nói nầy nọ nhớ thương, dặn dò. Nó nhớ tới câu nói trong then thùng của người tình: 'Em về rồi muốn gì cũng được, muốn gì cũng cho.'

Nó lấy xuống. Cổ tình hốt thiết nhiều vô xuống những đồng cát chảy tràn ra gần mé rìa xà lan. Xúc nặng để thở, để khỏi bịt tai trước mấy lời rủ rê dơ dáy, đại hình.

Hai ba người cùng làm việc trên xà lan đi về phía nó, cười cười:

'Tụi nó ngạo mầy nói ngọt kia.'

Nó ngó người bạn như

vạn lơn đừng ghẹo nó thêm. Bỗng họ áp lại đẩy Tư Trai xuống sông, cười:

'Đi vui về đi mầy. Tụi tao mơ cũng không được mời kiểu đó. An bánh trước trả tiền sau. Mầy đời được may mắn như vậy. Đừng chín hầu mại hơi nữa.'

Nó lội mầy sãi đã tới bờ, lóp ngóp nấp đầm cỏ leo lên khi thấy chỗ bờ hơi cao.

Bạn bè vỗ tay. Và mấy người con gái móng đỏ xúm nhau kéo nó lên bờ. Nó vùng vẫy nhưng cũng bị đẩy vô một cái chòi che tạm bợ bằng những tấm phen thưa dán giấy hai bên ở hồ, để lộ ra vài lỗ nhỏ bằng ngón tay.

Bốn bàn tay nhện nấp chặt thăng Trai đè xuống. Nó bủn rủn. Nằm im vì không biết phải làm thế nào cho đúng, cuối cùng thì nó van lơn nho nhỏ: 'Mấy chị tha cho em. Em đã hứa với con bồ em. Không được là không được mà! Con Liên mấy chị biết đó. Nó sẽ khóc chết được khi biết vụ này.'

Trả lời là những tiếng cười dòn của bảy con gái trong phim Tây Du khi Bát Giới lạc vô động nhện nhện.

Im lặng một lát hơi lâu. Tiếng thở dài buồn của thăng Trai nghe rõ hơn khi tấm cửa phen được kéo lên

trong tiếng cười khúc khích của hai cô gái trẻ.

Thăng Trai nằm xây lai trên giường, mắt mở thao láo ngó nóc mùng. Nó suy nghĩ tới bạn tình, nhớ ánh mắt lúng liếng của Liên khi từ giả. Trầm ngâm một lúc nó mở dây kéo túi trên lấy ra ống thuốc cảm, đổ hết vô miệng. Ai rồi cũng chết. Chết chỉ là kết thúc cuộc đời này để sang qua một thế giới khác. Nó nhắm mắt nằm im như ả ỉ mình trong giây phút đó. Ít ra cũng giữ được lời hứa trang trọng với người thương mình.

Thăng Trai còn kịp nghe tiếng ầm thiết lớn đặng phía cái hầm hầm ếch. Đất sụp đổ trôi ra sông, phần nhà sau của ông bà Tư biến mất trong dòng nước đục ngầu.

Trên thành phố, con Liên bỗng nhiên rùng mình rồi ứa nước mắt như có cơn bão cát tạt vô.

(Victorville, CA, Sept 2020)



Hai bài thơ của nữ thi sĩ LOUISE GLÜCK

HOANG PHONG *phóng tác*



VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Xin gửi tặng độc giả xa gần hai bài thơ của nữ thi sĩ người Mỹ Louise Glück (1943), vừa đoạt giải Nobel Văn chương năm 2020.

BÀI THƠ THỨ NHẤT

Hoa diên vĩ hoang dại

*Nơi tận cùng khổ đau,
Mở ra một cánh cửa.
Này bạn, tôi vẫn nhớ,
Bạn bảo tôi cái chết,
Cũng chỉ là như thế.*

*Trên đầu, tiếng xào xạc,
Dậm cành thông lay động.
Bóng im lặng menh mông.
Vài tia nắng yếu ớt,
Trên mặt đất khô cằn.*

*Quả vô cùng khiếp đảm,
Nếu phải tiếp tục sống,
Với tri thức còn nguyên,
Dưới đất đen u tối!
Tất cả đều trôi đi.*

*Nhưng bạn vẫn cứ sợ,
Rồi đây sẽ hóa thành,
Một linh hồn câm nín,
Sức chầm dứt đột ngột,
Một gò đất khô cằn.*

*Thế nhưng tôi vẫn nghĩ:
Phải chăng đây chỉ là,
Những con chim nhảy nhót,
Trên đất trong khóm cây,
Vài khóm cây lè tè.*

*Tận bên kia thế giới,
Bạn còn nhớ hay chẳng?
Tôi xin nói với bạn,
Tôi sẽ tìm được lời:
Những gì phải trở lại.*

Thì cứ hãy trở về,

*Để hoá thành tiếng nói.
Từ sự sống trong tôi,
Tuôn ra một dòng suối,
Muôn bóng râm xanh thắm,
Màu biếc của biển khơi.*

Tựa của bài thơ là *The wild Iris* (Hoa diên vĩ hoang dại) thế nhưng cũng là tựa của một tập thơ từng đoạt giải văn chương Pulitzer năm 1992. Nói chung "tình yêu" - *anh anh, em em* - thường là chủ đề quen thuộc trong thi ca, thế nhưng "cái chết" đôi khi cũng ám ảnh những tâm hồn sâu sắc. Phía sau cái chết là một cánh cửa, hay chỉ là một sự yên lặng menh mông, những tia nắng lấp lánh trên mặt đất khô cằn, vài con chim nhảy nhót giữa những khóm cây lè tè, hay chỉ là một dòng tri thức còn nguyên chôn vùi trong một hố đất đen u tối? Dưới đây là nguyên bản tiếng Anh của bài thơ:

The wild Iris

*At the end of my suffering
there was a door.*

*Hear me out: that which you call death
I remember.*

*Overhead, noises, branches of the pine shifting.
Then nothing. The weak sun
flickered over the dry surface.*

*It is terrible to survive
as consciousness
buried in the dark earth.*

*Then it was over: that which you fear, being
a soul and unable
to speak, ending abruptly, the stiff earth
bending a little. And what I took to be
birds darting in low shrubs.
You who do not remember
passage from the other world*

*I tell you I could speak again: whatever
returns from oblivion returns
to find a voice:*

*from the center of my life came
a great fountain, deep blue
shadows on azure seawater.*

Louise Glück (1992)

BÀI THƠ THỨ HAI

Hai quả phụ

*Mẹ và dì tôi ngồi bên nhau,
Cùng chơi bài "Spite and Malice",
Thú giải trí quen thuộc trong gia đình,
Ngoại từng dạy cho đàn con gái.*

*Giữa mùa hè tiết trời nóng bức,
Mọi người đều ru rú trong nhà.
Ván bài hôm nay dì đang thắng,
Dì bốc được những lá bài tốt.*

*Hè năm nay, mẹ chẳng quen nằm giường.
Hè năm ngoái, mẹ nằm đất,
Để được gần bên cha.
Hấp hối, cha nằm im trên giường.*

*Dì chẳng nhường một nước bài nào cả,
Chẳng đoái gì đến niềm đau của mẹ.
Mỗi người một xấp bài bên trái,
Giữ chặt năm lá bài trên tay.
Đây là cách chơi bài hay hơn cả,
Hay hơn cách chơi bài một mình.
Thú vị nào hơn ngày hôm nay,
Dưới bóng mát của một gian nhà.
Xưa ngoại dạy cho đàn con gái,
Cùng chơi bài tất còn có nhau.
Chẳng cần người bạn đường nào cả.*

*Suốt buổi chiều hôm đó, cả hai
Mê mải những lá bài trên tay.
Thế nhưng mặt trời vẫn còn đỏ,
Hắt xuống những tia nắng chói chan,
Khiến đám cỏ héo khô, úa vàng.
Thế rồi bất chợt, một cái gì đó,
Bỗng nhiên chấm dứt, thật phũ phàng.*

*Từ lâu dì đã quen chuyện đó,
Có thể đây cũng là lý do,
Khiến dì chơi bài hay hơn mẹ.
Các lá bài của dì bay bổng.
Ai lại chẳng mong chờ điều đó.*

*Chấm dứt một ván bài: phải chăng là mục
đích?
Nào có ai là người thắng cuộc.*

Chồng của dì đã mất từ lâu, chồng của

mẹ vừa mới mất vào hè năm ngoái, niềm
đau chưa nguôi. Ngoại dạy đàn con gái hãy
cùng chơi bài với nhau, đây là cách luôn được
gần bên nhau, không cần tìm vui nơi người
khác. Khi ván bài chấm dứt chẳng có ai là
người thắng cuộc. Sự sống phải chăng cũng
chỉ là như thế: một ván bài? Nguyên bản
tiếng Anh của bài thơ trên đây:

Widows

*My mother's playing cards with my aunt,
Spite and Malice, the family pastime, the
game
my grandmother taught all her daughters.*

*Midsummer: too hot to go out.
Today, my aunt's ahead; she's getting the
good cards.
My mother's dragging, having trouble with
her concentration.
She can't get used to her own bed this sum-
mer.
She had no trouble last summer,
getting used to the floor. She learned to
sleep there
to be near my father.
He was dying; he got a special bed.*

*My aunt doesn't give an inch, doesn't make
allowance for my mother's weariness.
It's how they were raised: you show respect
by fighting.
To let up insults the opponent.*

*Each player has one pile to the left, five
cards in the hand.
It's good to stay inside on days like this,
to stay where it's cool.
And this is better than other games, better
than solitaire.*

*My grandmother thought ahead; she pre-
pared her daughters.
They have cards; they have each other.
They don't need any more companionship.*

*All afternoon the game goes on but the sun
doesn't move.
It just keeps beating down, turning the grass
yellow.
That's how it must seem to my mother.
And then, suddenly, something is over.*

*My aunt's been at it longer; maybe that's
why she's playing better.
Her cards evaporate: that's what you want,
that's the object: in the end,
the one who has nothing wins.*

Louise Glück

TẠ ƠN

(trích từ khổ thơ 1 – 17, trường ca Tạ Ôn)

1
Tạ ơn trời đất thái bình
Cuộc chơi ở giữa tử sinh vĩnh hằng
Sơn hà bát ngát gió trắng
Ruộng đồng hoa quả mùa màng bội thu

2
Rằng em nhập cuộc kể từ
Thời gian lãng đãng dường như phong trần
Riêng lòng vẫn thấy thanh tân
Bụi đời mà vẫn trong ngần biết bao

3
Cuối mùa gặt hái xôn xao
Mồ hôi lấm tấm má đào hây hây
Tạ ơn đất mẹ sâu dày
Công nuôi dưỡng kể những ngày một hai

4
Thức khuya mới biết đêm dài
Nuôi con mới biết quan hoài mẹ cha
Đây là tinh huyết thịt da
Đây là thần khí mà ta nên người

5
Con khôn thỏa dạ tươi cười
Con hư đau đớn một đời đắng cay
Tuổi già tóc nhuộm màu mây
Bao giờ đáp được ơn này em ơi

6
Dẫu cho có viết vạn lời
Cũng không tả được biển trời công lao
Vô cùng đất rộng trời cao
Nghĩ thương cha mẹ lòng nao nao lòng

7
Mình đang lặn lội giữa giòng
Đam mê ràng buộc mà không đến bờ
Dính trong bạo nổi phình phờ
Công phu chẳng đủ bao giờ dứt ra

8
Nào là múa hát đồn ca
Nào là rượu ngọt cùng là sắc xinh
Nào là ăn ngủ mặc tình
Tiền tài danh vọng linh đình biết bao

9
Vì mê chẳng biết lối vào
Bỏ đề vô thụ cứ sao miệt mài
Kiếng kia cũng chẳng có đài
Trong ngoài chẳng một cùng hai mới là

10
Vốn không một vết trần sa
Chỗ nào để dính Sa- bà hồi em
Quì trong tuyết trắng trọn đêm
Chắc tay cầu pháp càng thêm lòng thành

11
Xao động là chuyện đã đành
Tìm tâm chẳng thấy duyên lành lại an
Tạ ơn thầy tổ vô vàn
Bên ngoài cửa động ngập tràn ánh dương

12
Thế Tôn xưa mở con đường
Trời người ba cõi dựa nương bồ đề
Từ trong bể khổ ê chề
Tập là nhân của mọi bề khó khăn

13
Diệt là pháp thượng vinh thăng
Con đường đạo đến vĩnh hằng phi phong
Chánh kiến thấy biết đục trong
Chánh tư duy nghĩ lòng không ngại gì

14
Chánh ngữ chẳng chút suyển suy
Chánh ngữ tạo tác chính vì mình thôi
Chánh mạng không sống hẹp hòi
Tôn trọng sự sống muôn loài cộng sinh

15
Ngọn đèn chánh định quang minh
Thân tâm an trú mặc tình thanh thoi
Tinh tấn từ mỗi làn hơi
Giữ cho ba nghiệp sáu thời tịnh thanh

16
Trí huệ sáng suốt tinh anh
Con đường tám nhánh để thành thánh nhân
Sáu căn dính mắc sáu trần
Vạy nên lục thức nhọc nhằn lắm thay

17
Vọng tâm snah khỏi đêm ngày
Mình mê muội mãi chẳng hay biết gì
Chìm trong tham đắm sân si
Vui trong ngũ dục quên đi bồ đề

...

thơ

DU TÂM LÃNG TỬ

Truyện cực ngắn

STEVEN N.



VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

PHIỀN NÃO

Hoà thượng nói pháp về đề tài: "Phiền não và cách đối trị." Thính chúng nghe rất thích thú, vì ai cũng dính ít nhiều. Một người lém lỉnh phát biểu:

- Bạch thầy, con nghe pháp nhưng không hiểu phiền não là gì vậy con chẳng có phiền não.

Đại chúng cười rần rần, hoà thượng cũng cười:

- Vậy thì anh có phiền não không hiểu.

Anh ta lại thưa:

- Bằng như con hiểu, như thế con hết phiền não?

Hoà thượng bảo:

- Ấy là hết phiền não không hiểu của vấn đề này, còn những cái phiền não khác vẫn còn nguyên.

Anh ta chưa chịu, tiếp tục hỏi:

- Mọi người hôm nay ngồi đây nghe pháp, vậy họ hết phiền não?

Hoà thượng nhìn đại chúng ân cần:

- Quý vị mới cầm toa thuốc và chỉ dẫn thôi, phải tự mình uống thuốc thì mới hết bệnh!

AI KHỔ AI SƯỚNG

Một nhóm bạn trẻ ngồi quán cà phê tán gẫu, chuyện trên trời dưới đất, chuyện đời chuyện đạo... Một người cà khịa:

- Mấy ông thầy ở chùa sướng, chỉ có tụng kinh, ngồi

thiền. Người ta cúng dường đủ thứ.

Một người khác chêm vào:

- Trong khi đó bọn mình phải thức khuya dậy sớm, cày bở hơi tai, bận rộn quanh năm suốt tháng.

Người thứ ba cười to:

- Vậy thì tụi bay vào chùa ở cho sướng!

Hai người kia giật mình giãy nảy lên:

- Không được đâu! Cơm chay, áo vải và bao nhiêu giới cấm chịu sao nổi!

Bấy giờ người thứ ba mới cười nhẹ, điểm thêm vào:

- Không chỉ nhiều đó đâu, phải chịu cái khổ trước thiên hạ, vì thiên hạ, phải buông cái "Tôi" xuống và bao nhiêu thứ vẫn âm thầm mà người đời không thấy!

Cả nhóm lắc đầu lè lưỡi.

SAO NHIỀU THẾ

Cuộc hội thảo Phật giáo mở rộng, năm nay quy tụ nhiều tăng ni, học giả và cả đại biểu các tôn giáo khác. Giờ giải lao, một vị chức sắc của tôn giáo bạn hỏi:

- Tôi thấy các tôn giáo khác chỉ có một bộ kinh, nhiều lắm cũng chỉ hai bộ, sao Phật giáo kinh điển nhiều thế?

Thầy đáp:

- Thưa ông, tôi không dám lạm bàn về các tôn giáo bạn. Tôi chỉ nói trong phạm vi Phật giáo thôi! Ông có biết trên đời này có bao

nhieu thứ bệnh chẳng? Bao nhiêu bệnh thì có bấy nhiêu thuốc!

Ông ta lại hỏi:

- Tôi nghe Pháp của Phật chỉ có một vị giải thoát, tại sao lại cần đến tám vạn bốn ngàn pháp môn?

Thầy cười:

- Đúng thế! pháp chỉ có một vị giải thoát, thuốc chỉ có một mục đích chữa bệnh nhưng mỗi bệnh cần có một toa thuốc tương ứng, không thể nào chỉ một toa thuốc có thể thích hợp cho tất cả các thứ bệnh!

Không biết ông ấy thấm thấu được bao nhiêu nhưng không thấy nói gì thêm.

GIÁO KHOA

Thằng bé đi học về, quẳng cái cặp xuống đất:

- Nặng quá ba ơi, con cống muốn treo lưng.

Ba thẳng bé than thở:

- Thế là mất toi gần nửa tháng lương cho bộ sách giáo khoa mới, may mà mình chỉ có một đứa con.

Mẹ thẳng bé cảm râm:



- Con bà nó, sách giáo khoa đối xoắn xoạch năm một, vừa sai vừa thô thiển, từ ngữ ngọng nghịu ngô nghê. Báo chí và dân mạng chữ hà rầm. Học sinh chữ có phải chuột bạch đâu!

Anh chồng lý sự:

- Tây, Tàu nó có đối sách giáo khoa đâu, thế mà vẫn phát triển ào ào. Minh thì ịch tụt hậu!

Bạn của hai vợ chồng đến chơi, nghe thế bèn góp lời:

- Không đối lấy gì ăn, những nhóm lợi ích nó lũng đoạn đấy!

Nói xong anh ta còn tặng hai vợ chồng câu đối cười ra nước mắt

*Giáo khoa xoắn xoạch
đối lợi ích nhóm tranh giành
đấy bạc*

*Khoa giáo quang quác
gào bọn quan nha đầu đá
ngai vàng.*

VÔ MINH

Y là tay vô lại, tứ cố vô thân, gặp thời loạn nhờ xung sát mà leo lên đến hàng tứ trụ triều đình. Sau ấy về làng vinh quy, gặp phải ngày lễ thanh minh. Thấy dân làng cùng kính thần minh. Y sanh tâm sân hận:

- Chẳng có thanh minh chi cả, chỉ có chủ ta và triều đình mới quang minh.

Y và bộ sậu vẫn luôn vỗ

ngực tự xưng là những kẻ thông minh nhất thiên hạ, đả phá tất cả. Ngày chung cuộc đến, không biết có phải cận tử nghiệp thấy nguư đầu mã diện hay sao ấy mà sanh tâm sám hối, rước thầy cúng đám. Thiên hạ nghe được chuyện, cười:

- Ngỡ mình thông minh, nào dè vô minh, gần cửa u minh, nghe tiếng kẻ minh, nói lời biện minh, nhả nhủ đồng minh, thủ hộ nguyên minh, dụng lấy bốn minh...

Sau, người đời có thơ truyền tụng:

Ngỡ mình rất mực thông minh

Ai dè mê lộ mặc tình tự tung

Đến khi cận tử hãi hùng

Bao nhiêu ác nghiệp ùn ùn bủa vây.

XỨ THIÊN ĐƯỜNG

Quan tướng quốc hành phương Nam, bọn tay chân thủ hạ thổi ống đu đu làm cho y sướng rần rật, phút hứng cao độ gào toáng:

- Thế nước đang lên!

Nào ngờ lời linh như bà phán, từ đó thành đô ngập suối, nếu lúc trước chỉ ngập triều cường, giờ thì ngập thường xuyên, ngập đại trà, ngập phổ cập, ngập bình đẳng luôn. Dân coi vậy mà tếu:

- Nhờ ngập mà bọn cướp giật hồng có đường chạy!

Ấy thế mà lũ theo voi hít bã miá cứ ngoác mồm ra tán:

- Xứ thiên đường đáng sống nhất trần gian, dân hạnh phúc nhất loài người, ai ai cũng hài lòng với triều đình...

Đêm, có tay nào đó viết dưới tượng đài giữa vòng xoáy:

*Xứ thiên đường ra đường
ngập nước trộm cướp hoành
hành quan nha những nhiều*

*Người thường diên vô
viện can tiền công quyền hà
khắc dân chúng bất an.*

TRUNG VỊ BỊ THIẾT

Đến hẹn lại lên, năm nay xứ đại bàng hội họp bầu bang chủ mới. Người của nghị đảng tung ra hết mọi thành công lực, sử dụng cả bạch pháp lẫn hắc chiêu, mạ lị không tiếc lời. Đồng hương mỡ cũng nhảy vào cuộc, thậm chí đầu đá, chữ bới, chụp mũ... còn kinh khủng hơn. Những kẻ ôn hoà, biết người biết ta lảng lảng làm phận sự chứ không tranh hơn thua bằng nước bọt. Chú Ba bảo:

- Hoặc cực kỳ giàu, hưởng lộc từ R; hoặc cực kỳ nghèo, ăn phúc lợi từ D; hạng trung vị, tiểu chủ, doanh nghiệp nhỏ, lao động chân chính... đóng thuế sặc máu!

Cô Bảy góp lời:

- Trung vị đóng thuế nặng, lấy đó giảm thuế cho tụi cực giàu và nuôi tụi ăn phúc lợi!

Bạn bè đồn:

- Vậy hai người chọn ai làm bang chủ đây?

Cả hai đồng thanh:

- Ai làm bang chủ phụ thuộc vào phước phần người và vận hạn thịnh suy của xứ ấy. Chúng tôi chẳng theo ai cũng chẳng bỏ ai.

Georgia, 10/2020



Như một vết trâm

TIÊU LỤC THẦN PHONG

ĐOÀN VĂN / TÙY BÚT

Thế là thu sang, thiên hạ vẫn rộn ràng, vẫn bận bịu tíu tít, vẫn quay cuồng trong cuộc sống. Kẻ thì vất vả lo cơm áo gạo tiền. Người thì mưu sự công danh cái thế. Bao nhiêu người nữa thì mê đắm trong việc hưởng thụ sắc dục và vật thực của thế gian này. Gã du tử và những người như gã vẫn lơ mơ ngẩn ngơ giữa cuộc đời, không tiến tới mà cũng không hẳn thoái lui, không biết tự bao giờ và đã bao đời rồi vẫn cứ ngẩn ngơ giữa con đường như một vết trâm.

Con đường nào? Sao lại phải ở giữa con đường? Con đường trần thì hẳn nhiên rồi; con đường đời thì vẫn là thế; con đường tình với chút ít ngọt ngào mà nhiều đau thương, cái thú đau thương này hình như ai cũng trải qua và đều thích thú mới lạ chứ! Con đường công danh thì những gã du tử không có cửa, hoặc giả cũng có cơ hội nhưng không muốn dẫn thân vào; con đường đạo thì ngấp nghé ngoài cửa, nửa muốn vào nửa lại lưu luyến sự đời; con đường sanh tử thì bất tận tự bao giờ. Duy có con đường văn chương chữ nghĩa thì lại buồn cười nhất, nhiều nỗi vu vơ ảm ố hội tề. Thiên hạ bảo là nghiệp chữ, mà đã là nghiệp thì muốn cũng không được mà không muốn cũng không xong. Văn tự kinh, chữ nghĩa đời nhiều nỗi đa đoan, lòng người đầy uẩn khúc, tâm ý chẳng tương đồng nên gây nhiều nỗi thị phi. Con đường trăm năm thì chẳng

hạn kỳ. Gã du tử ngẩn ngơ giữa con đường là vậy! đi - ở không xong, tiến - lui chẳng đặng, đục - trong lợn cợn, tình - mê chập chờn, tình - lý không thông... ôi chao, những gã du tử khờ khạo loanh quanh giữa trần đời!

Thu sang, thu đến, thu tới, thu về, thu đẹp ư? Gã du tử không biết, bởi hồn gã với hồn thu tuy chẳng là một nhưng cũng không phải là hai, làm sao gã có thể nhìn thấy gương mặt gã bằng chính mặt gã được! Đứng nói là vàng thu đỏ lá, ngay cả xuân sắc muôn hoa, hạ biếc cây đời, đông trinh bạch tuyết cũng thế! Gã du tử không biết, bốn mùa đẹp ư? Thôi thì cứ để bốn mùa tự phô diễn cái bản lai diện mục của mình cho thiên hạ xem chơi.

Mùa thu đẹp ư? có thực là muôn sắc gấm hoa chăng? hay biết đâu đó chỉ là nắng của trời, tình túy của đất, hơi ấm của lửa, hơi thở thì thầm của gió tụ hội mà thành? Cũng có thể có gã họa sĩ thiên nhiên trong lúc cao hứng tung cả khay màu muôn sắc xuống trần gian? một góc thiên hạ của địa cầu vào thu, bùng lên với bao sắc màu, làm mê mẩn tâm hồn những gã du tử đang ngẩn ngơ giữa cuộc đời!

Khúc hạc cầm hay ư? Gã du tử không biết vì gã vốn mù nhạc lý, chẳng biết gì về cung bậc thanh âm. Khi người nghệ sĩ tấu lên khúc hạc cầm thì tâm hồn gã du tử cũng rung lên như những

sợi dây đàn đang rung dưới ngón tay ngọc ngà kia. Khúc hạc cầm thánh thót làm hồn gã du tử lạc vào cung mê, nhưng nếu bảo hay như thế nào thì gã chịu thôi! Uống một ly nước thanh khiết mát trong thì biết là sảng khoái, nhưng bảo ly nước thanh lương như thế nào thì làm sao gã có thể giải bày?

Cuộc trăm năm ở giữa thế gian này ngẩn ngui lắm, mong manh lắm! Ngẩn ngui hơn sự cảm nhận được của mình. Nó có thể chấm dứt bất cứ lúc nào, ở đâu và với bất cứ lý do gì. Nó mong manh hơn sự nhận thức của mình, cánh bướm vỗ, cánh hoa lay mình còn có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận nhưng cái mong manh của thân phận người, của cuộc trăm năm này thì không làm sao lường được! Hoặc giả có nhận biết được thì cũng chưa tin hẳn, vì vẫn cứ ngỡ nó dài lâu, vì ngỡ nó dài lâu mà mặc sức tung hoành mưu cầu và đam mê sắc dục, hưởng thụ lạc thú, mặc tình gây nên hậu nghiệp nặng nề về sau. Con người không nhận biết được sự mong manh của cuộc trăm năm nên mới mưu cầu tranh đoạt địa vị công danh, tiền tài, sắc dục, lạc thú... ngày đêm dồn hết tâm lực để nghĩ mưu tính kế để giành lấy bằng mọi giá. Thật tiếc thay, dù công cao cái thế đến như đế vương, tài sản cự phú bằng vài mươi quốc gia gộp lại nhưng một khi hơi thở không vào ra nữa thì bỏ cả

mà đi, đi trắng tay, đi không kịp biết lá vàng rơi đẹp đến nhường nào. Con người ta ở thế gian này có mấy ai đếm đủ trăm mùa lá đổ? Trong số ít ỏi có thể đếm đủ trăm mùa lá vàng thì lại có mấy ai còn đủ minh mẫn để nhận biết muôn sắc гам hoa đang biến một góc thiên hạ trần gian thành vườn địa đàng? Những người thuộc hạng ấy vô cùng ít ỏi, vô cùng hạn hữu. Con người ta trong cuộc chơi trăm năm này, có một số ít người có cuộc chơi tương đối nhẹ nhàng, thảnh thơi sống trong hoan lạc, còn phần lớn thì rất nhọc nhằn mưu sinh, mưu sinh để nuôi cái thân, nuôi gia đình, để duy trì cuộc chơi sanh tử. Cuộc chơi của con người vốn thiên sai vạn biệt vì cái phước báo nhân duyên vốn chẳng tương đồng. Cuộc chơi của mình, số phận mình đều do mình quyết định, không có ai có thể cho mình cuộc chơi này! Con người có cuộc chơi của con người, thánh thần có cuộc chơi của thánh thần, cho đến phi nhân và vô số loại vô hình khác cũng có cuộc chơi riêng của mình, nhưng tất cả đều khổ vì chìm đắm trong tham lam, sân hận và si mê của cõi dục này! Đã ở trong cõi dục thì

ai lo phận nấy, phận mình không xong, phận mình còn trôi hụp thì làm sao có thể vớt được ai? Tất cả cùng bất an giữa cuộc chơi luân hồi vô thủy vô chung.

Một sớm mùa thu, làn gió mát dịu thổi qua, những lá vàng chấp chới bay trong gió. Bambi ngơ ngác và lo lắng hỏi mẹ: "Mẹ ơi, có phải những chiếc lá này đang chết?" Mẹ của Bambi âu yếm nhìn con, khẽ bảo: "Không, không phải chết đâu con! Những chiếc lá ấy là tinh túy của đất mẹ, là rực rỡ của nắng vàng, là hơi thở của không gian, là tươi mát của suối nguồn. Những chiếc lá là hiện thân của xuân, hạ biếc xanh; vàng thu muôn sắc гам hoa. Những chiếc lá tròn năm reo ca với nắng gió, đem lại không khí trong lành và dưỡng khí cho muôn loài, khi trách vụ đã xong, những chiếc lá chảy sáng lần cuối, hiển dương cái đẹp cho đời trước khi về với cội nguồn. Những chiếc lá lại hoá thân thành mùn bón cho cây cỏ, để rồi lại hiện tượng những chiếc lá mới trong mùa sau. Những chiếc lá không chết vì nó vốn chẳng sanh chẳng diệt bao giờ!" Bambi lại thắc mắc: "Thế cây sồi ngã sống

xoài trên mặt đất kia cũng chẳng phải chết?" Mẹ Bambi vỗ vỗ: "Cây sồi già ấy, mẹ con ta và tất cả vạn vật muôn loài ở thế gian này cũng cùng chung một bản chất. Chúng ta vốn là một chút từ đất mẹ, một phần nước mát của suối nguồn, có hơi thở thì thảo của những chiếc lá kia và cái độ ấm của nắng vàng. Riêng loài người thì bọn họ có thêm cái thức, cái tâm. Chính cái tâm ấy lại là con dao hai lưỡi, thẳng hay dọ cũng từ một tâm, tiến hay lùi cũng do tâm, hình tướng thế nào cũng tại tâm, cuộc chơi này như thế nào cũng bởi tâm làm chủ tể. Mẹ con mình và muôn ức loài thú ở thế gian này cũng vì tâm mà mang lấy thân này. Một khi cuộc chơi riêng của mỗi cá thể dừng lại thì cái thân ấy trả về cho đất mẹ, tan theo nước, hoà vào nắng ấm và gió reo, sau đó thì tùy theo phước phần nghiệp lực của cá nhân ấy mà lại mang một hình tướng khác, một thân phận khác. Cuộc chơi sinh tử luân hồi cứ bất tận như thế."

Một cơn gió mới thổi đến, những chiếc lá vàng bay bay trong gió lấp lánh như muôn sao sa. Bambi cảm nhận phút giây an lành hoan hỷ, nó nhảy cẫng lên và húc tung những đám lá vàng trên thảm cỏ xanh.

"Em ở đâu không về đây đếm lá" – (thơ TLTP). Gã du tử vẫn ngẩn ngơ giữa cuộc đời này, gã đâu chỉ hong thơ trong nắng vàng lá đổ của mùa thu, gã hong thơ cả bốn mùa. Tiếng thơ của gã là lời thương lời nhớ, lời của chân tình, lời tình tự nước non, lời thơ vẫn như sóng âm lan toả và mất hút trong không gian vô cùng tận, như viên sỏi ném vào lòng đại dương bao. Em không về đếm lá, gã vẫn ngồi hong thơ, phút du thủ của gã ngẩn ngơ ở giữa cuộc



chơi này! Nếu không có những phút giây ngưng như thế thì cuộc chơi này sẽ vô vị biết bao. Ngoài kia thiên hạ không thể hiểu được phút giây du thủ ngẩn ngơ của gã; gã cũng không làm sao biết được cái thú vui mà thiên hạ dồn cả thân tâm trí lực để mưu cầu!

Vườn chùa mùa này tịch mịch lắm em ơi! Cây trong vườn đang thả những chiếc lá đủ sắc màu gom góp nắng gió một năm trường. Vườn chùa mùa này vắng những tà áo dài tha thướt, tôn tượng bốn sư vẫn điềm nhiên tĩnh tọa, thế sự thế nào cũng chẳng lay động nổi. Hàng đệ tử của ngài hôm nay có không ít những kẻ lợi dụng ngài, nhân danh ngài để làm những việc trái ngược với tôn chỉ và hoài bão của ngài. Danh văn lợi dưỡng thăng thế, nhiều kẻ thân đầu tròn áo vuông lại tham chính, thân chính, bồi mặt đá nhau, tình pháp lữ hao hốt, tranh giành ngôi vị hư danh, mưu cầu danh lợi. Thầy vốn ấn thân nơi sơn lâm nhưng vẫn quan hoài cơ nghiệp của Như Lai, dẫn thân làm trưởng tử. Thân gầy lêu lắt mà bảo giông không quật nổi, cường quyền không lung lay nổi, ma vương không phá được. Đáng dể từ bi mà đôi mắt tinh anh, bàn tay nhỏ nhắn khảy cung đàn trác tuyệt cúng dường Thế Tôn, dâng cái đẹp cho đời, đôi bàn tay ấy mấy mươi năm nay vẫn cầm cốc xôi ruộng nương. Tâm hồn thầy rộng mở bao la như hư không, dung chứa những điều mà pháp lữ không làm được. Thân xuất thế mà những áng văn thơ dậy sóng lòng người. Bộ óc siêu việt, dung chứa kiến thức đời lẫn pháp học mênh mông của đạo. Tấm thân gầy mà pháp học, pháp hành không ai sánh kịp, đức hạnh không ai bằng. Thầy đã nhận lấy ngọn đèn truyền thừa từ

VIẾT CHO THÁNG NGÀY RONG CHƠI

*Chuyện đời mười năm em đừng hỏi
Hợp rồi tan như giấc mộng dài
Lá trên cành nay còn mai rụng
Tình mười năm - chiếc Lá Thu phai...
Anh vẫn bước giữa ngõ đời quanh quẩn
Đêm ngắn tình dài tình trên những đọt tay
Mùa thương nhớ cũng đi qua rất vội
Tóc phai màu tựa thành phố mưa bay...
Mười năm đó anh trôi theo cuộc lữ
Thả đời mình trên những bến sông mê
Chiều tắt nắng ngời vọng về cố quận
Dưới hàng tre thấp thoáng vị sư già!*

thơ **LÊ BÍCH SƠN**
Atlanta, tháng Chín 2020

lịch đại tổ sư, dù có thể nào đi nữa vẫn một lòng gìn giữ chánh pháp của Như Lai và mạng mạch Phật pháp của tổ tông. Dù có độc hành thầy vẫn hết lòng hộ quốc, hộ dân. Thầy đã từng từ chối ra đi để ở lại cùng gánh nỗi đau của con dân, của quốc độ này!

*Đấng tượng vương vẫn
vững chãi thâm trầm, từng
bước đi nhẹ như hơi gió thu
mà định an giữa động loạn,
tình pháp lữ suy hao*

*Bậc sư vương đầy oai
nghiêm dũng mãnh, cất
tiếng hồng rền vang bốn
phương trời lan toả ở cõi vô
thường, giữ ngọn đèn chánh
pháp*

Những ai không nghe, từ chối nghe hoặc giả nghe mà phản bác thì lỗi ấy chẳng phải ở đấng tượng vương, sư vương!

Trời đất vào thu, một góc sơn hà bừng lên như gấm hoa, mùa thu phương Tây: Colorado, New York,

Washington, Paris... có khác gì mùa thu phương đông: Cửu Trại Câu, Tô Châu, Tokyo, Kyoto, Seoul... Đất trời vốn thanh thản mà lòng người chật hẹp; thời gian vốn vô thủy vô chung là mạng người chỉ giữa lần hơi; đồng - tây vốn dung thông mà tâm người nhỏ bé, phân biệt, chẻ chia; trong ngoài vốn tương quan mà tư tưởng hẹp hòi cách ngăn!

Mùa thu đã về đây, em ở đâu? Mắt biếc vẫn mê hoặc người ở giữa cuộc chơi này. Gã du tử lang thang giữa con đường, những con đường không khởi đầu cũng không kết thúc bao giờ. Ta được gì không? Em còn gì không? để lại gì cho quốc độ này, thế gian này? Có chăng chỉ là những dấu giày đạp trên lá vàng giữa cung đường của mùa thu phương ngoại.

TIỂU LỤC THẦN PHONG
Ất Lăng thành, 09/2020

TRÊN CON ĐƯỜNG

Nhuận Hùng

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Con đường xưa... và con đường nay bây giờ có khác gì không nhỉ? Có những lúc mình đi trên con đường sỏi đá chông gai, nhưng cũng có những con đường mòn làng quê nhỏ bé, dưới bóng mát của lũy tre làng hay là dọc bãi biển, bờ sông hàng dừa xanh bát ngát thật tuyệt diệu vô cùng. Đi đâu cũng là dấu chân muôn người, dấu chân bước đến đâu nó sẽ in đậm đến đó, mà còn là mốc thời gian ở đó lắng đọng phiêu bồng năm tháng đậm nét thơ ngây gói trọn nhiều kỷ niệm của một thời thơ ấu đã qua...! Có lắm lúc gặp phải con đường quanh co hiểm trở ngất nghèo khó đi, gai góc treo lên dốc núi cao chót vót... Nói một, cách khách quan "*con đường xưa em đi...!*" (sáng tác Châu Kỳ), có nhiều ca sĩ ưa chuộng...! Nhưng thật tế, không phải con đường tình tứ mà là con đường chúng ta phải vượt qua, đó là con đường sanh và tử. "Sanh tử sự đại" trong giáo lý Phật Đà thường hay nhắc đến. Nếu ai đó gieo tâm tu hành quyết mong đạt tới con đường giải thoát - giác ngộ mà ngày xưa cho tới nay các bậc tu hành đều đi trên con đường đó...!

Con đường hiện tại bây giờ, có những người tu tập vừa đi vừa ngoảnh lại, hoặc vẫn còn thích ngắm nhìn những cảnh tượng chung quanh đủ loại cám dỗ hão huyền như: cell phone, ear phone, mọi tiện nghi điện tử sẵn có trên đời này ở hai bên đường còn có âm thanh nhạc nhả hòa lẫn vào nhau giữa cảnh hỗn độn như thế. Người tu trẻ có còn đủ bản lĩnh vượt qua không nhỉ? Lại còn có những người khắp khểnh phải nương tựa vào nhau mà đi, có những người ngồi xuống để

bằng bó vết thương cho những người vấp ngã, và cũng có những người đi rất nhanh, rất chậm chưa kể những người nản chí bỏ cuộc giữa chừng, nằm đó chờ người tới khiêng về nhà thương tịnh dưỡng.

Đức Phật ngày xưa ngài đã nói: "Ai mà đi tu chẳng khác nào kẻ chèo xuồng mà ngược dòng, nếu tới đích được thì chứng quả còn không xuôi theo mái thuyền bị dòng đời cuốn trôi."



Quả thật, như vậy trên không thể dễ dàng như mình tưởng, học rộng tài cao thuộc lòng nhiều kinh điển, khi thuyết pháp trước đại chúng rất ư dễ dàng. Đến khi hành đạo gặp nhiều chướng duyên thì việc đó là khác nữa. Chúng ta không nên nhìn bề ngoài đạo mạo mà đánh giá vị tu sĩ được, cần có thời gian và sự tu tập của vị sư đó nữa. Việc gì cũng cần có thời gian để định đoạt. Tu là sửa trước trước bản thân chưa hoàn thiện thì lấy gì làm gương cho hàng Phật Tử noi theo. Chưa kể những vấn đề

khác... từ từ rồi quý vị học hỏi sẽ hiểu về giáo lý Phật Đà nhiều hơn.

Dù sao đi nữa tất cả mọi người đi trên con đường giải thoát đều có thể bước vào giai đoạn cuối cùng vào một ngày nào đó. Vậy cái giai đoạn cuối cùng ấy sẽ như thế nào?

Đúng vậy, con đường Bát Chánh Đạo là con đường dẫn chúng ta đi đến bến bờ giải thoát. Nhưng càng tiến bước thì con đường có vẻ ngày càng trở nên rộng hơn, thanh thản và chan hòa ánh sáng. Thế rồi vào một lúc nào đó, bất chợt người lữ hành sẽ cảm thấy con đường biến đổi hẳn đi, tất cả các điểm chuẩn để định hướng hình như đều tan

biến hết không còn xác định được đâu là phía trước, phía sau, bên phải, bên trái, bên trên, bên dưới... Vì thế dù có muốn thì người lữ hành cũng không còn bước thêm được một bước nào nữa, và cũng không thể thụt lùi lại được nữa. Người ấy có cảm giác hình như không gian, thời gian, con đường và cả chính mình đã trở thành một.

Dù có dùng tâm thức để "quay nhìn lại phía sau" thì người ấy cũng sẽ chẳng thấy "Con Đường" ở đâu cả. Các tông phái trước đây như Nguyên Thủy, Tịnh Độ, Thiền Tông, cũng biến mất, hay ít ra cũng không còn đủ sức thu hút nữa, tương tự như các trò chơi bắn bi, đánh đáo hay nhảy dây mà người ấy từng say mê ngày còn nhỏ. Tất cả các hiện tượng đều tan biến không còn tạo ra một sự tương tác nào nữa, các nút thắt của quy luật tương liên đều được tháo gỡ, hiện tượng vô thường và quy luật nguyên nhân và hậu quả không còn gây ra một tác động nào.

Trong Duy Thức Học thường hay nhắc đến A Lại Da thức nghĩa là "những gì che chở cho tâm thức" tức là giữ cho tâm thức vững vàng không bị các thứ xúc cảm bắn loạn, ho-ang mang làm cho nó bị phân tán. Những gì khác biệt giữa Đại Thừa và các tông phái khác chính là phép tu tập độc đáo của tông phái này: đây là cách lợi dụng tất cả các sức mạnh của xung năng trong tâm thức để biến chúng trở thành những sức mạnh tu tập hướng vào sự giác ngộ.

Thí dụ một gốc cây cho ra những quả đắng và độc hại, thì đối với các tông phái Phật Giáo khác thì phải nhổ bỏ tận gốc, chặt bỏ tận rễ khiến cho nó không còn mọc lại được nữa. Thế nhưng đối với Phật Thừa thì người tu tập phải "nuốt" những quả độc đó để chuyển nó thành nguồn sinh lực tinh tú và cực mạnh để giúp mình hướng vào đường tu tập. Tóm lại đây có nghĩa là chuyển tất cả sức mạnh của mọi thứ xúc cảm, kể cả những thứ xúc cảm bắn loạn nhất, thành ra sức mạnh của sự hăng say và trí tuệ. Hơn nữa phép tập luyện còn dựa vào nhiều biểu tượng và nghi lễ thật phức tạp (mạn-đà-la, của mật tông v.v...) do đó tu tập Kim Cương Thừa phải cần đến sự chỉ dẫn và giúp sức của các vị thầy đầy đủ khả năng.

Trên đây là một vài nét phác họa về Con Đường. Phật Giáo tượng trưng cho những bước đi thật chủ yếu và vững chắc, do đó rất tinh khiết. Tịnh Độ chủ trương những bước đi "nhẹ nhàng", vì thế cũng có thể sẽ phải cần đến một thời gian khá lâu dài để có thể nhìn thấy mức đến ở cuối Con Đường. Thiền Tông là một chủ trương ngược lại và được xem là khá "khó", phải chủ động được sự vận hành của tâm thức và quán nhận trực tiếp được hiện thực, và do đó cũng có thể đòi hỏi người tu tập cần phải có một vài khía cạnh đặc biệt nào đó phù hợp với phép tu tập này. Sau hết thì Kim Cương Thừa tỏ ra toàn vẹn và tích cực hơn cả, thế nhưng rất phức tạp và đa dạng, cần phải có một lòng quyết tâm khác thường và sự hướng dẫn của một vị thầy đầy đủ khả năng.

Trên con đường hoằng hóa độc sanh thường hay gặp nhiều chướng duyên, nhưng lắm lúc nghịch cảnh đẩy đưa, làm cho hành giả có nhiều trải nghiệm trong cuộc đời thiết thực. Từ đó rút tía ra nhiều bài học để làm hành trang trên con đường tiến tu hầu mong sau này hướng dẫn cho hàng hậu học trong thời đại văn minh tiến bộ mà xã hội đương thời đang cần đến những bậc thầy tài đức vẹn toàn.

Nói tóm lại, con đường nào cũng thế, đạo đời tuy có khác nhưng mục đích đi tới thì phải tới. Điều đáng nói mình có thể vượt qua chặng đường chông chênh hay không mọi thử thách gian không dễ chút nào. Hay chỉ muốn đợi ai đó lót đường sẵn rồi mình đi, không tốn mồ hôi hay công sức mình cũng có con đường bằng phẳng mà đi. Lúc đó mình muốn nói sao cũng được, vì giáo lý Phật đà không ràng buộc ai cả. Ngộ đạo hay không ngộ là việc khác, còn thuyết giảng mà có nhiều bốn đạo lắng nghe là một chuyện đáng quý rồi. Ai tu nấy đắc không ai tu dùm ai được. Thiết tưởng, tôi không muốn dài dòng, giáo lý của Đức thế Tôn Tam Tạng Kinh Điển ai ai cũng biết, tu hay không là chuyện khác. Còn muốn tìm hiểu thì phải gia công hành trì và chiêm nghiệm học hỏi cho đến nên đến chốn. Thì quý vị sẽ hiểu ngay.

FL, Lake Wales, 2020



Chiến công oanh liệt nhất

Soạn giả: THÍCH MINH CHIẾU
(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

"Trẫm đang say danh lợi, sợ nghe pháp Phật lỡ tin thì bỏ giang sơn, sự nghiệp cho ai." Đây là câu nói của Hoàng đế Vô Tránh Niệm trả lời với đạo thần Bảo Hải.

Vua Vô Tránh Niệm là một vị Hoàng đế danh tiếng lẫy lừng nhất trong thời xưa ấy. Vua có tài đẹp giặc nên trăm trận trăm thắng, đi đến đâu thì các nước đều qui phục, và người ta dâng vua rất nhiều mỹ nữ. Trong số tám ngàn cung nữ, người được vua sủng ái nhất là Mai Phi và Lan Phi của hai nước đem dâng trong khi làm lễ đầu hàng.

Nhưng có lẽ "chiến công oanh liệt nhất" của vị Hoàng đế thanh danh ấy là một hôm mãi say sưa với phép dụng binh, để sửa soạn chinh phục thêm mấy nước, lại đương triển miên trong dục lạc, thì vị cận thần của vua là Ngài Bảo Hải đến mời vua đi nghe Đức Bảo Tạng thuyết pháp. Vua cười: "Trẫm đương say danh lợi sợ nghe pháp Phật lỡ tin thì giang sơn sự nghiệp bỏ cho ai?" Đại thần Bảo Hải làm thỉnh. Nhưng vua ngoảnh lại tìm người sắp sẵn xe giá để vua đi hành lễ.

Thế rồi tất cả đình thần, tám nghìn cung nữ chánh cung Hoàng hậu và Mai Phi, Lan Phi cùng theo vua đi yết kiến Đức Bảo Tạng Như Lai. Sau khi được nghe pháp Phật xong, vua và Hoàng hậu phát tâm cúng dường Phật cùng



Chúng Tăng đầy đủ tứ sự trong 3 tháng.

Sau thời gian 3 tháng cúng dường xong, Đại thần Bảo Hải tâu vua: "Trong tất cả các pháp cúng dường Chư Phật, thì chỉ có pháp Bồ Đề Tâm - Chỉ có phát triển cái tâm trên cầu thành tựu quả Phật dưới nguyện độ tất cả chúng sanh mới là hơn hết."

Trong một tuần suy nghĩ kỹ, vua Vô Tránh Niệm quyết trường từ bỏ vị trước Phật Bảo Tạng, xin xuất gia

làm Sa môn. Trong một đời vua Vô Tránh Niệm đánh đông dẹp bắc, trăm trận trăm thắng; nhưng chỉ có trận giặc lòng này mà ngài đã thắng mới là chiến công oanh liệt nhất.

Ngài Pháp Tạng Tỳ Kheo (vua Vô Tránh Niệm) đối trước Đức Phật Bảo Tạng mạnh mẽ phát bốn mươi tám nguyện. Khi Ngài phát nguyện xong thì cả đại địa đều rung động, vì nguyện nào cũng chứa chan tha thiết một ý niệm cầu cho tất cả chúng sanh thoát khổ được vui, vì thế Đức Bảo Tạng thọ ký cho ngài, sau này sẽ thành Phật hiệu A Di Đà làm giáo chủ cõi nước Cực Lạc.

Phát nguyện rồi Ngài tinh tấn lo tu phước đức. Trong thời gian tu phước, Ngài đã làm tất cả những việc khó làm, nhẫn tất cả những việc khó nhẫn. Giữ gìn thân khẩu ý thanh tịnh, thường hòa thân vào trong các loài, thọ dụng như chúng để tiện bề giáo hóa. Cứ như thế trải vô lượng kiếp cần khổ, tích lũy công đức, đến khi thành Phật thì được phước báo sống lâu vô lượng, nên hiệu Ngài là: **"VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT"**.

Ngài lại giữ gìn phạm hạnh, siêng tu thiền định nên trí tuệ càng ngày càng sáng suốt, cho đến khi huệ tánh bao trùm cả thái hư thì ngài thành Phật niên hiệu là **"VÔ LƯỢNG QUANG"**.

Từ khi phát tâm ban đầu

cho đến khi thành Phật, tất cả việc làm, lời nói, ý nghĩ gì Ngài cũng hồi hướng về chúng sanh cả. Vì thế nên chúng sanh ở cõi Ta Bà có rất nhiều duyên với Ngài, nếu nhất tâm chuyên niệm danh hiệu Ngài dù tối thiểu trong một ngày mười niệm, mà tha thiết cầu sanh về nước Ngài thì hiện đời này sự sống sẽ yên ổn, khi lâm chung chắc chắn được vãng sanh. Khi đã sanh về Cực Lạc thì sẽ được thần thông tự tại, có thể đi khắp tam giới, thấy suốt mười phương và biết được trong ba đời, không còn bị khổ, không có chướng duyên, nên ai đã được may mắn sanh về Cực Lạc thì dễ tu chứng không còn sợ phải trở lại lăn lóc trong cõi Ta Bà này nữa.

Vua Vô Trách Niệm đầu tiên chứng được thiên nhãn thông, Ngài mới biết đại thần Bảo Hải là thiện tri thức, nhờ thiện tri thức kích phát bồ đề tâm vua Vô Trách Niệm mới thành Chánh Giác.

Đại thần Bảo Hải chính là tiền nhân của Đức Thích Ca, Đức Thích Ca là thiện tri thức của Đức Di Đà, mà hiện nay Ngài là Minh Sư của chúng ta...

THẾ QUÁN

Ái hà là ngàn thước nước
xao,
Muôn trùng biển khổ sóng
nhào thương ôi!
Muốn cho khỏi kiếp luân hồi,
Phải mau sớm niệm Nam Mô
Di Đà.



LOAY HOAY GIỮA CON ĐƯỜNG

Một lần đến chơi
Ngõ mình về lại
Đồng quê ơi!
Giữa thảo nguyên con đường dài
Bặt ngàn cỏ
Mênh mông đất trời
Hạt mần nào gieo trong tâm nảy nở trong phút giây
Về đây!
Chôn xa xưa trong quá khứ
Như đã từng ư?
Ngôi nhà nhỏ giữa đồng cỏ hoa
Ngày gieo trồng gặt hái
Đêm đốt nến làm thơ
Mùa xuân em tết hoa đại đội đầu
Năm dài nhìn em mê say
Hạ thảo nguyên
Sống trọn vẹn
Lá vàng rơi vào rừng hái hạnh nhân, nhặt hạt dẻ
Tuyết rơi ngoài cửa sổ
Lò sưởi bập bùng ta có em.
Gã du tử làm thơ
Trong phút chốc mà mấy lần hoá thân
Rời đồng quê
Về lại thành
Đường phố muôn màu sống động
Hồn lòng lộng mênh mông
Yêu biết mấy con đường chiều
Và đêm khuya vũ trường mê hoặc
Hộp đêm mờ ảo nhân ảnh khách làng chơi
Động và tĩnh
Tĩnh và mê
Lần ranh mập mờ
Đời nối tiếp đời
Cơn mơ chưa hề thoả mãn
Dòng tử sanh bất tận
Ngược xuôi loay loay giữa con đường

thơ TIÊU LỤC THẦN PHONG

The Story of the Obstinate Bhikkhu

Dhammapada Verses 311, 312 and 313

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verses (311), (312) and (313) of this book, with reference to an obstinate bhikkhu.

Once, there was a bhikkhu who was feeling remorse for having unwittingly cut some grass. He confided about this to another bhikkhu. The latter was reckless and stubborn by nature, and he did not think much about committing small misdeeds. So he replied to the first bhikkhu, "Cutting grass is a very minor offence; if you just confide and confess to another bhikkhu you are automatically exonerated. There is nothing to worry about." So saying, he proceeded to uproot some grass with both hands to show that he thought very little of such trivial offences. When the Buddha was told about this, he reprimanded the reckless, stubborn bhikkhu.

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 311: Just as kusa grass if badly held cuts that very hand, so also, the ill-led life of a bhikkhu drags that bhikkhu down to niraya/hell.

Verse 312: An act perfunctorily performed, or a practice that is depraved, or a questionable conduct of a bhikkhu is not of much benefit.

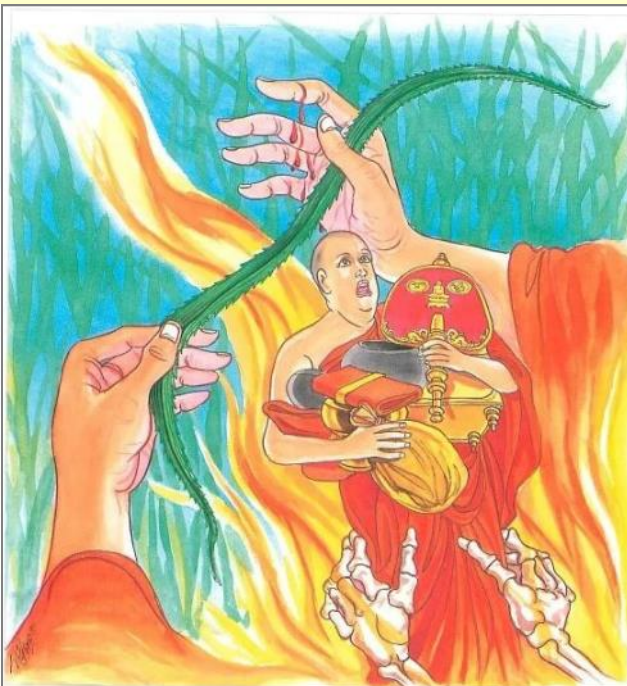
Verse 313: If there is anything to be done, do it well; do it firmly and energetically; for the slack life of a bhikkhu scatters much dust (of moral defilements).

At the end of the discourse the reckless obstinate bhikkhu realized the importance of restraint in the life of a bhikkhu and strictly obeyed the Fundamental Precepts for the bhikkhus. Later, through practice of Insight Meditation, that bhikkhu attained arahatship.

Translated by

Daw Mya Tin, M.A.,

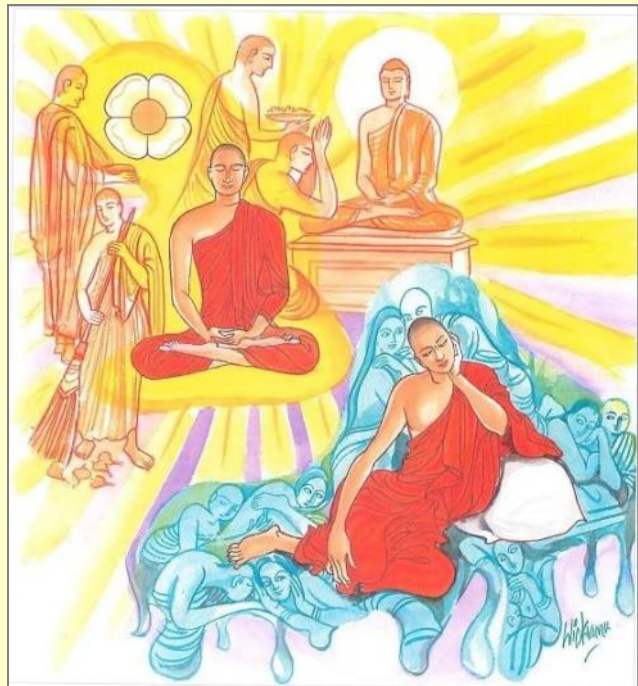
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma.



Ill-lived recluseship to hell-fire leads like kusa grass that cuts when wrongly grasped.

311. *Kusā yathā duggahitō
hattham evānukantati
sāmaññam dapparāmattham
nirayēyā pakadāhāti. (22:6)*

As blady grass when wrongly grasped
the hand does lacerate
so a mishandled monastic life
drags one off to hell.



In what's to be done, resolute ye be. Slackness truly degrades.

313. *Kayirā cē kayirāth'ētañ
dāḥam ētañ parakkamē
sithilō hi paribbājō
bhiggō ākiratē rajam. (22:8)*

If there's aught that should be done
let it be done then steadily,
in truth a slack monastic life
all the more stirs up the dust.

KHÔNG VƯƠNG MẮC

Trong ngôi thiền viện thuở xưa
Đứng đầu là một thiền sư lâu đời
Lìa trần tuổi chín mươi hai
Danh ngài viện chủ khó ai sánh cùng,
Ngài gìn giữ để không vương
Không hề mắc chuyện tầm thường thế nhân.

*

Thuở xa xưa đã có lần
Đóng vai khất sĩ lê chân đường đời
Lúc ngài mới tuổi hai mươi
Bất ngờ gặp gỡ một người không quen
Người này hút thuốc liên miên
Lúc cùng xuống núi dừng bên mé rừng
Nghỉ chân dưới một gốc tùng
Người kia mời thuốc, ngài ưng thuận liền
"Hút khi đói thật thần tiên
Thuốc đưa người hút vào miền mộng mơ
Thật là thích thú vô bờ!"
Ngài đưa nhận xét khi vừa hút xong.
Thấy ngài hoan hỷ trong lòng,
Khách kia tặng lại điều, cùng thuốc dư
Nhận rồi đến lúc già từ,
Ra đi ngài chợt suy tư ngai ngừng:
"Khỏi này quyến rũ vô cùng
Nhưng ta phải quyết chí ngừng lại thôi
Trước khi quá muộn mất rồi
Vì gây trở ngại cho ai tu thiền!"
Để về sau khỏi muộn phiền
Thuốc và ống điều ngài liền vứt ngay.

*

Hai mươi ba tuổi! Giỏi thay!
Ngài chuyên nghiên cứu mê say hàng giờ
Vũ trụ quan rất sâu xa
Đó là Kinh Dịch thật là cao thâm.
Mùa Đông tới, lạnh vô ngần
Ngài cần áo ấm, không chân chờ chi
Viết thư nhờ khách mang đi
Gửi cho thầy cũ ở quê xa vơi
Quê xưa gần cách trùng khơi
Xin thầy giúp đỡ qua thời lạnh căm.
Ngài nôn nóng, ngài băn khoăn
Mùa Đông sắp hết, biệt tăm tin thầy,

Áo đâu không thấy về đây
Khiến ngài trông ngóng bao ngày uống công.
Xem thư mình có lạc không
Nhờ vào Kinh Dịch ngài mong tổ tông
Quê gieo kết quả rõ ràng:
"Khách quên trao bức thư mang theo rồi!"
Thời gian sau chợt có người
Mang thư thầy gửi tới nơi thăm ngài
Thư thầy chỉ hỏi thăm thôi
Còn như áo ấm thầy thời không hay
Thầy đâu biết đến chuyện này
Quê gieo Kinh Dịch trước đây đúng rồi!
Lần này ngài nghĩ: "Chao ơi!
Nếu mà mọi việc trên đời xảy ra
Ta dùng Kinh Dịch đoán ra
Tu thiền ta sẽ lơ là mất thôi
Thật là tai hại quá trời!"
Nghĩ xong ngài quyết buông trôi môn này
Dù cho Kinh Dịch rất hay
Ngài không dùng nữa! Dứt ngay! Chẳng màng!

*

Tuổi hai mươi tám vừa sang
Ngài chuyên tâm học vững vàng thơ, văn
Thêm môn thư họa tuyệt luân
Nhìn xa phương mùa, nhìn gần rồng bay
Tay tiên điều luyện lắm thay
Khiến cho thầy dạy môn này ngợi ca.
Lần này ngài nghĩ: "Thân ta
Văn thơ vương lụy tuy là nổi danh
Nhưng nên ngưng lại cho nhanh
Kéo thành thi sỹ, không thành thiền sư!"
Thế là ngài bỏ làm thơ
Quyết không vương mắc vẫn vợ chuyện đời.

thơ

TÂM MINH NGÔ TĂNG GIAO

(thi hóa, phỏng theo Non-Attachment trong tập truyện
101 ZEN STORIES của Nyogen Senzaki và Paul Reys)

NON-ATTACHMENT

Kitano Gempo, abbot of Eihei temple, was ninety-two years old when he passed away in the year 1933. He endeavored his whole life not to be attached to anything. As a wandering mendicant when he was twenty he happened to meet a traveler who smoked tobacco. As they walked together down a mountain road, they stopped under a tree to rest. The traveler offered Kitano a smoke, which he accepted, as he was very hungry at the time.

"How pleasant this smoking is," he commented. The other gave him an extra pipe and tobacco and they parted.

Kitano felt: "Such pleasant things may disturb meditation. Before this goes too far, I will stop now." So he threw the smoking outfit away.

When he was twenty-three years old he studied I-King, the profoundest doctrine of the universe. It was winter at the time and he needed some heavy clothes. He wrote his teacher, who lived a hundred miles away, telling him of his need, and gave the letter to a traveler to deliver. Almost the whole winter passed and neither answer nor clothes arrived. So Kitano resorted to the prescience of I-King, which also teaches the art of divination, to determine whether or not his letter had miscarried. He found that this had been the case. A letter afterwards from his teacher made no mention of clothes.

"If I perform such accurate determinative work with I-King, I may neglect my meditation," felt Kitano. So he gave up this marvelous teaching and never resorted to its powers again.

When he was twenty-eight he studied Chinese calligraphy and poetry. He grew so skillful in these arts that his teacher praised him. Kitano mused: "If I don't stop now, I'll be a poet, not a Zen teacher." So he never wrote another poem.

By Nyogen Senzaki and Paul Reps



Tuệ nhãn

TÂM KHÔNG VĨNH HỮU



VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Mùa mưa bão lũ lụt thê lương ảm đạm...

Mưa dầm dề suốt đêm, rồi rá rích đến sáng mai không chút ánh mặt trời...

Hai vị cư sĩ tu thiền đã hẹn gặp gỡ nhau từ sớm tại một quán cà phê & trà ấm cúng với nhạc Trịnh liu liu nhẹ nhàng đẩy đưa những ca từ thật đậm đà thiền vị...

Sau hồi thăm hỏi xả giao, vị trung niên từ tốn hớp một hớp trà sen thơm nóng, nói:

"Sau giờ nhập thiền tối qua, đệ mới rõ biết tu thiền tinh chuyên miên mật thì cũng đến ngày mình chứng đắc được... Tuệ Nhãn!"

Vị cao niên nhướng mắt, khẩy cười:

"Vậy sao? Có được Tuệ Nhãn rồi à?"

"Đa. Có rồi!"

"Chắc chứ?"

"Dám chắc luôn, huynh à."

"Ồ, theo tu thiền ba năm rồi mà bây giờ mới đắc được, tính ra cũng hơi bị lâu, nhưng chậm còn hơn là không đắc gì, xin chúc mừng tiểu đệ!"

Vị trung niên chưng hửng, mắt húng, cau có hỏi:

"Nói vậy có nghĩa là đại huynh đã chứng đắc được Tuệ Nhãn từ lâu rồi à?"

"Lâu rồi. Cũng phải năm năm trước rồi." Vị cao niên thần nhiên khẳng định với vẻ tự hào.

"Chà chà... Vậy cho đệ hỏi, sao huynh rõ biết được là mình có được Tuệ Nhãn?"

"Thì nếu đệ rõ biết sao,

thì huynh rõ biết vậy."

"Sao huynh biết được là đệ rõ biết như thế nào để lấy đó mà so sánh cũng như huynh?"

Vị cao niên lại khẩy cười, hớp trà, đặt tách xuống bàn kêu cai cộp, buông từng tiếng chắc nụi:

"Thì đã có Tuệ Nhãn rồi thì rõ biết tuốt luốt chứ sao!"

"Vậy huynh có thể dùng Tuệ Nhãn mà đọc được ý của đệ không?"

"Được. Đệ có dùng Tuệ Nhãn đọc ra ý huynh không?"

"Được. Huynh đệ mình thử đối diện mà đọc ý của nhau xem!"

"Thử liền chứ ngại ngần chi. Nào, xin mời tiểu đệ!"

Hai vị cùng rút chân lên ngồi kiết già trên ghế mây, rồi mắt chọi mắt, nhãn chiếu nhãn, đăm đăm không chớp không động theo những làn hơi thở đều đặn vào vào, khê khàng ra ra...

Thời gian trôi qua thật lâu, hơn nửa giờ đồng hồ, nếu không có đĩa nhân viên phục vụ bàn vô ý vô tứ lại thay bình trà làm động ổn khiến cho cả hai vị giật mình, thì chưa biết "cuộc đấu Tuệ Nhãn" sẽ còn kéo dài đến bao giờ nữa.

Vị cao niên mỉm cười thật thanh thoát, hỏi:

"Sao? Đệ đọc được gì tâm ý của huynh không?"

"Đọc được rõ luôn. Còn

huynh? Tuệ Nhãn của huynh đọc được gì nơi đệ?"

"Dĩ nhiên là đọc và chộp bắt được ý của đệ ẩn trốn thấu tận những góc ngách!"

"Vậy... huynh đọc được đệ đang nghĩ gì?"

"Đệ đang nghĩ cái đó đó!"

"Cái đó là cái gì?"

"Là cái đệ đang nghĩ mà huynh đọc thấy được!"

"Huynh không thể nói rõ ra là cái gì sao?"

"Cái đó là cái đang vẫn còn nằm trong ý nghĩ của đệ đó."

"Ồ, nếu huynh nói vậy thì đệ cũng xin nói huých toẹt ra là đệ cũng thấy cái đó đang nằm trong ý nghĩ của huynh đó kìa!"

"Đệ đọc thấy được cái đó nơi huynh, vậy cái đó là cái gì?"

"Là cái đó đó, nó đang nằm trong đầu huynh. Nếu huynh nói ra cái thấy được của huynh, thì đệ mới nói ra cái đọc được của đệ. Không chừng hai cái đó đó lại giống nhau, y như nhau..."

"Ồ, chắc không giống nhau đâu. Cái đó đó nơi huynh không thể như cái đó đó nơi đệ được."

"Huynh không nói ra thì sao rõ biết được hai cái đó đó không giống nhau, trùng nhau?"

"Đệ không nói ra thì sao dám nói là hai cái đó giống nhau, y như nhau?"

Hai bên cứ ngồi tung qua tác lại lòng vòng luẩn quẩn không ai chịu nhường ai. Bất

chợt, cái thằng nhân viên chạy bàn thày lay khi này thay bình trà làm ồn lại bước đến, lễ phép hỏi:

"Hai bác có gọi thêm gì uống không ạ? Hay cháu thay thêm một bình trà nóng nữa nhé?"

Vị trung niên trợn mắt, gằn giọng:

"Thôi khỏi. Biển đi!"

Vị cao niên thì lườm nguyệt đôi mắt sắc lẹm, nạt:

"Cái thằng... phá đám không à. Lui ra, chỗ người lớn đang nói chuyện!"

Thằng nhân viên chạy bàn thày lay giật mình, tái mét mặt mày, vội lui nhanh vào phía quầy pha chế đứng núp, mắt trở lên ngó ra ngắm hai vị hung thần mà lòng còn... khiếp đảm.

Vị trung niên vùng vằng, móc ví rút tờ bạc đặt lên bàn, lấy bình trà chặn lên trên, rồi nói:

"Mất hứng rồi. Huynh đệ mình có ngồi đây đến chiều tối cũng không rõ biết được Tuệ Nhãn của nhau đâu huynh. Đệ đề nghị mình lên chùa gặp Thầy đi!"

"À, ý đó hay đó. Tiếc là ý đó không phải là cái đó đó mà huynh đã đọc thấy khi này... Đi liền nè, nhờ sư phụ phân định, chỉ giáo!"

Lên đến thiền tự, hai vị cư sĩ trình bày đầu đuôi sự việc, thỉnh ý vị thiền sư giáo thọ.

Sư lắng nghe không bỏ sót từng lời từng từ, gục gặc, mỉm cười, rồi phán:

"Cả hai đều chứng đắc được Tuệ Nhãn!"

Hai vị cư sĩ cùng mừng rơn, mặt mày sáng rỡ, đồng thanh reo lên:

"Thật vậy sao, Thầy?"

"Chứ ta nói chơi làm gì?!"

Cả hai đều đã có, vì nhờ có mà đọc được cái đó đó của nhau!"

Vị cao niên chấp tay xá ba lần, thưa:

"Thầy uyên thâm chắc đã rõ biết cái đó đó ở nơi chúng con, phải không ạ?"

"Đương nhiên." Sư cười nửa miệng, gật đầu.

Vị trung niên xá ba lần, hỏi:

"Cho con mạo muội hỏi, vậy cái đó đó ở hai đứa con

là cái gì ạ?"

Sư đưa tay mân mê râu cằm, nói gọn lỏn:

"U!"

"U là sao, bạch Thầy?"

Cả hai vị cư sĩ cùng kinh ngạc.

"Cả hai đều có Tuệ Nhãn, nhưng trong Nhãn đó đều có cục U, may mà cục U đó... tan biến mất tiêu rồi!"

Cả hai vị cư sĩ trở mặt, rúng động tâm can vì vui mừng, đồng thanh tương ứng:

"Trời Phật ơi... Thật vậy sao, Thầy?"

Sư đứng dậy, phúi mông bước đi được ba bước thì dừng chân, ngoái lại nhìn hai thiền sinh của mình, buông rõ từng tiếng hỏi:

"TUỆ mà mất U, còn lại gì?"

Hai vị cư sĩ nhìn nhau hội ý, há hốc, cùng trả lời như giải mã cho nhau:

"Tuệ mất U, còn... Tệ Nhãn!"

Rồi cùng nhìn lại thì thấy sư phụ khổng còn đứng đó nữa. Biển rồi.



CORONAVIRUS

*Virus là ai, virus ơi!
Ác chiến đã gieo cơn khủng khiếp
Virus còn rắc cảnh tang thương
Khiến bao người bỗng đứng gục chết!*

*Virus có mặt khắp nơi nơi
Cho ta nhẩn gửi vài đôi câu
Bệnh bỗng khổ hải đang chìm đắm
Xin chớ bày thêm chuyện bể dâu.*

*Đang yên lành bỗng tai họa ti
Mảnh hình hài thấm đượm tiêu vong
Corona ào ạt tấn công
Khắp thế giới kinh hoàng lo sợ!*

*Corona đi mây về gió
Tuy nhỏ xiu sức mạnh vô song
Khắp năm châu, bốn biển chôn nơi
Giặc covid tung hoành tứ hướng!*

*Xứ Cờ Hoa hồi này bất ổn
Nào dịch bệnh, động đất, thiên tai
Lại thêm cảnh bất giết bạo tàn
Ngọn lửa sân phùng phùng bốc cháy!*

*Mọi chuyện đều có thể xảy ra
Trời xanh kia cũng phải động lòng
Có những cái chết đầy nghiệt ngã
Hồn ai than khóc giữa đêm đông!*

NGUYỄN CẦU

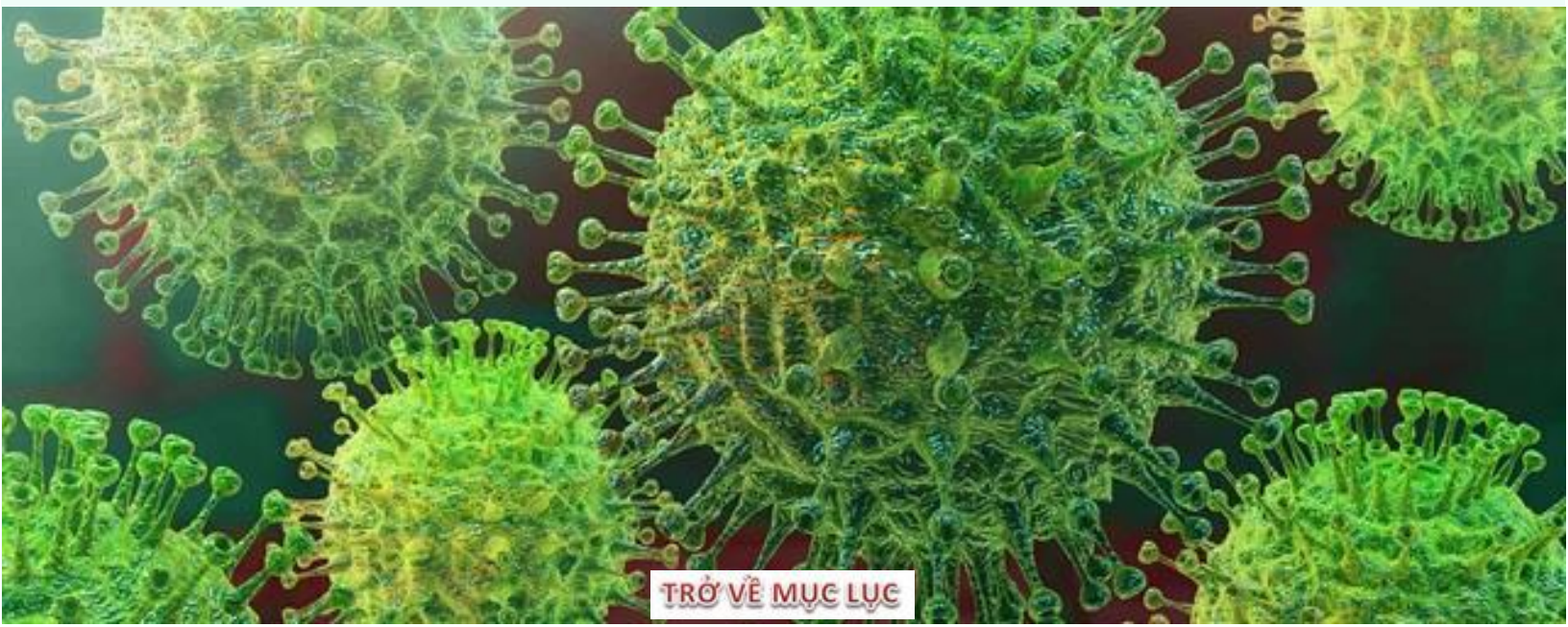
*Tịch mịch đêm thu gió động cành
Tiếng gà eo óc điểm tàn canh
Chùa xa vắng vắng chuông ngân tiếng
Hiên vắng chênh chênh nguyệt xế
mành
Tĩnh giấc mộng trần lòng xao xuyến
Thế giới trong thâm cảnh đau thương
Bao người gục chết vì covid
Chết như mơ, chết thật bất ngờ!*

*Thương biết mấy người vừa nằm
xuống
Mới gặp đây giờ khuất bóng rồi
Cảnh đã buồn nay lại buồn hơn
Không vòng hoa, không người tiễn biệt
Vài thân nhân vội chút khăn xô
Cùng nước mắt tuôn trào đầm lệ
Dưới bầu trời xảm một màu thu
Ôi, đời như giây đứt phím chùng
Mảnh hình hài thôi thế là xong!
Đành giả từ người mình yêu dấu
Để tri âm tôi có đôi dòng
Xin nguyện cầu hương linh siêu thoát!*

thơ

DIỆU VIÊN

San Jose 2020



Ngõ thoát

(tác **Phương Trời Cao Rộng 3**)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**



VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

CHƯƠNG MỘT

(tiếp theo)

Thay vì chờ thẳng tôi về trại giam T20, họ đưa tôi đến một đồn công an trước mặt ga xe lửa Bình Triệu (thuộc quận Thủ Đức) rồi từ đó mới thuê một chiếc tắc-xi đưa tôi về T20. Họ không còn hay trối tay tôi gì cả, có lẽ vì biết tôi không có vũ khí, không có ý chống cự hay tẩu thoát. Dù vậy, các cửa kính của chiếc tắc-xi được quay lên kín mít. Hai anh công an ngồi kèm tôi ở băng sau; một anh ngồi băng trước với tài xế để hướng dẫn lộ trình xe chạy. Qua cửa kính, tôi thấy loáng thoáng những anh công an còn lại phóng xe gắn máy bám theo. Anh công an chỉ huy vẫn cỡi chiếc Vespa màu xám tro, đi trước.

Sau mười lăm phút chạy vòng vo, xe ngừng lại trước cổng trại giam T20 nằm ở số 4 đường Phan Đăng Lưu, trại

giam khét tiếng của Sở Công An Thành phố Hồ Chí Minh (tức Sài Gòn cũ). Lúc còn ở kinh tế mới, tôi đã từng nghe tiếng trại giam này. Trước đây, đã có nhiều vị tu sĩ nổi tiếng bị bắt giam hoặc bị bức tử trong trại giam đó. Trại nằm bên kia đường, hơi chếch mặt tiền của chợ Bà Chiểu một chút. Nghe nói trại này chỉ giam giữ những tội phạm chính trị, thỉnh thoảng cũng có giam một số tội phạm kinh tế và vượt biên nhưng chỉ tạm giam một thời gian để lấy cung rồi các tội phạm loại này cũng theo các tù nhân hình sự để vào trại giam Chí Hòa hay các trại giam khác của thành phố.

Anh công an chỉ huy đưa tay ra lệnh cho người gác cổng mở rộng hai cánh cửa sắt lớn có tôn che kín, rồi ra dấu cho xe tắc xi chạy luôn vào sân trại. Họ mở cửa cho tôi bước xuống, đưa tôi vào đứng chờ ở một góc

tường, gần lối ra vào của các dãy buồng giam. Anh công an chỉ huy vào trong lo thủ tục gì đó. Tôi được *tự do* đứng lại chờ đợi nơi góc sân. Bấy giờ ở giữa sân có một toán công an mặc quần đùi áo thun đang chơi bóng chuyền. Lúc xe mới vào đã thấy họ trở mặt nhìn, có vẻ ngạc nhiên khi có tù nhân mới vào trong ngày chủ nhật như sáng nay. Họ hỏi chuyện với những anh công an đi bắt tôi, rồi xầm xì to nhỏ với nhau, đi qua đi lại gần chỗ tôi đứng để ngắm nghía tôi như muốn xem tận mắt một vật lạ.

Tôi đứng im, nhìn đám mây bay qua bầu trời quang đãng. Trong bốn tháng vừa qua, đây là lần đầu tiên tôi thấy tâm hồn mình lắng đọng, bình thản, vô sự. Niềm an lạc này, hay cái tâm bình thản này hình như đã được kéo dài từ vài ngày trước, và bùng tỏa lên một cách tràn đầy lúc tôi ngồi với đứa bé trên xe lam. Bây giờ, trong

vài phút cuối cùng đứng nơi sân trại giam, tôi có cảm giác là mình bắt đầu khép lại cuộc dong ruổi lâu nay để tĩnh tu trong một tĩnh thất; hoặc gần như là tôi đã tự nguyện bước vào những ngày khổ tu để trau luyện tâm đức.

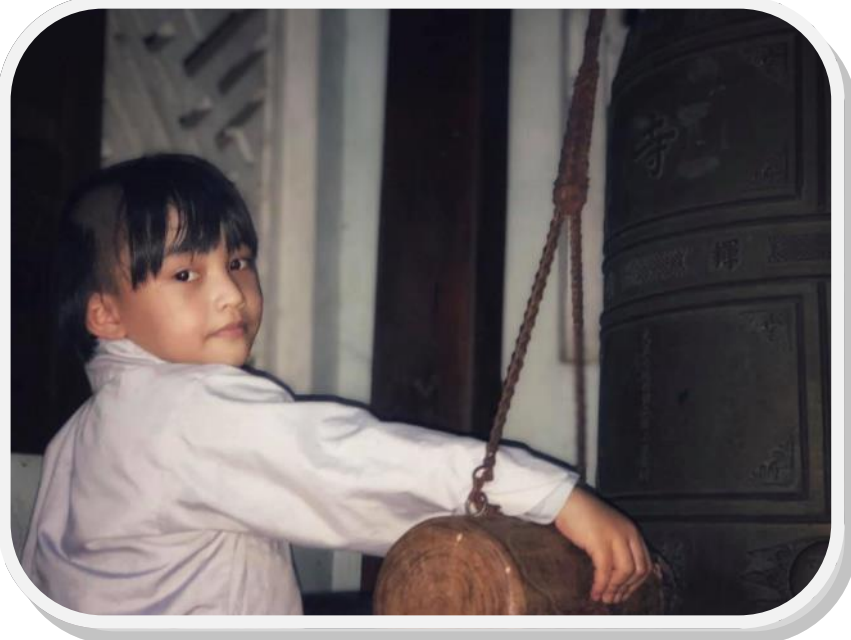
Viên tài xế tắc-xi già này giờ run lập cập, mặt mày xanh mét, bây giờ đang mừng rỡ lui xe ra ngoài, hình như ông không dám lấy tiền thù lao của mấy ông công an. Chiếc xe vừa ra khỏi là anh công an gác cho khép cổng lại ngay. Qua khoảng hở nhỏ dần giữa hai cánh cổng sắt, tôi nhìn thấy xe cộ bên ngoài vẫn rộn rịp. Những khách bộ hành qua lại cúi gằm đầu xuống, hoặc bước thật nhanh, chẳng dám nhìn vào bên trong trại giam như thể sợ bị liên lụy.

*

Thời thế bây giờ nghĩ cũng tức cười. Những người thành thị thì về thôn quê hay đi vùng kinh tế mới để thử nghiệm sức lao động tay chân của mình, trong khi những người ở thôn quê hay từ rừng mới ra thì lại về thành phố để đảm đương công việc hành chánh từ cấp thượng tầng đến cơ sở địa phương. Sự hoán chuyển vai trò và chức năng xã hội này kể ra cũng đem lại khá nhiều kết quả ở phía thôn quê: những người trí thức thành thị, những người bị chế độ mới đặt cho cái tên gọi chung chung là *ngụy quân* và *ngụy quyền*, đã đem sở học của mình áp dụng vào đời sống thôn dã, khiến cho việc làm vốn nặng nề cực nhọc của thôn quê được nhẹ đi phần nào. Dù có kẻ mà kiến thức của họ không dính nhập gì được với đời sống nông thôn thì cũng học được cách làm việc lao động chân tay một cách nhanh chóng. Lao động có khó khăn gì, chỉ là tập cho tay chân được quen thuộc và

có kinh nghiệm trong những động tác sử dụng và điều khiển vật dụng thôi! Coi mùa màng, thời tiết, chọn giống, trồng tía v.v... cũng chẳng phải chuyện to lớn. Chịu khó để ý là được. Kiến thức phổ thông còn cho những tay nhà nông bất đắc dĩ này biết nhiều điều thú vị khác mà anh nông dân thuần túy không sao hiểu nổi (chẳng hạn chuyện đơn giản là tại sao và khi nào có mây, có mưa, có sấm chớp v.v...). Những người có máu buôn bán đã nghĩ ra cách mở tiệm, mở sạp, lập chợ, tạo cơ hội cho dân địa phương trao đổi thức ăn và vật dụng cần thiết mà thôn quê không sao có được hoặc không hề nghĩ đến. Còn các sinh viên và chuyên viên nông lâm súc thì thôi, mặc sức! Lâu nay cái biết cũng chỉ trong sách vở, nay có dịp đi vào thực tiễn ngành nghề chuyên môn của mình. Các kỹ sư cơ khí cũng đóng góp các công trình mà đối với quần chúng nông thôn, hay ngay cả tầng lớp lãnh đạo thành phố cũng phải công nhận là *siêu đẳng* (chẳng hạn như một ông nọ, là *ngụy quân*, sĩ quan

không quân, kỹ sư cơ khí, chuyên sửa máy bay, lên kinh tế mới bỗng nảy sáng kiến tự chế ra cái máy lột (vỏ), xắt và bào khoai mì. Sau này, ở thành phố biết được, bèn triệu anh về thuyết trình cho các chuyên viên cơ khí xã hội chủ nghĩa về cái máy tân kỳ mà anh sáng chế. Anh còn được mời làm cố vấn cho một nhóm kỹ sư xã hội chủ nghĩa lắp ráp *thí nghiệm* một cái máy cải tiến với sự cung cấp các nhu dụng cơ khí một cách tận lực của một xí nghiệp quốc doanh cơ khí thành phố. Sau đó, công trình đóng góp của anh được người ta trầm trồ khen ngợi vài ngày. Rồi sau đó nữa, dù có khả năng, dù có đóng góp một công trình thiết thực cho xã hội, anh vẫn cứ là *ngụy quân*. Anh được về thành phố, khỏi trở lên kinh tế mới. Nhưng nếu biết khôn thì im lặng khi thấy báo đăng "*nhờ tài lãnh đạo sáng suốt của đảng, một nhóm chuyên viên cơ khí ở Hà-nội có sáng kiến chế tạo một chiếc máy xay xát khoai mì củ rất tiện lợi*"! Chẳng có bằng phát minh hay giấy tờ chứng nhận rằng cái máy đó là do anh chế tạo ra cả).



Cho tới các văn nhân, thi sĩ, các nhà tu, các nhà xã hội làm việc từ thiện, các nhà chính trị v.v... không hẹn mà cùng kéo về thôn dã để vui vầy với thiên nhiên, để hành đạo, để ẩn tích mai danh, để phục vụ đồng bào nghèo khổ, hoặc âm thầm hoạt động chờ cơ hội nổi dậy chống lại chế độ mới. Đây là giai đoạn trí óc họ được nghỉ ngơi. Họ xăn tay làm việc nặng nhọc của nông gia, của thợ rừng... Họ học việc nhanh chóng và hoa lợi họ thu hoạch được e không thua gì các nông gia thực thụ. Họ góp phần làm cho cuộc sống nông thôn trở nên màu mỡ, phong phú hơn về mặt đất đai cũng như về đời sống tinh thần. Tóm lại, những tinh hoa của đất nước vì bị bỏ rơi, bị xua đuổi, đã không còn cơ hội để đóng góp đúng mức tài năng của mình. Nhưng sự có mặt của họ ở nông thôn cũng đã cải

thiện phần nào cuộc sống vốn dĩ cơ cực và buồn tẻ nơi đây.

Nhìn sang phía các nhà nông về thành phố cầm quyền, người ta thấy rằng quả thực đất nước đã đi vào một ngõ cụt tối tăm, không chút ánh sáng hy vọng nào ngay từ khởi thủy. Giá trị và nhân cách của con người trong xã hội dĩ nhiên không thể chỉ đánh giá từ nơi bằng cấp và sở học của người ấy, vì đời sống còn có nhiều mặt khác cũng quan trọng không kém. Nhưng khi lực lượng trí thức tinh hoa của dân tộc bị đẩy lùi xuống hàng thứ yếu, hoặc tệ hơn, bị xóa tên trong sinh hoạt xã hội, thì nguy cơ lụn bại của một quốc gia đã có thể thấy rõ rồi vậy. Việc chấp chính không đơn giản như chuyện làm rẫy hay đồn cây rừng, làm lò than. Người ta có thể học làm nông từ lúc

gieo mạ đến lúc gặt trong vòng ba hay bốn tháng. Vừa học việc vừa áp dụng luôn một lúc. Mùa đầu tiên, hoa lợi có thể kém vì cấy trễ hoặc vì chọn nhầm giống xấu, hoặc không biết cách trừ sâu rầy, hoặc chưa có kinh nghiệm bón phân, giữ nước và tháo nước trong ruộng. Nhưng cũng thu hoạch được lúa để ăn, không đến nỗi đói. Qua mùa thứ hai đã được coi là có kinh nghiệm, hoặc tệ lắm thì cứ làm theo bác nông phu thực thụ trong thôn làng thì thế nào cũng thành công. Còn việc chấp chính (dù là ở hạ tầng cơ sở, thôn quệ hay thị thành) thì không dễ như vậy. Một chính sách sai lầm, một quyết định thiếu hiểu biết và thiếu kinh nghiệm, có thể giết chết một làng xã, một dân tộc hoặc lưu lại đến nhiều thế hệ sau.

Vậy mà đất nước này, từ mười năm nay, sau khi



những công quân miền Bắc chiếm trọn miền Nam, đã hoàn toàn được phó thác cho những người thiếu học và không có kinh nghiệm lãnh đạo quốc gia. Dĩ nhiên người ta không thể phủ nhận sự hiện diện của lực lượng trí thức ở nửa phần đất phía Bắc, nhưng có thể nói rằng, lớp trí thức đúng nghĩa của miền Bắc là thiểu số già nua còn sót lại của thời kỳ Pháp thuộc, thời kỳ kháng chiến (mà thành phần này chỉ có mặt, chỉ tồn tại trong xã hội là để phục tùng chính quyền chứ không thực sự đóng góp được gì theo đúng khả năng và quan điểm của họ trong việc xây dựng đất nước; hiện diện theo cách đó thì có cần phải đếm kể không?). Còn lớp trẻ hiện nay của miền Bắc xã hội chủ nghĩa, được đào tạo một chiều trong khuôn mẫu duy vật Mác-xít nhằm phục vụ và củng cố thể lực của bè đảng cầm quyền thì liệu rằng họ có thể được gọi là trí thức hay chăng? Xưa quân vào chiếm miền Nam, người cộng sản lại tiếp tục đào tạo, nhào nặn thêm một đám con em của những người cộng sản năm vùng, rập theo cái khuôn của họ từ mấy chục năm trước ở miền Bắc. Đám con em mới lớn đó hăm hở, hãnh diện với nguồn gốc xuất thân của mình, nhảy ra nắm quyền với trình độ lớp ba, lớp bốn của các lớp bổ túc văn hóa cấp tốc—ba tháng nhảy một lớp. Cầm quyền dưới chế độ cộng sản có khó khăn gì, ngoài bằng cấp hay giấy chứng nhận học xong tiểu hay trung học, chỉ cần gia đình có một người có chút công trạng gì đó với chính quyền cách mạng (đại loại như giao liên, tổ gác chỉ điểm địch quân, gài mìn phá cầu, đốt xe jeep quân đội Mỹ hay quốc gia...) rồi khai thêm là nhiều đời họ hàng xuất thân con nhà nghèo, bản cổ nông (vô sản càng tốt), có ông nội làm dân gánh nước

thuê, có cha làm thợ hớt tóc hay đánh giày vân vân... thì chắc chắn là quyền lực và quyền lợi sẽ tới tay. Từ hạ tầng, trung tầng cho đến thượng tầng cũng được thành lập và tuyển chọn cấp lãnh đạo đại khái cũng một cách như thế, tức là chỉ dựa vào lý lịch, vào công trạng của đường sự và gia tộc đối với Đảng Cộng Sản.

Nói như vậy không có nghĩa rằng tôi đã lạc quan tin tưởng vào giới trí thức gọi chung là trí thức miền Nam Việt Nam. Tôi không tin rằng hễ cứ lấy được một cái bằng cử nhân, cao học hay tiến sĩ của một ngành nào đó thì sẽ trở thành trí thức. Tôi cũng không tin rằng hễ cứ thông được vài thứ ngoại ngữ để đọc sách báo hoặc làm thông ngôn cho Pháp, cho Mỹ, cho Nhật... thì sẽ là trí thức. Tôi cũng không tin rằng lỗi giáo dục đào tạo chuyên viên theo kiểu Mỹ—tức là chỉ nhào nặn ra được những cái máy người biết mỗi việc chuyên môn trong ngành nghề của mình—có thể sản sinh ra được những nhà trí thức đúng nghĩa... Tôi chỉ tin rằng trong hoàn cảnh tương đối tự do hơn ở miền Nam Việt Nam, người dân có nhiều cơ hội để mở rộng tầm nhìn quan của mình ra với thế giới bên ngoài mà tiếp thu và chắt lọc được tinh hoa văn hóa của nhân loại. Chỉ ở cái cơ hội tốt đẹp đó người ta mới có thể tin tưởng rằng ít nhất cũng đã có một số lượng trí thức nào đó phát sinh tại phần đất phía Nam để đảm nhận vai trò xây dựng đất nước. Họ đã có cơ hội để được có mặt. Có điều là họ chưa có cơ hội để đóng góp thực sự cho đất nước mà thôi.

Ở hai chế độ cộng hòa của miền Nam Việt Nam, giới trí thức đúng nghĩa không được sử dụng đúng chỗ (nếu không nói là chỉ

hiện diện như những cây kiềng để tô điểm cho bộ mặt văn hóa của quốc gia). Người ta vẫn thấy sự tương đồng buồn cười nào đó giữa hai chế độ cộng hòa này với chế độ xã hội chủ nghĩa của miền Bắc: hễ là con cháu, thân tộc hoặc biết xu phụ nhà cầm quyền thì thế nào cũng có được chức quyền để leo lái đất nước. Như vậy, giới trí thức thực sự của Việt Nam ở đâu? Rõ ràng là họ có đó, ở miền Nam lẫn miền Bắc, mà cũng như không. Các nhà cầm quyền không cần họ nếu không nói là sợ, hoặc thù ghét họ.

Khi đất nước thống nhất trên mặt địa lý và pháp lý (cưỡng bức), giới trí thức miền Nam cũng lâm vào một hoàn cảnh y hệt như giới trí thức miền Bắc trước đây. Họ giống như những trái chín trong một vườn cây có rào, không ai ăn được. Trái cây chỉ được hái xuống bởi chủ nhân khoảnh vườn, và hái xuống để làm gì thì cũng tùy theo ý thích của chủ nhân ấy mà thôi.

Một khi quốc gia trong thời hiện tại, được điều hành theo lẽ lối thô sơ và dựa vào cảm tính của chế độ làng xã địa phương cổ truyền thì đất nước vẫn có khả năng tồn tại đấy (dù là tồn tại một cách què quặt, dật dờ, bệnh hoạn), nhưng sự chậm tiến (nếu không nói là lạc hậu) chắc chắn sẽ xảy ra. Mà ở bất cứ thời đại nào, nhất là thời đại văn minh ngày nay, đi lùi hoặc dậm chân một chỗ, có nghĩa là tự hủy diệt.

Như nhiều công dân khác của đất nước, tôi không muốn nhìn thấy sự hủy diệt đó. Tôi kịch liệt chống lại chính quyền, đòi hỏi một tương lai sáng sủa hơn cho đất nước. Tôi thất bại. Tôi lần trốn. Tôi mệt mỏi. Và hôm nay, tôi vào tù.

(hết Chương Một, mời đọc tiếp Chương Hai vào kỳ tới)